ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

Số: 871 /TB-HĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc triệu tập thí sinh dự thi tuyển công chức năm 2022

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Hội đồng thi tuyển công chức năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt danh sách đủ điều kiện, tiêu chuẩn và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển công chức năm 2022,

Hội đồng thi tuyển công chức năm 2022 (*sau đây viết tắt là Hội đồng thi*) thông báo một số nội dung như sau:

1. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển công chức năm 2022 do Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức *(theo danh sách đính kèm)*.

2. Đề nghị các cơ quan, đơn vị thông báo đến từng thí sinh dự thi các nội dung sau:

a) Thí sinh nhận Phiếu báo thi[1].

- Thời gian: từ ngày 03 tháng 3 năm 2022 đến ngày 11 tháng 3 năm 2022
- Thí sinh liên hệ với cơ quan, đơn vị dự tuyển để nhận Phiếu báo thi.

b) Thời gian và địa điểm thi tuyển

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM
1	Xem danh sách phòng thi theo số báo danh; Sơ đồ vị trí các phòng thi.	***Ngày 14 tháng 3 năm 2022*** tại Học viện Cán bộ Thành phố và Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ
2	Dự khai mạc Kỳ thi; nghe công bố các Quyết định: Thành lập Hội đồng thi, Ban Giám sát, Ban Coi thi; phổ biến Quy chế thi, Nội qui thi.	Từ ***7 giờ 00 đến 7 giờ 30, ngày 15 tháng 3 năm 2022*** tại Học viện Cán bộ Thành phố. *Lưu ý: Chỉ các thí sinh tham dự Ca thi số 1 ngày 15 tháng 3 năm 2022 mới dự khai mạc Kỳ thi*

[1] Đối với thí sinh đã nộp phí thi tuyển theo Thông báo số 525/TB-HĐ ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng thi về việc thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi tuyển công chức năm 2022 và nộp phí thi tuyển công chức

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM
3	Thi Vòng 1: - Môn Kiến thức chung (bài trắc nghiệm trên máy tính 60 phút). - Môn Ngoại ngữ (bài trắc nghiệm trên máy tính 30 phút). *Lưu ý: Thí sinh thuộc trường hợp được miễn thi môn Ngoại ngữ hoặc không thi môn Ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu trong danh sách niêm yết không phải dự thi môn Ngoại ngữ.*	Từ ***ngày 15 đến ngày 20 tháng 3 năm 2022*** tại Học viện Cán bộ Thành phố. Mỗi ngày có 02 ca thi: **- Ca thi số 1:** + 08 giờ 00 phút đến 09 giờ 00 phút: thi môn Kiến thức chung + 09 giờ 45 phút đến 10 giờ 15 phút: thi môn Ngoại ngữ **- Ca thi số 2:** + 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút: thi môn Kiến thức chung + 15 giờ 15 phút đến 15 giờ 45 phút: thi môn Ngoại ngữ.
4	Niêm yết danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi Vòng 2.	***Ngày 21 tháng 3 năm 2022*** tại Học viện Cán bộ Thành phố và Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ
5	Thi Vòng 2 - Môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Bài thi viết 180 phút, Đề mở).	Từ ***08 giờ 00 đến 11 giờ 00, ngày 22 tháng 3 năm 2022*** tại Học viện Cán bộ Thành phố.

4. Yêu cầu đối với thí sinh

- Thí sinh tham dự kỳ thi thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội qui đối với thí sinh[2] và nội qui, quy chế của kỳ thi[3].

- Thí sinh mang theo ***giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước hoặc một trong các giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh và Phiếu báo thi*** trong các ngày thi để giám thị phòng thi đối chiếu khi gọi vào phòng thi.

- Thí sinh nghiêm túc thực hiện thông điệp 5K và các quy định về phòng, chống dịch COVID-19.

Lịch thi và các nội dung liên quan đến việc tổ chức kỳ thi sẽ được đăng tải trên *Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ, địa chỉ https://sonoivu.hochiminhcity.gov.vn.*

---

[2] Quyết định số 53/QĐ-HĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thi tuyển công chức năm 2022 về ban hành nội qui thi tuyển đối với thí sinh kỳ thi tuyển công chức năm 2022.

[3] Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Hội đồng thi đề nghị các Sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện sao chụp Thông báo này gửi đến từng thí sinh dự thi để chủ động thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Thành viên Hội đồng thi; Ban Giám sát;
- Tổ giúp việc Hội đồng thi (để thực hiện);
- Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- Trường Đại học Sài Gòn;
- Học viện Cán bộ Thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Sở Nội vụ;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, HĐT, T.

TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NỘI VỤ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Huỳnh Thanh Nhân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2022

(Đính kèm theo Thông báo số 871/TB-HĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thi công chức năm 2022)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Dương Phượng	Ngân	24	10	1997	x	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Quản lý hồ sơ cán bộ công chức và bảo hiểm xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2	Mai Thị Ngọc	Nga	17	6	1995	x	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Quản lý hồ sơ cán bộ công chức và bảo hiểm xã hội	01.003	Đại học	Quản lý công (ngành Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3	Nguyễn Hữu	Luân	5	6	1999		Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Quản lý hồ sơ cán bộ công chức và bảo hiểm xã hội	01.003	Đại học	Quản lý Tổ chức và Nhân sự (Ngành Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
4	Nguyễn Ngọc	Mai	30	7	1994	x	Ban Quản lý An toàn thực phẩm	Quản lý hồ sơ cán bộ công chức và bảo hiểm xã hội	01.003	Đại học; Thạc sĩ	- Quản lý nhà nước - Quản lý công				Tiếng Anh			
5	Nguyễn Huy	Hoàng	15	3	1986		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý Quy hoạch và Xây dựng	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
6	Huỳnh Đoàn Trung	Nhân	11	10	1989		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
7	Nguyễn Duy	Tuấn	2	3	1998		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
8	Lê Song	Thuy	13	12	1996		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003	Đại học; Thạc sĩ	Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Quản lý Xây dựng				Tiếng Anh			
9	Trương Văn	Mạnh	5	9	1983		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình				Tiếng Anh	UT2	5	
10	Nguyễn Văn	Tuấn	8	1	1992		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
11	Bùi Lê	Khánh	21	11	1989		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý quy hoạch và xây dựng	01.003	Đại học	Khoa học Kiến trúc			x				
12	Nguyễn Thanh	Xuân	10	11	1997	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
13	Lưu Thị Khánh	Hiền	24	10	1991	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ môi trường				Tiếng Anh			
14	Trương Minh	Nhựt	12	4	1997		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
15	Phan Thị Diễm	Huỳnh	12	12	1994	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
16	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	16	11	1996	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
17	Nguyễn Thị Hoàng	Nga	23	9	1995	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
18	Lê Thanh	Nhật	5	8	1991		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
19	Lê Phạm Ngọc	Tấn	15	6	1997		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
20	Trần Thị Hạnh	Tiên	19	3	1993	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
21	Huỳnh Ngọc	Quân	21	4	1995		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ môi trường				Tiếng Anh			
22	Trần Thị Hoàng	Anh	2	2	1997	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
23	Đồng Quang	Kiên	1	1	1991		BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Thạc sĩ Đại học	Kỹ thuật môi trường; Công nghệ môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
24	Huỳnh Thị Huyền	Trân	23	1	1993	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
25	Hồ Thị Thanh	Thủy	25	5	1991	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Đại học	Quản lý và công nghệ môi trường				Tiếng Anh			
26	Lê Thị Thùy	Trang	14	3	1983	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Quản lý tài nguyên và môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường			x				
27	Lê Thanh	Tiền	16	2	1977	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Văn thư	02.008	Trung cấp	Hành chính văn thư				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
28	Lê Thị Thu	Thủy	24	2	1995	x	BQL Khu chế xuất và công nghiệp	Văn thư	02.008	Trung cấp	Hành chính văn thư				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
29	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	2	1	1994	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế và quản lý công				Tiếng Anh			
30	Phạm Tường	Quân	12	4	1996		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
31	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	10	8	1993	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
32	Lê Thị Hồng	Nhạn	22	10	1986	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế				Tiếng Anh			
33	Ninh Hà	Dương	18	8	1988	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
34	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	1	7	1990	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Trung			
35	Dương Ngọc Bảo	Tuyền	24	8	1988	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Thạc sĩ	Quản trị				Tiếng Anh			
36	Đỗ Thùy	Trang	19	10	1992	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
37	Võ Linh	Khương	9	10	1999	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
38	Thái Xuân	Thiệu	29	12	1995		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
39	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	16	1	1989	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
40	Nguyễn Vũ Nam	Trung	19	4	1996		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
41	Võ Thị Yên	Bình	9	2	1988	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Thạc sĩ	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
42	Đinh Văn	Lam	12	9	1994		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
43	Đoàn Thị Thanh	Thúy	2	1	1989	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
44	Nguyễn Đoàn Phương	Thảo	10	10	1987	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
45	Lê Thị Bích	Phượng	10	4	1993	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
46	Nguyễn Thị Đăng	Khoa	14	2	1995	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
47	Dương Thị	Loan	19	1	1986	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Marketing			x				
48	Lý Trung	Hiếu	22	5	1986		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
49	Nguyễn Thúy	Siêng	8	1	1995	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
50	Lê Thị Hoa	Ban	1	12	1991	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
51	Nguyễn Thị Kiều	Trang	12	10	1996	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
52	Nguyễn Trương Hoài	Trang	20	1	1994	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
53	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	27	3	1994	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
54	Phạm Ngọc Hoàng	Phương	13	10	1999	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
55	Huỳnh Thanh	Duy	1	7	1995		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
56	Nguyễn Đức	Nghĩa	4	9	1995		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
57	Trần Võ Hữu	Chánh	7	12	1993		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế			x				Chưa đóng phí thi tuyển
58	Phạm Huỳnh Phi	Vũ	18	2	1989		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
59	Phan Nguyễn Thanh	Hải	17	11	1997		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
60	Nguyễn Gia	Khánh	11	11	1997		BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý doanh nghiệp và lao động	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
61	Võ Linh	Phương	16	3	1986	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Luật Thương mại				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
62	Hoàng Thị Lệ	Thu	5	9	1996	x	BQL Khu Công nghệ cao	Quản lý dự án và cấp phép đầu tư	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
63	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	28	2	1994	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
64	Trần Bích	Tuyền	24	9	1993	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý xây dựng				Tiếng Anh			
65	Bùi Anh	Tuấn	5	11	1996		BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			
66	Tạ Nguyễn Phương	Nguyên	26	3	1987	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Kiến trúc công trình				Tiếng Anh			
67	Tống Lê Thị Ngàn	Thương	21	6	1990	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
68	Lý Tùng	Dương	20	8	1995		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
69	Mai Thị Tường	Vi	1	2	1998	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
70	Nguyễn Thị Thanh	Hà	11	11	1985	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
71	Nguyễn Bình	An	26	1	1991		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
72	Nguyễn Diễm	Trinh	24	7	1990	x	BQL Tây Bắc	Tài chính - Kế toán	06.031	Đại học	Tài chính ngân hàng	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
73	Lê Viết	Thiện	19	12	1989		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
74	Phan Thị Ngọc	Ngân	27	9	1996	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
75	Mai Cao	Thạch	1	3	1995		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
76	Hồ Minh	Tiến	2	3	1996		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
77	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	28	12	1989	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Môi trường				Tiếng Anh			
78	Lê Hải	Đăng	12	10	1997		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
79	Nguyễn Ngọc Diễm	Ân	21	12	1997	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
80	Phan Thanh	Phương	8	6	1993		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
81	Phạm Hữu	Đang	10	10	1998		BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
82	Trần Thúy	Vi	3	2	1990	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
83	Đỗ Thị Ngọc	Diễm	28	7	1982	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
84	Trần Nguyễn Thanh	Lan	20	2	1991	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
85	Trần Hữu	Hậu	28	7	1996		BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
86	Huỳnh Thụy Thanh	Trúc	16	9	1996	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
87	Nguyễn Mộng	Tuyền	18	12	1996	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
88	Nguyễn Quốc	Khương	23	10	1993		BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
89	Nguyễn Thị Bích	Huyền	18	11	1999	x	BQL Tây Bắc	Tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
90	Mai Thanh	Kim	2	7	1998	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
91	Phan Ngọc	Thúy	21	8	1990	x	BQL Tây Bắc	Đất đai - Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
92	Ông Thành	Trí	13	3	1987		Sở Công Thương	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Mạng máy tính				Tiếng Anh			
93	Trương Diệp	Thanh	31	8	1992	x	Sở Công Thương	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	- Ngân hàng - Thương mại điện tử (ngành Hệ thống thông tin quản lý)				Tiếng Anh			
94	Trần Thị Thúy	An	11	5	1984	x	Sở Công Thương	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
95	Nguyễn Bảo	Anh	21	9	1991	x	Sở Công Thương	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
96	Cao Thị Ánh	Hồng	17	9	1988	x	Sở Công Thương	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh văn C	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
97	La Thiên	Thư	6	3	1992	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	- Thạc sĩ - Kỹ sư tài năng	- Th.sĩ. Công nghệ thực phẩm - KS. Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
98	Phan Nguyễn Duy	Khang	11	2	1984		Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	Cử nhân Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
99	Dương Thị Hoàng	Cúc	31	1	1989	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	- Quản trị doanh nghiệp - Luật học				Tiếng Anh			
100	Đào Thị Thanh	Huyền	15	3	1988	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
101	Đoàn Ngọc	Anh	24	12	1991	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	Bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm (ngành công nghệ thực phẩm)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
102	Bùi Như	Hảo	23	2	1997	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
103	Nguyễn Thanh	Duy	28	5	1991		Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	Quản lý công nghiệp				Tiếng Anh			
104	Nguyễn Trần Ngọc	Bích	22	12	1995	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
105	Nguyễn Lê Anh	Thư	22	10	1996	x	Sở Công Thương	Quản lý công nghiệp	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
106	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	25	2	1986	x	Sở Công Thương	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	01.003	Đại học	KS. Công nghệ sinh học y dược				Tiếng Anh			
107	Trần Thị	Nguyệt	1	11	1986	x	Sở Công Thương	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ sinh học				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
108	Trần Thị Thanh	Thảo	8	10	1990	x	Sở Công Thương	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ sinh học				Tiếng Anh			
109	Lại Thị Hồng	Nga	25	1	1995	x	Sở Công Thương	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	01.003	Đại học	Sinh học				Tiếng Anh			
110	Nguyễn Hà Hoàng	Vũ	3	10	1989		Sở Công Thương	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật Hóa học				Tiếng Anh			
111	Ông Nguyễn Phương	Chi	14	1	1983	x	Sở Công Thương	Quản lý kỹ thuật an toàn và môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
112	Nguyễn Bá	Đạt	3	5	1994		Sở Công Thương	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh (ngành Thương mại)			x				
113	Nguyễn Phong	Doanh	31	8	1998		Sở Công Thương	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	01.003	Đại học	Toán Tài chính				Tiếng Anh			
114	Hồ Như	Ngọc	19	10	1993	x	Sở Công Thương	Quản lý quy hoạch - kế hoạch	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
115	Phạm Đình	Lương	1	1	1974		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Thạc sĩ	- Th sĩ. Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước - CN. Kinh tế lao động và quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh	UT2	5	
116	Nguyễn Thị Thanh	Thương	1	10	1998	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Cử nhân Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
117	Phạm Ngọc	Ánh	13	9	1999	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Cử nhân Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
118	Nguyễn Ngọc Mai	Chi	17	1	1996	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
119	Trần Thị Thanh	Tâm	7	9	1997	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Tài chính công (ngành Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
120	Trương Minh	Nhựt	16	7	1989		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh			
121	Nguyễn Trí	Dũng	16	11	1998		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
122	Nguyễn Hồng	Khang	21	9	1998		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
123	Đặng Hoàng	Nghĩa	1	8	1994		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản trị nhân sự			x				
124	Vũ Minh	Thiện	22	9	1997		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý và tổ chức nhân sự				Tiếng Anh			
125	Lê Thị Kiều	Linh	22	8	1987	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
126	Nguyễn Thị Thùy	Trang	6	12	1999	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
127	Lê Thanh	Nguyên	20	4	1999		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
128	Trần Lê Minh	Thư	30	3	1997	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về xã hội học (ngành Cử nhân Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
129	Phan Anh	Thư	16	2	1999	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
130	Nguyễn Công	Chánh	9	3	1997		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
131	Phạm Thị	Việt	20	1	1994	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
132	Lương Gia	Linh	3	11	1996	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
133	Trần Kim	Oanh	7	12	1996	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
134	Đặng Thanh	Quý	25	1	1990		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
135	Bùi Minh	Anh	8	5	1998	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh	UT2	5	
136	Phan Thiên	Hương	9	11	1998	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
137	Phan Vũ Anh	Thư	20	2	1999	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
138	Trần Anh	Huy	7	7	1984		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh			
139	Lê Thị Tuyết	Mai	9	2	1991	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
140	Phạm Thị	Thảo	20	1	1996	x	Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý và tổ chức nhân sự				Tiếng Anh			
141	Thân Thành	Nhật	27	1	1996		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Đức			
142	Lê Quang	Hòa	2	4	1987		Sở Công Thương	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Hành chính học (ngành Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
143	Phạm Hữu	Chính	25	6	1984		Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Đại học	Báo chí và truyền thông				Tiếng Anh			
144	Phạm	Sang	18	5	1988		Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			x				
145	Trần Thị	Thanh	30	10	1990	x	Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Đại học	Việt Nam học-Văn hóa du lịch- Hướng dẫn viên du lịch			x				
146	Phạm Ngọc Minh	Mẫn	23	9	1991		Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Đại học	Quan hệ quốc tế				Tiếng Anh			
147	Phan Thị Huyền	Trân	19	10	1987	x	Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Đại học	Du lịch			x				
148	Trịnh Thị Thảo	Quyên	15	8	1998	x	Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Đại học	Hướng dẫn du lịch				Tiếng Anh			
149	Hồ Thị Tuyết	Nga	10	2	1987	x	Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Đại học	Marketing tổng hợp				Tiếng Anh			
150	Nguyễn Tuấn	Cảnh	3	9	1998		Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Đại học	Marketing				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
151	Võ Trường	An	24	11	1999		Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Đại học	Hướng dẫn viên du lịch				Tiếng Anh			
152	Nguyễn Hải	Ly	23	7	1997	x	Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Đại học	Quản trị Marketing				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
153	Trần Ngọc	Khiêm	16	7	1986		Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Thạc sĩ	Marketing				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
154	Dương Ngọc	Ánh	25	11	1996	x	Sở Du lịch	Thông tin truyền thông về du lịch	01.003	Đại học	Marketing tổng hợp				Tiếng Anh			
155	Lê Kim	Duyên	25	10	1995	x	Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Đại học	Hướng dẫn viên du lịch				Tiếng Anh			
156	A Dương Thanh	Châu	24	7	1998	x	Sở Du lịch	Theo dõi phát triển du lịch	01.003	Đại học	Quản lý Lữ hành				Tiếng Anh			
157	Nguyễn Thị Thịnh	Trâm	19	11	1987	x	Sở Giáo dục - Đào tạo	Thanh tra	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
158	Hoàng Đình	Nga	28	7	1979		Sở Giáo dục - Đào tạo	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			
159	Tiêu Hoàng	Vũ	7	1	1983		Sở Giáo dục - Đào tạo	Thanh tra	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
160	Lê Anh	Thư	26	6	1987	x	Sở Giáo dục - Đào tạo	Thanh tra	01.003	Đại học	Kế toán - kiểm toán				Tiếng Anh			
161	Đào Vũ Đình	Hoàng	29	3	1994		Sở Giao thông vận tải	Quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ	01.003	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường				Tiếng Anh			
162	Lê Khắc Mai	Lĩnh	24	12	1996		Sở Giao thông vận tải	Quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ	01.003	Kỹ sư	Xây dựng cầu đường				Tiếng Anh			
163	Hà Đức	Tân	3	12	1996		Sở Giao thông vận tải	Quản lý kết cấu hạ tầng đường bộ	01.003	Kỹ sư	Xây dựng cầu hầm				Tiếng Anh			
164	Lương Văn	Lộc	5	3	1995		Sở Giao thông vận tải	Quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị	01.003	Kỹ sư	Xây dựng đường sắt - Metro				Tiếng Anh			
165	Hồ Thế	Anh	6	8	1992		Sở Giao thông vận tải	Quản trị công sở	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
166	Quách Thị Cẩm	Phú	1	11	1984		Sở Giao thông vận tải	Quản trị công sở	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
167	Trương Nguyên	Thành	16	3	1988		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Kinh tế vận tải biển			x				
168	Huỳnh	Khánh	4	5	1987		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
169	Nguyễn Đình	Trung	26	2	1997		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
170	Nguyễn Hiền	Mai	20	12	1998	x	Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật hành chính - tư pháp				Tiếng Anh			
171	Đỗ Tấn	Đạt	4	6	1988		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
172	Trần Công	Phúc	19	3	1970		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
173	Trương Khánh	Phương	2	9	1984		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
174	Trương Minh	Quang	11	3	1966		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
175	Nguyễn Xuân	Sang	6	6	1990		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
176	Trần Thị Phương	Như	12	8	1997	x	Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Kinh tế vận tải biển				Tiếng Anh			
177	Trần Anh	Quốc	29	10	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
178	Trịnh Thị Thùy	Trang	11	8	1986	x	Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Kinh tế xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
179	Nguyễn Ngọc	Dũng	9	5	1989		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
180	Phạm Ngọc	Châu	22	5	1987		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
181	Nguyễn Văn	Hậu	25	3	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
182	Trần Đình	Nho	20	9	1992		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
183	Nguyễn Tấn	Hậu	2	1	1996		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
184	Đinh Phú	Hiền	1	9	1982		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
185	Võ Lập	Quốc	22	6	1979		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Kinh tế Luật				Tiếng Anh			
186	Nguyễn Bảo	Lâm	13	1	1990		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
187	Nguyễn Thanh	Lý	24	10	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
188	Trần Quốc	Huy	3	3	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
189	Võ Thanh	Hiền	19	3	1985		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Thạc sỹ	Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật				Tiếng Anh			
190	Nguyễn Cao	Hậu	5	10	1984		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
191	Nguyễn Khắc	Dũng	17	10	1995		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
192	Nguyễn Văn	Hùm	17	10	1979		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
193	Tăng Quốc	Trung	17	9	1985		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
194	Nguyễn Thị	Liên	15	9	1991	x	Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
195	Lê Hoàng Đức	Anh	16	2	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế			x		UT2	5	
196	Nguyễn Tấn Huyền	Bảo	1	10	1989		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
197	Nguyễn Ngọc	Lâm	28	1	1984		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
198	Trần Duy	Anh	26	11	1990		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
199	Lê Nguyễn Minh	Triều	27	11	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
200	Đinh Tiến	Sơn	29	1	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
201	Nguyễn Quang	Vũ	2	3	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
202	Vũ Trọng	Nghĩa	2	1	1992		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Kinh tế vận tải biển				Tiếng Anh			
203	Võ Trần Trường	Sơn	26	8	1996		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
204	Nguyễn Thị Hồng	Nghĩa	15	4	1984	x	Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
205	Đinh Xuân	Dương	18	2	1991		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
206	Nguyễn Văn	Linh	6	2	1999		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật dân sự				Tiếng Anh			
207	Nguyễn Hồ Trường	Phúc	31	10	1993		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
208	Lâm Đức	Tuấn	25	9	1988		Sở Giao thông vận tải	Thanh tra	01.003	Kỹ sư	Xây dựng cầu - đường				Tiếng Anh			
209	Trịnh Trần Minh	Đức	21	12	1995		Sở Giao thông vận tải	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
210	Võ Hoàng Đăng	Khoa	4	4	1995		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
211	Huỳnh Chấn	Đào	6	9	1987		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
212	Phạm Thị Mỹ	Hoa	22	5	1996	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Đại học	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
213	Nguyễn Thị Ngọc	An	5	1	1991	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Đại học	Quản lý xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
214	Nguyễn Trần Diệu	My	19	3	1993	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế và thương mại quốc tế			x				
215	Nguyễn Văn	Cường	2	4	1991		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng - Quản lý dự án xây dựng				Tiếng Anh			
216	Nguyễn Như Quỳnh	Chi	25	9	1999	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Đại học	Luật Dân sự - Thương mại - Quốc tế				Tiếng Anh			
217	Phạm Thanh	Hùng	19	12	1997		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
218	Trần Thị Quỳnh	Như	13	2	1994	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý công tác đấu thầu	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng				Tiếng Anh			
219	Huỳnh Hoàng	Thương	7	2	1989		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
220	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	30	8	1996	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp				Tiếng Anh			
221	Nguyễn Thu	Trang	24	3	1991	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
222	Nguyễn Bảo	Quân	19	9	1996		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán (Ngành Kinh doanh)			x				
223	Nguyễn Ngọc Băng	Tâm	12	8	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
224	Trần Thị Thúy	Ngân	29	4	1999	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh và quản lý nhân sự			x				
225	Nguyễn Thị Thu	Thảo	3	4	1995	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
226	Phạm Thị Phương	Quỳnh	7	9	1993	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại				Tiếng Anh			
227	Phạm Thị Kim	Quỳnh	11	5	1989	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
228	Nguyễn Minh	Hoàng	3	3	1996		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế luật				Tiếng Anh			
229	Nguyễn Thị Thúy	Vân	25	8	1988	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế thương mại				Tiếng Anh			
230	Nguyễn Dương Thành	Thông	10	11	1999		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
231	Hà Thị Thu	Giang	21	4	1995	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Luật Thương mại				Tiếng Anh	UT2	5	
232	Nguyễn Thanh Nguyên	Anh	9	9	1987	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
233	Phan Phương	Hà	15	8	1986	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị (Ngành Quản trị kinh doanh)				Tiếng Anh			
234	Phạm Hồng	Pha	18	2	1989		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp				Tiếng Anh			
235	Mã Thị Thu	Hảo	22	3	1985	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
236	Trần Đình	Đức	27	10	1993		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh doanh (Kinh tế - Tài chính)			x				
237	Tô Quang	Thế	16	4	1998		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
238	Bùi Đình Hoàng	Anh	17	12	1997		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh doanh				Tiếng Anh			
239	Nguyễn Cao	Khải	23	3	1999		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về kinh tế				Tiếng Anh			
240	Trần Bá	Vương	25	1	1997		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Kinh tế Kế hoạch và Đầu tư				Tiếng Anh			
241	Trần Phan Phước	Tiên	3	4	1999	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về kinh tế				Tiếng Anh			
242	Nguyễn Hà Đăng	Khoa	14	3	1996		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Kinh tế học				Tiếng Anh			
243	Trần Thị Hoàng	Ngân	22	10	1999	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Kinh tế và quản lý công				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
244	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	1	4	1985	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển				Tiếng Anh			
245	Nguyễn Nhật	Hoàng	4	12	1994		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Kinh tế Kế hoạch và Đầu tư				Tiếng Anh			
246	Nguyễn Thành	Sơn	12	11	1986		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển				Tiếng Anh	UT2	5	
247	Phan Nguyễn Thanh	Vũ	8	11	1993		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Kinh tế học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
248	Lê Nguyễn Anh	Kiệt	29	7	1997		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý quy hoạch	01.003	Đại học	Kinh tế đối ngoại				Tiếng Anh			
249	Văn Phú	Niệm	9	4	1978		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và hành chính				Tiếng Anh			
250	Trần Công	Bảo	14	8	1998		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh	UT2	5	
251	Nguyễn Vũ	Dũng	5	3	1998		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật Hành chính - Nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
252	Nguyễn Thị Ái	Tiên	5	4	1999	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
253	Dương Phương	Linh	10	11	1992	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật Dân sự			x				
254	Nguyễn Minh	Vương	12	3	1988		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật hành chính				Tiếng Anh			
255	Nguyễn Đăng Minh	Thắng	13	3	1994		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh	UT2	5	
256	Lương Huỳnh Khánh	Linh	26	11	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về đăng ký kinh doanh	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
257	Huỳnh Minh	Phúc	6	10	1987		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về hợp tác công - tư	01.003	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng			x				
258	Trần Văn	Tân	19	2	1995		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về hợp tác công - tư	01.003	Đại học	Tài chính doanh nghiệp				Tiếng Anh			
259	Nguyễn Ngọc	Huy	13	5	1993		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về hợp tác công - tư	01.003	Đại học	Tài chính - Kế toán				Tiếng Anh			
260	Trần Quốc	Bảo	10	7	1993		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về hợp tác công - tư	01.003	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh	UT2	5	
261	Đoàn Thị Bích	Ngọc	31	10	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về hợp tác công - tư	01.003	Đại học	Thương mại điện tử				Tiếng Anh			
262	Lê Công Hoàng	Sơn	25	12	1997		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản lý về hợp tác công - tư	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
263	Lê Văn	Tài	17	7	1993		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
264	Phạm Thanh	Trúc	6	6	1993	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Quản trị doanh nghiệp				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
265	Trần Kim	Quang	12	12	1999		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
266	Lê Phạm Ngọc	Tài	15	6	1997		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
267	Lộ Nguyễn Phi	Khanh	24	11	1977		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản trị công sở	01.004	Đại học	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
268	Trần Thị Ngọc	Huyền	10	8	1994	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Quản trị công sở	01.004	Đại học	Quản trị kinh doanh bất động sản				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
269	Đặng Thị Như	Quỳnh	21	3	1996	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế đầu tư				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
270	Lê Thị Thanh	Hằng	2	9	1994	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
271	Nguyễn Phước Hoàng	Anh	23	3	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			
272	Nguyễn Minh	Thư	12	11	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
273	Nguyễn Thanh	Minh	25	6	1991		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế				Tiếng Anh			
274	Trần Thị Băng	Thanh	2	2	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
275	Phan Thị	Hạnh	1	8	1995	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Luật Thương mại				Tiếng Anh	UT2	5	
276	Phạm Tuấn	Thắng	23	11	1992		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế quốc tế				Tiếng Anh			
277	Phạm Phú	Đức	20	12	1978		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế Kế hoạch và Đầu tư				Tiếng Anh			
278	Nguyễn Tiến	Toàn	10	2	1996		Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
279	Võ Trinh	Nhi	16	12	1997	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế				Tiếng Anh			
280	Trần Nguyễn Kim	Chi	3	7	1986	x	Sở Kế hoạch - Đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư	01.003	Thạc sĩ	Luật			x				
281	Nguyễn Võ Hạnh	Dung	3	10	1988	x	Sở Khoa học và Công nghệ	Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	01.003	Thạc sĩ	Sinh học				Tiếng Anh			
282	Nguyễn Hữu	Ngọc	19	10	1990		Sở Khoa học và công nghệ	Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	01.003	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
283	Bùi Nguyễn Quỳnh	Trang	4	8	1998	x	Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý công nghệ	01.003	Đại học	Công nghệ sinh học				Tiếng Anh			
284	Nguyễn Chí	Tài	17	12	1985		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở	01.003	Đại học	Hóa học				Tiếng Anh	UT2	5	
285	Nguyễn Đức	Tính	3	6	1991		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý công nghệ	01.003	Đại học	Điện - Điện tử				Tiếng Anh	UT3	2.5	
286	Nguyễn Đình	Thọ	27	1	1991		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật hóa học				Tiếng Anh			
287	Phạm Huy	Hùng	3	7	1996		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý công nghệ	01.003	Đại học	Điện tử - Viễn thông				Tiếng Anh			
288	Phạm Nữ	Chánh	1	11	1990	x	Sở Khoa học và công nghệ	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Luật			x				
289	Trần Ngọc Phước	Thiện	7	7	1997		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân	01.003	Đại học	Công nghệ hạt nhân			x				
290	Huỳnh Chí	Cường	24	11	1991		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở	01.003	Đại học	Công nghệ sinh học				Tiếng Anh			
291	Phạm Ngọc Kim	Xuân	8	4	1992	x	Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
292	Đồng	Quin	12	11	1994		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở	01.003	Thạc sĩ	Công nghệ hóa học			x				
293	Nguyễn Thanh	Nhàn	29	6	1998	x	Sở Khoa học và công nghệ	Lưu trữ	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
294	Lê Khả	Hoành	3	4	1995		Sở Khoa học và công nghệ	Lưu trữ	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
295	Đặng Phước	Sang	22	7	1994		Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý an toàn bức xạ hạt nhân	01.003	Đại học	Vật lý hạt nhân				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
296	Nguyễn Chung Phước	Lạc	27	9	1991		Sở Khoa học và công nghệ	Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	01.003	Đại học	Khoa học Thư viện				Tiếng Anh	UT2	5	
297	Đoàn Bích	Phượng	4	6	1992	x	Sở Khoa học và công nghệ	Thông tin và thống kê khoa học và công nghệ	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
298	Lê Ngọc	Ngân	16	10	1993	x	Sở Khoa học và công nghệ	Quản lý khoa học và công nghệ cơ sở	01.003	Thạc sĩ	Hóa học			x				
299	Lê Thị Hồng	Nhung	2	5	1991	x	Sở Khoa học và công nghệ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Pháp			
300	Đinh Thị Hoài	Hương	7	12	1983	x	Sở Khoa học và công nghệ	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
301	Nguyễn Hồng Kim	Châu	22	8	1996	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Pháp chế	01.003	Cử nhân	Luật học			x				
302	Huỳnh Ánh Duyên	Hằng	12	2	1998	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Pháp chế	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
303	Võ Thái	Dương	29	4	1991		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật hình sự Luật tố tụng dân sự				Tiếng Anh			
304	Nguyễn	Nhân	23	5	1998		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
305	Nguyễn Thanh	Tòng	16	4	1992		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật-Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
306	Trần Huỳnh Phương	Ánh	3	4	1997	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học về quản trị tổ chức xã hội				Tiếng Anh			
307	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	4	1	1996	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
308	Phạm Võ Ngọc	Ngân	21	5	1997	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
309	Nguyễn Tấn	Toàn	12	7	1990		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT3	2.5	
310	Nguyễn Bạch Phương	Liên	7	5	1986	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
311	Phạm Quốc	Phong	3	6	1993		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
312	Trần Nguyễn Xuân	Thành	25	12	1990		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
313	Bế Nguyễn	Hùng	9	4	1996		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
314	La Nhật	Trường	3	4	1999		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
315	Lê Huỳnh Minh	Kiệt	3	10	1994		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
316	Văn Lê Công	Tâm	1	5	1996		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
317	Võ Hằng	Nguyên	27	12	1998	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước (thanh tra)				Tiếng Anh			
318	Lê Quang	Đại	20	2	1997		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật			x				
319	Huỳnh Tấn	Tài	31	3	1998		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
320	Lý Hoàng	Nhân	25	12	1992		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
321	Trần Thị Phương	Thảo	26	2	1998	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
322	Hoàng Thị Hoài	Thương	3	11	1995	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	xã hội học				Tiếng Anh			
323	Đỗ Thị Diễm	Hương	11	12	1993	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
324	Lại Tấn	Linh	15	10	1995		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
325	Lê Văn	Thoại	5	6	1988		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước			x		UT2	5	
326	Nguyễn Minh	Hà	17	5	1985	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
327	Lê Công	Toàn	23	11	1996		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
328	Huỳnh Mẫn	Sang	10	2	1995		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
329	Bùi Trường	Giang	20	2	1984		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
330	Trương Quang	Đại	10	6	1988		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
331	Lê Tấn	Tài	14	12	1990		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
332	Cao Tấn	Lộc	27	6	1996		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Chính sách công				Tiếng Anh			
333	Đỗ Trần Thanh	Trúc	5	10	1992	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
334	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12	2	1998	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
335	Nguyễn Minh	Hải	19	10	1995		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
336	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	26	11	1996	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Thanh tra (quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
337	Thân Lê Qúy	Đôn	25	6	1997		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
338	Lương Diệu	Hiền	4	4	1981	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý hồ sơ người có công	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
339	Lê Thị Trà	Giang	14	3	1996	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính - kế toán	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
340	Hà Thị	Hằng	1	11	1987	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý tài chính - kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
341	Phan Thanh	Sơn	15	10	1996		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
342	Nguyễn Công	Thắng	7	11	1993		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
343	Lê Thị Thùy	Trang	27	11	1982	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
344	Phạm Nhựt	Quý	19	10	1995		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
345	Phạm Thị	Oanh	20	9	1987	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
346	Nguyễn Tăng Xuân	Mai	13	9	1988	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
347	Nguyễn Ngọc	Ánh	27	10	1993	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
348	Phạm Thi Kim	Thảo	12	9	1984	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
349	Nguyễn Thị	Luật	26	3	1994	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			
350	Nguyễn Ngọc Đan	Thanh	26	3	1999	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			
351	Cao Ngọc	Ánh	20	1	1988	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
352	Trịnh Thị	Hiền	23	2	1982	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Thạc sĩ	Xã hội học				Tiếng Anh			
353	Nguyễn Thị Bích	Hằn	16	10	1988	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật dân sự				Tiếng Anh			
354	Nguyễn Thị Thu	Hằng	29	5	1987	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
355	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trang	12	5	1988	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý thực hiện chính sách bảo trợ xã hội	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
356	Đặng Thị Kim	Thu	20	1	1994	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
357	Phạm Văn	Kiệt	28	9	1991		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
358	Đặng Khánh	Dung	24	1	1993	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
359	Phạm Thị Mỹ	Truyền	22	9	1984	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
360	Lê Minh	Thế	10	6	1987		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục			x				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
361	Hoàng Hồng	Hảo	9	3	1994	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
362	Lý Nhật	Minh	21	5	1985		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
363	Lê Trương Thạnh	Phú	17	3	1994		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
364	Nguyễn Trần Minh	Hiền	25	1	1989	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
365	Phan Trần Thanh	Duy	21	8	1995		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
366	Đỗ Hoàng	Hải	25	11	1991		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
367	Dương Thành	Danh	11	9	1992		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
368	Huỳnh Ngọc Kim	Trân	14	10	1993	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
369	Lê Thị	Thủy	5	11	1988	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
370	Nguyễn Ngọc	Hiếu	18	10	1999		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật chất lượng cao				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
371	Nguyễn Thị Thảo	Vy	15	6	1998	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
372	Phan Thị Yến	Vi	13	11	1992	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
373	Huỳnh Kim	Phụng	5	10	1990	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
374	Trương Ngọc	Thúy	15	6	1997	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
375	Phạm Thị Hương	Lan	22	9	1995	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Kế toán - kiểm toán				Tiếng Anh			
376	Phùng Mỹ	Hạnh	10	10	1992	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
377	Đặng Thị Kim	Yến	30	9	1991	x	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Quản lý về dạy nghề	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
378	Nguyễn Thị Thu	Phương	5	4	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
379	Lê Nguyên Bảo	Ngọc	28	2	1999	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
380	Lục Thị Bích	Châu	6	7	1994	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh	UT2	5	
381	Bùi Thị Thúy	Nga	20	11	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
382	Trần Văn	Vàng	3	4	1995		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
383	Nguyễn Tất	Bình	24	10	1986		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
384	Xa Hoàng Thị Thanh	Ngân	8	4	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Trung	UT2	5	
385	Phạm Quang	Huy	12	10	1999		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
386	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	19	3	1998	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
387	Trần Văn Ngọc	Anh	18	8	1981		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
388	Trần Thị Phương	Thảo	20	3	1996	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
389	Vũ Thị Vân	Anh	18	9	1998	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
390	Lê Hữu	Phước	8	5	1999		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
391	Phạm Trung	Tín	8	7	1998		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
392	Nguyễn Đăng	Kiệt	13	6	1999		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
393	Nguyễn Duy	Tính	18	9	1998		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
394	Đoàn Minh	Tân	26	11	1994		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
395	Huỳnh Trần Duy	Khang	19	7	1999		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
396	Trần Thị Mỹ	Linh	6	4	1999	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
397	Đặng Mỹ	Hồng	21	2	1994	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật hành chính				Tiếng Anh			
398	Nguyễn Lê Khánh	Duy	15	11	1998		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
399	Nguyễn Hoa Như	Ý	21	4	1999	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
400	Nguyễn Đức	Tài	4	8	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
401	Nguyễn Hoàng	Hà	18	11	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
402	Trần Văn	Quyết	9	8	1995		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh	UT3	2.5	
403	Nguyễn Thị Minh	Trang	23	12	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			
404	Võ Phạm Đăng	Khoa	25	1	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
405	Đàm Thị Đường	Thi	17	5	1981	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật kinh tế			x				
406	Thái Ngân	Hà	15	12	1998	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
407	Bùi Huỳnh Trúc	Vy	20	6	1998	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
408	Nguyễn Đăng	Đại	27	8	1995		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Thanh tra				Tiếng Anh			
409	Trương Phước	An	22	6	1990		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
410	Huỳnh Phương	Đông	20	12	1998		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
411	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	26	8	1993	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
412	Lê Thị Cẩm	Trang	15	6	1995	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
413	Nguyễn Doãn	Hùng	17	7	1994		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
414	Trần Thụy Minh	Thành	19	10	1991	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh văn B1	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh	UT2	5	
415	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1	1	1990	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kế toán	06.031	Đại học	Tài chính - ngân hàng	Anh văn B	Chứng chỉ A		Tiếng Anh			
416	Phan Xuân	Chung	10	4	1993		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
417	Phạm Thanh	Tú	5	1	1991		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	Chứng chỉ A		Tiếng Anh			
418	Nguyễn Ngọc	Hùng	26	10	1982		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,228	Trung cấp	Lâm sinh	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
419	Dương Thành	Lợi	8	7	1983		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,228	Trung cấp	Lâm sinh	Anh văn B	Chứng chỉ A		Tiếng Anh			
420	Lê Văn	Thiện	27	4	1990		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
421	Lê Viết	Tùng	15	9	1996		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
422	Võ Sỹ	Hùng	22	7	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn A2	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
423	Lê Viết	Hương	20	10	1978		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,228	Trung cấp	Lâm sinh	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
424	Ngô Thị Kim	Trúc	29	4	1989	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn bậc 3	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
425	Ngô Thị Thùy	Phương	26	5	1991	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Thạc sĩ	Lâm học	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
426	Phạm Đình	Trung	22	9	1989		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,228	Trung cấp	Kiểm lâm	Anh văn A	Chứng chỉ A		Tiếng Anh			
427	Huỳnh Văn	Thích	16	4	1998		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
428	Nguyễn Xuân	Đăng	10	7	1983		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
429	Nguyễn Toại	Nguyện	20	1	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
430	Trần Hoàng	Thạch	3	11	1996		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Kiểm lâm	10,226	Đại học	Quản lý tài nguyên rừng	Anh văn B	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh	UT3	2.5	
431	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	19	9	1992	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Bảo vệ thực vật				Tiếng Anh			
432	Nguyễn Ngọc	Liên	30	4	1996	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Nông học				Tiếng Anh			
433	Trần Hữu Đại	Phúc	2	3	1993		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Nông học				Tiếng Anh			
434	Nguyễn Anh	Nhựt	10	1	1996		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Nông học				Tiếng Anh			
435	Trương Quỳnh	Trâm	29	10	1995	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Công nghệ giống cây trồng				Tiếng Anh			
436	Nguyễn Trung	Đức	9	11	1998		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Nông học				Tiếng Anh			
437	Lê Công	Trình	2	12	1982		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý Bảo vệ thực vật	01.003	Đại học	Nông học				Tiếng Anh			
438	Lê Văn	Đô	21	2	1989		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình thủy				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
439	Nguyễn Danh	Bình	9	4	1981		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
440	Đậu Thị Thanh	Hiền	22	4	1985	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật tài nguyên nước				Tiếng Anh			
441	Trần Thị Hoài	Thương	16	8	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003	Đại học	Địa chất học				Tiếng Anh			
442	Đoàn Bá Tần	Duy	1	7	1981		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003	Thạc sĩ	Thủy lợi - thủy điện - cấp thoát nước				Tiếng Anh			
443	Đoàn Anh	Kiệt	21	7	1994		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	01.003	Đại học	Quy hoạch hệ thống thủy lợi				Tiếng Anh			
444	Nguyễn Thị Thùy	Liên	1	6	1996	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão	01.003	Đại học	Kỹ thuật tài nguyên nước				Tiếng Anh			
445	Phan Xuân	Diệu	15	4	1986		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình				Tiếng Anh			
446	Nguyễn Viết	Long	8	6	1994		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
447	Bành Thị Mỹ	Nga	18	5	1986	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
448	Đỗ Thị	Dự	10	7	1988	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản trị công sở	01.004	Đại học	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
449	Nguyễn Lê Vân	Nhi	29	11	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Quản trị kinh doanh				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
450	Lê Minh	Thành	23	2	1995		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
451	Lê Phúc	Thiện	18	1	1990		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
452	Ngô Thị Huỳnh	Như	1	1	1994	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật hành chính - nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
453	Mạch Triệu Ngọc	Vy	20	12	1984	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
454	Huỳnh Nguyễn Hải	Triều	9	3	1985		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
455	Nguyễn Minh	Tuấn	3	1	1996		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
456	Hoàng Bích	Ngọc	1	10	1994	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
457	Lâm Vĩnh	Trí	26	9	1990		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
458	Nguyễn Đỗ Huy	Long	4	9	1988		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
459	Nguyễn Trí	Đức	16	1	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
460	Công Tôn Tuấn	Anh	19	10	1994		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật hình sự				Tiếng Anh			
461	Bùi Thị Như	Quỳnh	9	5	1998	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
462	Phan Thành	Nghĩa	11	10	1980		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
463	Nguyễn Chí	Hiền	24	6	1996		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học	Phát triển nông thôn				Tiếng Anh			
464	Đào Ái	Vi	1	5	1995	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	01.003	Thạc sĩ	Phát triển nông thôn				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
465	Trần Hữu	Nghĩa	15	10	1997		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học	Phát triển nông thôn				Tiếng Anh			
466	Nguyễn Kiều	Tiên	24	10	1997	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học	Phát triển nông thôn				Tiếng Anh			
467	Nguyễn Hoài	Thương	9	5	1994		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo dõi công tác xây dựng nông thôn mới	01.003	Đại học	Phát triển nông thôn				Tiếng Anh			
468	Nguyễn Thị Bích	Trâm	18	12	1992	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn thư	02.007	Đại học	Luật (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
469	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14	6	1998	x	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Văn thư	02.007	Đại học	Tư tưởng Hồ Chí Minh (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
470	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	20	9	1989	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch đô thị				Tiếng Anh			
471	Nguyễn Hữu	Hoài	5	5	1995		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
472	Nguyễn	Lâm	5	8	1985		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Tổng hợp quy hoạch kiến trúc	01.003	Thạc sĩ	Kiến trúc			x				
473	Nguyễn Hoàng	Giang	29	9	1996		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			
474	Huỳnh Đoàn Thiên	Long	26	8	1996		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Tổng hợp quy hoạch kiến trúc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
475	Mai Thị Thu	Thảo	20	9	1999	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
476	Phạm Minh	Sáng	3	10	1989		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Thạc sĩ	Đô thị học				Tiếng Anh			
477	Nguyễn Thị	Tuyết	20	2	1997	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
478	Nguyễn Thanh Mai	Phương	17	5	1983	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Tổng hợp quy hoạch kiến trúc	01.003	Thạc sĩ	Nghiên cứu kiến trúc			x				
479	Ngô Minh	Hoàng	18	2	1987		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Kiến trúc sư				Tiếng Anh			
480	Huỳnh Minh	Đăng	22	6	1994		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
481	Nguyễn Trung	Nguyên	14	4	1995		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
482	Cao Quốc	Khải	9	10	1999		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
483	Đồng Thảo	Nguyên	27	1	1995	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Thạc sĩ	Kiến trúc				Tiếng Anh			
484	Mạc Phước Vạn	Duy	28	9	1993		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Thạc sĩ	Kiến trúc				Tiếng Anh	UT2	5	
485	Hoàng Phú	Mẫn	16	10	1991		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch đô thị				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
486	Trần Hồng	Sơn	26	12	1996		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
487	Nguyễn Phương Thảo	Nguyên	11	1	1996	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
488	Trang Sĩ	Tuấn	30	11	1997		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
489	Trần Hữu	Lộc	26	2	1996		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
490	Lê Nguyễn Việt	Lam	20	8	1990		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
491	Đinh Vũ Ngân	Hà	10	10	1994	x	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quản lý quy hoạch kiến trúc theo địa bàn	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			
492	Trần Minh	Đức	9	1	1976		Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Tổng hợp quy hoạch kiến trúc	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình				Tiếng Anh			
493	Nguyễn Thúy	An	26	7	1983	x	Sở Tài chính	Quản lý giá	01.003	Đại học	Thẩm định giá				Tiếng Anh			
494	Phạm Thị Phương	Thảo	11	12	1987	x	Sở Tài chính	Quản lý giá	01.003	Đại học	Kinh tế Thẩm định giá			x				
495	Trần Thanh	Nhựt	27	11	1997		Sở Tài chính	Quản lý huy động vốn và cân đối ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
496	Trần Thị Kim	Ngân	8	1	1996	x	Sở Tài chính	Quản lý huy động vốn và cân đối ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
497	Dương Lê Ngọc	Thảo	9	4	1996	x	Sở Tài chính	Quản lý huy động vốn và cân đối ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
498	Trần Hoàng	Phú	15	5	1986		Sở Tài chính	Quản lý nợ	01.003	Thạc sĩ	Kinh tế học				Tiếng Anh			
499	Nguyễn Thị Bảo	Khánh	31	8	1991	x	Sở Tài chính	Quản lý nợ	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
500	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	21	1	1981	x	Sở Tài chính	Quản lý nợ	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
501	Lê Thị Huyền	Trang	8	8	1990	x	Sở Tài chính	Quản lý nợ	01.003	Đại học	Kinh tế đối ngoại				Tiếng Anh			
502	Huỳnh Thị Kiều	Huyên	1	3	1989	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Đại học	Tín dụng				Tiếng Anh			
503	Bùi Phương	Thảo	24	9	1981	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
504	Đầu Quang	Minh	11	7	1986		Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính				Tiếng Anh			
505	Nguyễn Trần	Khánh	5	4	1993		Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng			x				
506	Bùi Duy	Khoa	4	9	1996		Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính				Tiếng Anh			
507	Từ Bảo	Trân	8	12	1992	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính doanh nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Phân tích tài chính			x				
508	Huỳnh Phát	Triệu	11	10	1982		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh	UT2	5	
509	Nguyễn Văn	Huy	23	6	1998		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
510	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11	1	1997	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
511	Nguyễn Thị Mai	Khanh	2	12	1977	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
512	Trương Ngọc Quỳnh	Như	3	4	1991	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
513	Trương Thị Bích	Lệ	13	5	1978	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
514	Vũ Thanh	Lâm	10	9	1982	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
515	Trần Anh	Hào	22	11	1996		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Tài chính và Kế toán			x				
516	Đỗ	Tiến	2	2	1990		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
517	Nguyễn Phạm Phương	Đông	23	11	1991	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
518	Vương Quang	Minh	31	7	1988		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
519	Nguyễn Kỳ	Nam	17	9	1987		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
520	Huỳnh Thị Chân	Nhân	15	3	1987	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
521	Lê Minh	Hải	23	11	1998		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kiểm toán				Tiếng Anh			
522	Phan Ngọc Mỹ	Quỳnh	30	9	1990	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
523	Nguyễn Thụy Thúy	Nga	4	8	1985	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
524	Nguyễn Thị Hạnh	Hoa	6	4	1992	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
525	Lê Thanh	Thảo	28	4	1995	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
526	Trần Huỳnh	Luận	26	10	1989	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
527	Phạm Nam	Long	26	7	1988		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
528	Đỗ Phương	Uyên	20	10	1994	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
529	Trần Thị Ngọc	Hoa	20	11	1981	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
530	Nguyễn Thị Hoàng	Hà	22	6	1994	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
531	Nguyễn Như	Phương	6	10	1998	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
532	Nguyễn Quốc	Chí	20	10	1992		Sở Tài chính	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
533	Nguyễn Văn	Ba	1	6	1993		Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
534	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	18	4	1997	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
535	Trần Lê Hoàng	Nhân	4	4	1999		Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
536	Nguyễn Thị	Thu	25	1	1998	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Quản lý Tài chính công				Tiếng Anh			
537	Nguyễn Thị	Dung	4	4	1997	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
538	Lê Thái	Ngọc	10	10	1999	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
539	Vũ Lê Thảo	Ngân	13	5	1999	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
540	Huỳnh Tiến	Lộc	26	1	1990		Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Quản lý Tài chính công				Tiếng Anh			
541	Nguyễn Duyệt	Phương	11	5	1990		Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Quản lý Tài chính công				Tiếng Anh			
542	Đoàn Văn	Thạnh	16	1	1993		Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
543	Phạm Thị Mỹ	Uyên	10	11	1999	x	Sở Tài chính	Quản lý tài chính ngân sách quận - huyện	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
544	Nguyễn Cao	Hoài	22	10	1982		Sở Tài chính	Quản trị công sở	01.003	Đại học	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
545	Trần Văn	Ân	3	9	1977		Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh	UT2	5	
546	Huỳnh Thị Tuyết	Hằng	10	10	1996	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
547	Trần Thụy Thanh	Tuyền	26	8	1988	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
548	Đỗ Thị Phương	Nam	14	12	1989	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Thạc sĩ	Kế toán - Kiểm toán và phân tích				Tiếng Anh			
549	Trần Bảo	Ngọc	29	6	1995	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh	UT2	5	
550	Phạm Thị Ngọc	Yến	10	2	1993	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			
551	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	9	11	1989	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
552	Phạm Khánh	Vy	10	6	1995	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
553	Lê Minh	Hiếu	11	4	1990		Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
554	Võ Lê Hoàng	Nhung	5	12	1992	x	Sở Tài chính	Thẩm tra quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	01.003	Đại học	Kế toán Doanh nghiệp				Tiếng Anh			
555	Nguyễn Anh	Khoa	15	2	1994		Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
556	Lý Thị Kim	Oanh	23	6	1986	x	Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
557	Trương Thúy	Hằng	25	6	1990	x	Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
558	Đào Thị Ngọc	Minh	12	4	1990	x	Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
559	Nguyễn Tuấn	An	2	4	1997		Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
560	Hoàng Thị Quỳnh	Như	31	1	1997	x	Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
561	Bùi Minh	Quyết	4	1	1990		Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
562	Nguyễn Thị Thu	Hà	1	12	1993	x	Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
563	Lê Thị Mai	Hiên	1	1	1993	x	Sở Tài chính	Thanh tra	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
564	Nguyễn Hoàng Anh	Thư	25	8	1994	x	Sở Tài chính	Văn thư	02.008	Cao đẳng	Quản trị Marketing (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
565	Nguyễn Thị Thùy	Linh	8	11	1987	x	Sở Tài chính	Văn thư	02.008	Cao đẳng	Kế toán; Trung cấp Văn thư lưu trữ				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			Chưa đóng phí thi tuyển
566	Nguyễn Liên Minh	Dũng	13	12	1984		Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
567	Châu Thị Kiều	My	22	7	1998	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
568	Phan Thị Thanh	Trà	2	5	1997	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
569	Nguyễn Thị Mai	Anh	24	10	1996	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
570	Nguyễn Thị Bạch	Trinh	28	9	1990	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
571	Trần Anh	Tuấn	3	5	1990		Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
572	Hồ Ngọc Thủy	Tiên	14	6	1999	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
573	Trịnh Thị Minh	Trang	11	5	1989	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
574	Nguyễn Thị Kim	Ngân	3	12	1999	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
575	Trần Sơn	Thành	28	5	1988		Sở Tài nguyên - Môi trường	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
576	Trần Thị	Thắm	9	6	1989	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	B	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
577	Phạm Đặng Yến	Mai	9	12	1987	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Kế toán	06.031	Đại học	Tài chính ngân hàng	IELTS 5.5	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
578	Phạm Nguyễn Bích	Thủy	6	9	1992	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Quản trị công sở	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng và quản lý dự án				Tiếng Anh			
579	Nguyễn Việt	Anh	4	12	1990		Sở Tài nguyên - Môi trường	Quản trị công sở	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
580	Ngô Văn	Tân	25	2	1973		Sở Tài nguyên - Môi trường	Quản trị công sở	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
581	Lê Thị	Phường	10	11	1993	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
582	Tống Hoàng	Anh	7	12	1995	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
583	Triệu Đình	Phúc	12	2	1990		Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
584	Ngô Thị	Hằng	19	5	1988	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
585	Nguyễn Ngọc	Hưng	22	9	1995		Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
586	Đào Hứa Thoại	Uyên	19	1	1982	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	hành chính học				Tiếng Anh			
587	Mai Tuấn	Kiện	20	3	1997		Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
588	Trần Thanh	Dương	4	8	1999	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
589	Bùi Đỗ Trọng	Nhân	4	10	1997		Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
590	Võ Thị Xuân	Đào	11	5	1984	x	Sở Tài nguyên - Môi trường	Tổ chức nhân sự	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
591	Lưu Tuấn	Kiệt	29	4	1993		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý hạ tầng viễn thông và internet	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông				Tiếng Anh			
592	Bùi Gia	Bách	10	4	1995		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý hạ tầng viễn thông và internet	01.003	Đại học	Kỹ Thuật điện tử viễn thông				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
593	Lê Hoàng	Phương	16	2	1992		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý hạ tầng viễn thông và internet	01.003	Đại học	Điện tử viễn thông				Tiếng Anh			
594	Bùi Nguyễn Tường	Vy	9	1	1994	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý hạ tầng viễn thông và internet	01.003	Đại học	Điện tử truyền thông				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
595	Hồ Quốc	Bảo	24	10	1975		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý hạ tầng viễn thông và internet	01.003	Đại học	Kỹ thuật viễn thông				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
596	Trần Phương	Linh	20	10	1998	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý kế hoạch - tài chính	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
597	Nguyễn Thanh	Phương	16	8	1994		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Cử nhân báo chí				Tiếng Anh			
598	Lê Ngọc	Nghiêm	12	1	1987		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Cử nhân xã hội học				Tiếng Anh			
599	Trần Nguyễn Thanh	Giang	9	11	1994		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Cử nhân xã hội học				Tiếng Anh			
600	Trương Thị Ngọc	Thảo	25	10	1992	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Cử nhân Báo chí				Tiếng Anh			
601	Nguyễn Yến	Ngọc	1	6	1991	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Báo chí			x				Chưa đóng phí thi tuyển
602	Trịnh Quang	Long	20	2	1983		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Báo chí				Tiếng Anh			
603	Phan Đình Nhật	Linh	24	11	1994		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý phát thanh truyền hình và thông tin điện tử	01.003	Đại học	Báo chí				Tiếng Anh			
604	Huỳnh Minh	Hải	6	2	1986		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Cử nhân Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
605	Huỳnh Thị	Diễm	21	1	1989	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin	01.003	Đại học	CNTT				Tiếng Anh			
606	Mai Trung	Khánh	3	2	2000		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Cử nhân CNTT				Tiếng Anh			
607	Hồ Thị Hạnh	Quyên	27	6	1995	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý xuất bản	01.003	Đại học	Cử nhân Thông tin học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
608	Lưu Phúc	Vinh	21	2	1998		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý xuất bản	01.003	Đại học	Cử nhân Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
609	Bùi Minh	Hạnh	15	4	1996	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý xuất bản	01.003	Đại học	Cử nhân Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
610	Lương Đình	Duy	11	1	1995		Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý xuất bản	01.003	Đại học	Kinh doanh xuất bản phẩm				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
611	Trương Thị Phương	Oanh	24	7	1983	x	Sở Thông tin - Truyền thông	Quản lý xuất bản	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	UT2	5	
612	Nguyễn Thị Quỳnh	An	25	11	1994	x	Sở Tư pháp	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
613	Hồ Thị Ngọc	Dung	13	10	1979	x	Sở Tư pháp	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật			x				
614	Nguyễn Thị Mai	Phương	17	6	1997	x	Sở Tư pháp	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
615	Nguyễn Đình	Hiển	15	10	1983		Sở Tư pháp	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
616	Võ Hồng	Nhi	1	2	1997	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
617	Nguyễn Xuân	Hồng	16	11	1997	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
618	Hoàng Quốc	Bảo	6	5	1994		Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
619	Nguyễn Khánh	Hòa	30	11	1983		Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Kinh doanh			x				
620	Nguyễn Kim	Khánh	4	8	1998	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
621	Đoàn Quang	Khánh	21	5	1986		Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
622	Nguyễn Lê Minh	Phương	24	12	1998	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Thương mại quốc tế				Tiếng Anh			
623	Nguyễn Thị Vân	Anh	16	8	1997	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
624	Võ Hoàng Minh	Thư	13	9	1997	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
625	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	19	3	1998	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh	UT2	5	
626	Thị Kim	Thoa	16	5	1994	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh	UT2	5	
627	Ngô Hồng	Diệp	16	12	1998	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
628	Nguyễn Thanh	Phong	9	3	1991		Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
629	Nguyễn Thị Thu	Hương	26	9	1992	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
630	Trần Thanh	Xuân	25	10	1995	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật Hành chính				Tiếng Anh			
631	Phan Thị	Dương	30	11	1997	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
632	Lương Minh	Phi	22	5	1997		Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
633	Phạm Thị Thùy	Dương	11	5	1987	x	Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
634	Trần Thanh	Tuấn	4	6	1989		Sở Tư pháp	Kiểm tra, thẩm định văn bản	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
635	Nguyễn Tấn	Tài	6	10	1996		Sở Tư pháp	Phổ biến, giáo dục pháp luật	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
636	Nguyễn Thanh	Sơn	7	7	1982		Sở Tư pháp	Phổ biến, giáo dục pháp luật	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
637	Trần Thị Tường	Vi	25	11	1998	x	Sở Tư pháp	Phổ biến, giáo dục pháp luật	01.003	Cử nhân	Luật Hành chính - Nhà nước				Tiếng Anh			
638	Trần Bảo	Nhân	1	7	1990		Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
639	Phan Nhựt	Minh	9	11	1998		Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
640	Đỗ Bùi Bảo	Ngọc	24	4	1999	x	Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
641	Lê Trung	Hiếu	11	3	1996		Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
642	Lê Thị	Thúy	27	8	1997	x	Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
643	Phan Thị Thanh	Vân	13	11	1993	x	Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
644	Hồ Thị	Bé	15	10	1986	x	Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
645	Bùi Thị Ngọc	Anh	21	10	1997	x	Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
646	Ngô Nguyễn Trường	Thịnh	2	12	1992		Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Thạc sĩ	Luật Hiến Pháp và Luật Hành Chính				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
647	Biện Phú	Thịnh	9	9	1996		Sở Tư pháp	Quản lý bổ trợ tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
648	Nguyễn Thị Kim	Thanh	5	10	1995	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
649	Võ Duy	Tồn	3	6	1993		Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			
650	Nguyễn Phước	Thạnh	28	3	1999		Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
651	Trần Thị Nhã	Tú	21	4	1998	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
652	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	4	12	1996	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
653	Đặng Văn	Tuấn	4	6	1986		Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
654	Trần Thị Thu	Trang	11	11	1996	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
655	Lê Ngọc	Hân	25	7	1999	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
656	Nguyễn Thị Phương	Nguyên	13	2	1995	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
657	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	27	1	1997	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
658	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	1	2	1990		Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
659	Nguyễn Bảo	Lâm	13	7	1988		Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
660	Lương Thị Kim	Thoa	8	6	1999	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
661	Nguyễn Thị Hải	Ngọc	19	2	1991	x	Sở Tư pháp	Quản lý lý lịch tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
662	Nguyễn Lê Thảo	Hà	12	9	1998	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
663	Nguyễn Lê	Phúc	10	10	1990		Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
664	Vũ Hồng	Nhung	31	3	1996	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
665	Nguyễn Thị	Trang	25	1	1998	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
666	Nguyễn Thị Diệu	Thư	30	3	1998	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
667	Phạm Văn	Công	20	8	1994		Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Hành chính				Tiếng Anh			
668	Đặng Thị Quỳnh	Thoa	10	10	1998	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
669	Nguyễn Thị Hồng	Loan	6	6	1993	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Thương mại quốc tế				Tiếng Anh			
670	Nguyễn Thị Thu	Sinh	5	1	1997	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
671	Đặng Huỳnh Lan	Thảo	6	6	1994	x	Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
672	Trần Cao	Cảnh	7	10	1992		Sở Tư pháp	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
673	Nguyễn Trần Thảo	Vy	28	7	1997	x	Sở Tư pháp	Theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
674	Nguyễn Thị	Huyền	7	10	1989	x	Sở Tư pháp	Theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
675	Nguyễn Hoàng	Long	7	10	1995		Sở Tư pháp	Theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Cử nhân	Luật Tư pháp Hình sự				Tiếng Anh			
676	Trần Thu Nguyên	Hà	18	2	1998	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
677	Nguyễn Hoàng	Minh	1	11	1988		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
678	Trần Khánh	Quỳnh	14	9	1997	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
679	Nhiêu Tăng Minh	Tuyết	2	7	1998	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
680	Lê Hồ Phương	Anh	11	7	1998	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
681	Phạm Ngọc	Thiên	21	11	1997		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
682	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20	10	1996	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
683	Nguyễn Thị Thanh	Sơn	2	9	1980	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
684	Lê Huỳnh Phương	Thảo	7	3	1997	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
685	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	5	12	1972	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
686	Đỗ Thị Kim	Ngân	8	10	1985	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Thạc sĩ	Luật hình sự và tố tụng hình sự				Tiếng Anh			
687	Hoàng Thu	Hằng	13	11	1997	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
688	Vũ Hải	Hùng	15	5	1989		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
689	Nguyễn Thị Bích	Trâm	4	9	1995	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
690	Nguyễn	Duy	8	3	1998		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật thương mại				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
691	Nguyễn Hoàng	Giang	25	2	1989		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
692	Bùi Thị Thùy	Trang	6	8	1989	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
693	Nguyễn Thị Dương	Huyền	4	5	1997	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			
694	Nguyễn Cao Linh	Hà	5	9	1998	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
695	Nguyễn Ngọc	Nữ	30	12	1991	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
696	Trần Thảo	Nguyên	20	9	1997	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
697	Trần Thị	Biên	19	2	1995	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
698	Nguyễn Thùy	Linh	23	3	1994	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
699	Nguyễn Thành	Đạt	16	7	1985		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật và Quản trị địa phương			x				Chưa đóng phí thi tuyển
700	Bùi Phương	Thảo	22	12	1998	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
701	Nguyễn Thiên	Hương	28	7	1991	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
702	Hoàng Thị Lan	Hương	30	4	1986	x	Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
703	Hoàng Đức	Quý	8	4	1987		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
704	Thái Ngọc	Châu	6	12	1985		Sở Tư pháp	Tổ chức nhân sự	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
705	Lê Quang	Cường	26	10	1984		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý thể dục thể thao	01.003	- Thạc sĩ - Đại học	- Quản trị kinh doanh; - Giáo dục thể chất			x				
706	Nguyễn Trung	Nhân	15	8	1994		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý thể dục thể thao	01.003	Đại học	Huấn luyện thể thao, chuyên ngành Huấn luyện bóng chuyền				Tiếng Anh			
707	Đặng Văn Song	Pha	24	11	1988		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý thể dục thể thao	01.003	Đại học	Giáo dục thể chất				Tiếng Anh	UT2	5	
708	Hà	Thông	15	11	1991		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý thể dục thể thao	01.003	Đại học	Giáo dục thể chất				Tiếng Anh			
709	Nguyễn Phạm Thảo	Vi	24	7	1994	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý thể dục thể thao	01.003	Thạc sỹ	Giáo dục thể chất				Tiếng Anh			
710	Võ Thị Tú	Anh	7	7	1994	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý di sản văn hóa	01.003	Thạc sỹ	Lịch sử			x				
711	Hoàng Hồng	Hải	13	11	1997		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý di sản văn hóa	01.003	Đại học	Lịch sử, chuyên ngành Khảo cổ học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
712	Huỳnh Minh	Khang	24	8	1998		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý di sản văn hóa	01.003	Đại học	Sư phạm Lịch sử				Tiếng Anh			
713	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	9	11	1995	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý di sản văn hóa	01.003	Đại học	Lịch sử				Tiếng Anh			
714	Trần Thị Bích	Châu	2	7	1994	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý văn hóa cơ sở	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
715	Quách Văn	Chung	19	4	1978		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý văn hóa cơ sở	01.003	Thạc sỹ	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
716	Hồ Thị	Hường	20	9	1990	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý văn hóa cơ sở	01.003	Đại học	Văn hóa học			x				
717	Nguyễn Thanh	Long	25	3	1998		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý văn hóa cơ sở	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
718	Nguyễn Thạch	Thảo	2	3	1996	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý văn hóa cơ sở	01.003	Đại học	Văn hóa học				Tiếng Anh			
719	Vũ Như	Linh	25	5	1984	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh B	UDCNTT cơ bản		Tiếng Anh			
720	Nguyễn Minh	Đức	18	6	1999		Sở Văn hóa - Thể thao	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh Toeic 515	Tin học IC3		Tiếng Anh			
721	Đặng Thị Thanh	Thúy	29	9	1989	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh B2 Anh B	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
722	Lương Ngọc	Dung	17	1	1981	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Thạc sỹ	Báo chí học			x				
723	Nguyễn Ngọc	Hiển	19	9	1992	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Trung			
724	Hà Huy	Quang	24	9	1981		Sở Văn hóa - Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
725	Nguyễn Thị Bích	Thủy	16	12	1990	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
726	Võ Thị Mỹ	Tiên	22	12	1990	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
727	Triệu Anh	Tuấn	13	1	1988		Sở Văn hóa - Thể thao	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
728	Lê Văn	Luật	22	1	1982		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý các hoạt động văn hóa nghệ thuật	01.003	Thạc sỹ	Lý luận và phê bình điện ảnh truyền hình			x				
729	Lê Hữu Đăng	Khoa	27	6	1989		Sở Văn hóa - Thể thao	Quản lý các hoạt động văn hóa nghệ thuật	01.003	- Thạc sĩ - Đại học	- Chính sách công - Đạo diễn điện ảnh - Truyền hình			x				
730	Bùi Thị Oanh	Kiều	2	12	1992	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Tổ chức lễ và sự kiện	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
731	Lê Thị	Tâm	19	5	1991	x	Sở Văn hóa - Thể thao	Lưu trữ	01.003	Đại học	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
732	Bùi Ngọc Quỳnh	Như	25	10	1994	x	Sở Xây dựng	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
733	Nguyễn Hồng	Sơn	7	1	1984		Sở Xây dựng	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật và quản trị địa phương				Tiếng Anh	UT2	5	
734	Hoàng Phú	Tiến	21	1	1988		Sở Xây dựng	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
735	Đoàn Thị Phượng	Quyên	27	7	1979	x	Sở Xây dựng	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán doanh nghiệp	Anh văn B	Đại học		Tiếng Anh			
736	Dương Thị Phi	Yến	6	6	1989	x	Sở Xây dựng	Kế toán	06.031	Đại học	Kế toán	Anh văn (ĐH)	Trung cấp	x				
737	Phạm Minh	Thanh	7	1	1984		Sở Xây dựng	Pháp chế	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
738	Trương Hoàng	Nghĩa	14	6	1996		Sở Xây dựng	Pháp chế	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
739	Nghiêm Thị Thùy	Trang	28	6	1995	x	Sở Xây dựng	Pháp chế	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
740	Trần Đại	Nghĩa	22	2	1985		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Thạc sĩ	Quản lý dự án xây dựng			x				
741	Nguyễn Thị	Băng	5	3	1988	x	Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Tài nguyên nước				Tiếng Anh			
742	Đoàn Kiều	Linh	18	8	1978	x	Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kiến trúc sư				Tiếng Anh			
743	Trần Đình	Tân	20	8	1989		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
744	Nguyễn Như	Thùy	21	10	1997	x	Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật hạ tầng đô thị				Tiếng Anh			
745	Lâm Quang	Sáng	1	1	1993		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng				Tiếng Anh			
746	Hồ Mỹ	Hưng	14	12	1977		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Quy hoạch đô thị				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
747	Võ Duy	Thiện	20	1	1994		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình				Tiếng Anh			
748	Vũ Trường	Giang	26	9	1979		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Thạc sĩ	Xây dựng Thủy điện			x				
749	Nguyễn Tuấn	Long	22	8	1976		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng công nghiệp và dân dụng				Tiếng Anh			
750	Lưu Văn	Thời	10	4	1987		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng công nghiệp và dân dụng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
751	Võ Trịnh	Công	31	10	1989		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
752	Hứa Hoàng	Tùng	8	11	1997		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Cấp thoát nước				Tiếng Anh			
753	Đỗ Việt	Dũng	28	11	1995		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm				Tiếng Anh			
754	Huỳnh Minh	Chiến	22	9	1993		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Cầu đường bộ				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
755	Nguyễn Hoàng Thanh	Nghị	21	5	1991		Sở Xây dựng	Quản lý hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			
756	Trần Nhật	Quang	9	8	1992		Sở Xây dựng	Quản lý kinh tế xây dựng	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng				Tiếng Anh			
757	Nguyễn Thị Xuân	Hương	21	2	1995	x	Sở Xây dựng	Quản lý kinh tế xây dựng	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
758	Tăng Văn Út	Kiến	11	2	1984		Sở Xây dựng	Quản lý kinh tế xây dựng	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
759	Lê Thị Hồng	Thái	4	9	1992	x	Sở Xây dựng	Quản lý kinh tế xây dựng	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
760	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	22	6	1999	x	Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
761	Nguyễn Thanh	Tòng	7	10	1996		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
762	Phạm Hòa	Thịnh	20	2	1990		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật			x				
763	Trần Phương	Trinh	21	6	1986	x	Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật			x				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
764	Nguyễn Danh	Đức	21	6	1998		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
765	Lê Hữu	Tiến	13	1	1991		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
766	Nguyễn Thái	Hoàng	21	8	1986		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
767	Đinh Quyết	Thắng	1	1	1983		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
768	Vũ Nguyễn Phúc	Hậu	21	4	1994		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
769	Nguyễn Trọng	Anh	10	1	1997		Sở Xây dựng	Quản lý nhà và thị trường bất động sản	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
770	Phạm	Hậu	8	8	1996		Sở Xây dựng	Quản lý vật liệu xây dựng	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng				Tiếng Anh			
771	Nguyễn Việt	Lâm	9	9	1995		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
772	Phạm Thị Thanh	Hiền	26	4	1987	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
773	Trần Đại	Nghiệp	10	8	1995		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
774	Nguyễn Hoài	Nam	24	1	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình				Tiếng Anh			
775	Nguyễn Trí	Thanh	28	7	1983		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
776	Lưu Khánh	Huyền	19	11	1995	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Hành chính nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
777	Trần Quyền	Trang	11	12	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản Trị - Luật				Tiếng Anh			
778	Trần Bảo	Duy	27	10	1997		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
779	Phan Minh	Khánh	5	6	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
780	Trần Trung	Nam	10	5	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
781	Mai Tấn Hoàng	Lâm	17	11	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
782	Nguyễn Ngọc	Sơn	29	5	1994		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
783	Võ Thanh	Tùng	16	4	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Trung			
784	Nguyễn Đình Phi	Long	14	12	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
785	Hà Xuân	Dũng	12	3	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính			x				
786	Lương Minh	Khoa	22	9	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
787	Trần Vũ Việt	Nhơn	9	2	1986		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
788	Lê Thanh	Tân	29	10	1995		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật hạ tầng đô thị				Tiếng Anh			
789	Đoàn Phương	Đông	3	9	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
790	Trần Mạnh	Hùng	16	11	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
791	Hoàng Ngọc	Quang	20	1	1984		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
792	Trần Văn	Phước	5	9	1980		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
793	Bùi Bích	Phương	18	3	1993	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật hình sự				Tiếng Anh			
794	Trương Khắc	Duy	12	6	1996		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	
795	Đỗ Phạm Trung	Nghĩa	29	8	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
796	Trần Anh	Phong	2	2	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
797	Đỗ Cao	Trí	2	8	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
798	Nguyễn Hoàng	Sang	10	4	1982		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
799	Phạm Thị Thúy	Hằng	19	2	1992	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
800	Trần Hải	Hà	20	1	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
801	Hồ Thị Tuyết	Sang	19	4	1990	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
802	Nguyễn Thanh	Vũ	26	1	1973		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
803	Phan Thành	Luân	19	10	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
804	Trương Nguyễn Vinh	Quang	23	3	1975		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng				Tiếng Anh			
805	Thái Huỳnh	Long	2	2	1985		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
806	Lại Hữu	Phước	14	10	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
807	Lê Ngọc	Phước	3	8	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
808	Nguyễn Quốc Vĩnh	Phú	15	1	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Địa kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
809	Nguyễn Văn Tri	Phương	11	8	1983		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
810	Thái Thành	Trung	15	9	1985		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
811	Lê Huy	Chương	13	7	1997		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
812	Lý Minh	Hân	26	6	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
813	Dương Thu	Trang	1	7	1988	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
814	Trần Khắc	Nguyên	20	1	1994		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
815	Phan Văn	Đạt	18	2	1970		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
816	Mai Đức	Duy	25	2	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật thương mại quốc tế				Tiếng Anh	UT2	5	
817	Huỳnh Thị Mỹ	Phương	20	8	1998	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật quốc tế				Tiếng Anh			
818	Nguyễn Thành	Tuyến	25	6	1980		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	
819	Nguyễn Hiếu	Ngoan	16	12	1980		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
820	Lê Nhật	Minh	27	9	1994		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
821	Nguyễn Đức	Tuấn	18	5	1986		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
822	Nguyễn Hoàng	Sang	24	4	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
823	Phan Tấn	Dũng	16	2	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
824	Lê Văn	Vinh	21	12	1984		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
825	Dương Minh	Tân	4	7	1979		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật			x				
826	Nguyễn Hoàng	Long	20	10	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh doanh				Tiếng Anh	UT3	2.5	
827	Đào Thị	Trà	8	2	1995	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
828	Hoàng Thị Trung	Châu	23	9	1992	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
829	Lê Minh	Tuấn	9	5	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
830	Lê Trần Tuấn	Anh	19	11	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
831	Đoàn Công	Hưng	4	9	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
832	Trương Kim	Loan	25	1	1989	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
833	Trần Hồng	Quân	13	8	1996		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Công trình giao thông công chính				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
834	Trần Minh	Tiến	20	11	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
835	Đoàn Thới	Sơn	1	9	1983		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	
836	Nguyễn Thu	Uyên	1	11	1998	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
837	Nguyễn Hoàng	Ân	19	1	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
838	Nguyễn Trọng	Tuấn	23	2	1974		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng công nghiệp				Tiếng Anh			
839	Nguyễn Ngọc	Thu	21	1	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
840	Mai Hoàng	Lộc	3	4	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
841	Võ Hiếu	Trung	25	12	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
842	Phạm Đào Khôi	Nguyên	9	6	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
843	Mai Quốc	Hùng	8	9	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
844	Nguyễn Vĩnh	Phúc	29	9	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
845	Nguyễn Việt	Đức	12	12	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
846	Phan Quỳnh	Như	6	9	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
847	Nhan Trí	Thiên	25	7	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
848	Bùi Đức Bảo	Linh	27	5	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
849	Nguyễn Thị	Hiền	24	4	1995	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật dân sự - thương mại - quốc tế				Tiếng Anh			
850	An	Vương	28	9	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
851	Nguyễn Hoàng	Vũ	29	10	1983		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
852	Lê Thành	Đạt	16	8	1994		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
853	Võ Thị Tố	Linh	30	9	1995	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
854	Hà Minh	Tuấn	21	6	1981		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
855	Nguyễn	Hậu	12	9	1973		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật			x				
856	Nguyễn Nhật Thiên	Tài	24	12	1982		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
857	Lê Nguyễn Trúc	Phương	8	12	1996	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
858	Nguyễn Thị Kim	Yến	22	7	1991	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
859	Hồ Thái	Dương	14	6	1997		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
860	Hứa Hoàng	Long	10	4	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật			x				Chưa đóng phí thi tuyển
861	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo	27	11	1980	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật			x				Chưa đóng phí thi tuyển
862	Lê Đức	Phương	8	5	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
863	Lê Ngọc	Hiếu	8	11	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
864	Huỳnh Nguyễn Anh	Phương	14	4	1982		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
865	Trần Thị Xuân	Vũ	14	2	1985	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
866	Phạm Xuân	Đạt	13	12	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
867	Hồ Thanh	Điền	16	11	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
868	Lê Hoàng	Minh	8	11	1980		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
869	Nguyễn Ngọc	Sang	27	4	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
870	Trương	Thái	23	3	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
871	Nguyễn Hữu	Phúc	26	9	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
872	Trần Xuân	Vinh	18	10	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng cầu đường				Tiếng Anh			
873	Nguyễn Xuân	Phượng	24	4	1979		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	
874	Trần Võ Quang	Huy	26	3	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Hình sự				Tiếng Anh			
875	Hà Chí	Thanh	4	7	1977		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
876	Nguyễn Tiến	Hảo	19	9	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
877	Nguyễn Thị Phương	Hồng	27	6	1981	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
878	Phạm Ngọc	Kiên	28	5	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
879	Nguyễn Văn	Thương	15	11	1980		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
880	Nguyễn Quang	Vinh	4	7	1979		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
881	Phạm Văn	Hoằng	6	10	1975		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
882	Lê Thị Tú	Anh	28	4	1998	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
883	Cao Hoàng	Phương	23	4	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
884	Nguyễn Thị Phương	Hồng	29	9	1985	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
885	Huỳnh Kim	Phát	9	5	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng			x				
886	Nguyễn Cao	Thạch	23	12	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
887	Nguyễn Duy	Tùng	11	4	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
888	Trương Nguyễn Thành	Phát	3	1	1992		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
889	Bùi Hữu	Tín	3	12	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
890	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23	12	1991	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
891	Lương Văn Phú	Lộc	14	12	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
892	Trần Đặng Thanh	Trúc	29	10	1993	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
893	Thái Bình	Quốc	9	2	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
894	Nguyễn Hồ Xuân	Bảo	15	1	1986		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
895	Nguyễn Văn	Nam	26	6	1980		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
896	Nguyễn Thanh	Xuân	17	1	1994		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Kiến trúc				Tiếng Anh			
897	Nguyễn Công	Lâm	1	9	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
898	Nguyễn Thanh	Trà	22	6	1997		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
899	Võ Phi	Châu	23	3	1991		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Kiến trúc				Tiếng Anh			
900	Nguyễn Anh	Phú	7	11	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
901	Dương Minh	Trung	16	9	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
902	Phạm Kim	Ngọc	29	3	1998	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
903	Nguyễn Đức	Trọng	5	4	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
904	Lê Hồng	Hảo	3	6	1998		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
905	Lê Đức	Mạnh	24	12	1996		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
906	Trần Thị Phương	Liên	8	10	1997	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
907	Võ Ngọc	Thu	9	8	1988		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
908	Nguyễn Đức	Thanh	28	9	1986		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
909	Đỗ Văn	Hiếu	15	1	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
910	Lê Vinh	Điền	29	11	1993		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng				Tiếng Anh			
911	Hoàng Thị Kim	Ân	12	8	1996	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
912	Nguyễn Thị	Phương	19	10	1985	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
913	Trần Công	Minh	19	5	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
914	Nguyễn Thị Thu	Uyên	19	7	1999	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật tư pháp				Tiếng Anh			
915	Đỗ Văn Kim	Dũng	23	2	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
916	Võ Thanh	Phong	26	12	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
917	Trương Minh	Hoàng	10	6	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
918	Trần Đào Nhật	Hải	23	1	1987		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
919	Huỳnh Thị Trà	Giang	17	7	1996	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
920	Nguyễn Bùi Đức	Duy	19	7	1999		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
921	Nguyễn Tiến	Dũng	20	1	1985		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
922	Nguyễn Thị Thanh	Trà	18	7	1999	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
923	Vương Ngọc	Uyên	14	12	1999	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
924	Phạm Văn	Nam	26	3	1999		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
925	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	4	5	1999	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
926	Võ Thị	Hương	24	9	1999	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
927	Võ Ngọc Thanh	Đan	8	9	1998	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
928	Võ Thanh	Điền	12	10	1999		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
929	Nguyễn Thành	Tiến	10	11	1990		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
930	Lê Thị Cẩm	Vy	13	8	1989	x	Sở Xây dựng	Văn thư	02.008	Trung cấp	Hành chính - Văn thư				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
931	Nguyễn Trần Thúy	Vy	22	11	1988	x	Sở Xây dựng	Văn thư	02.008	Trung cấp	Hành chính văn phòng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
932	Đặng Thị Thủy	Tiên	28	5	1996	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
933	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	22	4	1987	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
934	Trần Lê	Duy	16	8	1996		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
935	Trần Hoàng Đăng	Khoa	15	10	1989		Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Bản đồ, Viễn thám và Hệ thống thông tin địa lý				Tiếng Anh			
936	Đặng Thị Trúc	Linh	10	11	1998	x	Sở Xây dựng	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
937	Phạm Thị Bích	Huyền	23	11	1986	x	Sở Y tế	Quản lý công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
938	Trần Thị Kim	Ngân	18	6	1988	x	Sở Y tế	Quản lý công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
939	Trần Thị Thùy	Dương	14	10	1990	x	Sở Y tế	Quản lý công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			
940	Vũ Ngô Phương	Hiền	18	2	1985		Sở Y tế	Quản lý công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
941	Võ Thị Phương	Anh	28	9	1981	x	Sở Y tế	Quản lý công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	01.003	Đại học	Luật			x				
942	Phạm Thị Kim	Yến	16	10	1993	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	luật				Tiếng Anh			
943	Võ Thanh	Tính	10	1	1996		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
944	Trần Trung	Thành	2	7	1986		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
945	Trương Mỹ	Linh	29	6	1992	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
946	Nguyễn Lê Nhật	Khánh	3	12	1986		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
947	Đinh Xuân	Nam	22	1	1997		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
948	Mai Thanh	Sơn	9	10	1986		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
949	Thái Quang	Minh	3	4	1981		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			
950	Trương Bạch	Vân	30	11	1995	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
951	Nguyễn Trung	Tín	10	11	1991		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
952	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	15	5	1987		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
953	Nguyễn Hữu	Tuấn	17	11	1990		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
954	Trần Chí	Tâm	12	9	1992		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
955	Đinh Quang	Vũ	25	5	1998		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
956	Võ Bá	Cang	4	11	1998		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
957	Nguyễn Xuân	Hoài	22	6	1996		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
958	Phạm Thanh	Hải	13	7	1982		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
959	Lê Nguyễn Việt	Tuấn	1	3	1997		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
960	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	10	9	1994	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
961	Nguyễn Thị Trà	My	9	10	1995	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
962	Lý Vĩnh	Khiêm	23	1	1990		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
963	Nguyễn Anh	Hoàng	14	2	1990		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	luật			x				
964	Phạm Nguyễn Thanh	Quốc	13	1	1999		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
965	Nguyễn Thị Thùy	Trang	5	2	1990	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
966	Trương An	Bình	8	12	1991		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kinh tế, chuyên ngành kinh tế luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
967	Vũ Thị Hương	Giang	24	11	1995	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
968	Ngô Việt	Hoàng	22	4	1998		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
969	Nguyễn Trung	Kiên	12	7	1989		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			
970	Dương Đắc	Trung	11	1	1986		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh			x				
971	Nguyễn Thị Vân	Anh	5	6	1991	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
972	Tôn Quang	Anh	1	1	1980		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
973	Lê Nguyễn Ngọc	Tiên	14	8	1997	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
974	Huỳnh Hồng	Lam	4	5	1987	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
975	Nguyễn Chí	Hiếu	9	12	1996		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
976	Phòng Kim	Bình	24	9	1989	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
977	Nguyễn Tiến	Dũng	10	8	1990		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	luật				Tiếng Anh			
978	Nguyễn Thị	Yến	8	3	1996	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
979	Bùi Gia Quỳnh	Anh	11	5	1988	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
980	Nguyễn Lê Hoàng	Ân	31	1	1999		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
981	Nguyễn Thị Ngọc	Trầm	22	12	1995	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật			x				Chưa đóng phí thi tuyển
982	Đào Thị Kim	Ngọc	20	9	1993	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
983	Lê Thị Lâm	Oanh	2	5	1998	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
984	Nguyễn Kim	Phụng	5	7	1994	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
985	Nguyễn Trọng	Hiếu	30	5	1995		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
986	Nguyễn Trần Kim Ngọc	Ánh	11	1	1993	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
987	Hồ Phạm Quốc	Thy	15	1	1989		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
988	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	4	10	1999	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	luật				Tiếng Anh			
989	Phan Ngọc	Thành	12	1	1989		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
990	Nguyễn Hoàng	Quân	17	3	1997		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
991	Đậu Thị Mai	Trang	8	8	1992	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
992	Lê Phan Minh	Hiếu	17	8	1979		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
993	Nguyễn Thanh	Tuấn	13	10	1987		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật			x				
994	Trương Thanh	Toàn	25	9	1998		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
995	Trần Trung	Hiếu	19	5	1979		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
996	Nguyễn Thành	Được	20	7	1990		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
997	Nguyễn Huy	Dương	14	8	1991		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
998	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	26	4	1992	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc Sĩ	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
999	Phạm Tấn	Phát	11	6	1994		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1000	Lê Thị	Trang	28	2	1992	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1001	Nguyễn Trung	Hưng	10	6	1993		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1002	Nguyễn Phước	Hậu	27	3	1997		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	luật				Tiếng Anh			
1003	Trần Bảo	Yến	12	9	1993	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc Sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1004	Nguyễn Tấn	Giàu	20	3	1993		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1005	Nguyễn Thanh	Sơn	30	4	1996		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1006	Lương Công	Thảo	21	9	1992		Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
1007	Phan Thanh	Trang	7	2	1990	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Thạc Sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1008	Lê Ngọc Thanh	Thảo	29	11	1995	x	Thanh tra Thành phố	Thanh tra kinh tế xã hội	01.003	Cử nhân	luật				Tiếng Anh			
1009	Nguyễn Tiến	Đạt	19	2	1983		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1010	Lê	Sơn	28	3	1986		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1011	Trương Thị Bích	Thạch	13	6	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1012	Ngô Minh	Khoa	30	8	1993		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1013	Quách Thụy Kiều	Mai	5	6	1994	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật Dân sự hành chính hình sự				Tiếng Anh			
1014	Mai Thị Hoàng	Yến	6	11	1992	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1015	Trần Huỳnh	Kha	6	11	1984		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1016	Nguyễn Minh	Cảnh	12	9	1990		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1017	Nguyễn Phúc	Đức	28	5	1992		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1018	Huỳnh Nhựt	Thanh	21	8	1997		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý thị trường Bất động sản				Tiếng Anh			
1019	Trần Văn	Điền	4	6	1997		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1020	Trần Thành	Nhân	5	12	1995		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1021	Hồ Hoàng	Quí	25	2	1992		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1022	Nguyễn Phương	Trinh	30	6	1995	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1023	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	12	6	1994	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1024	Cao Thị Mộng	Tuyền	27	10	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1025	Văn Thị Tuyết	Nhung	7	10	1993	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Địa chính - Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1026	Nguyễn Phước	Thiện	11	7	1996		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1027	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	19	6	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1028	Nguyễn Minh	Quyền	8	8	1995		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1029	Nguyễn Thị Xuân	Lan	2	10	1988	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
1030	Trần Thanh	Phương	9	7	1987		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1031	Trà Thị	Nhung	24	9	1990	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán DN				Tiếng Anh			
1032	Nguyễn Ngọc	Lương	19	8	1982		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng			x				
1033	Thân Ngân	Hạnh	11	11	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1034	Phạm Ngọc	Thanh	20	5	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1035	Huỳnh Nguyễn Quốc	Minh	31	12	1992		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Thanh tra (Hành chính học)				Tiếng Anh			
1036	Phan Thanh Như	Tuyến	5	4	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1037	Huỳnh Cẩm	Mau	13	2	1994	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước			x				
1038	Võ Minh	Phước	24	3	1997		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1039	Dương Chí	Tâm	2	4	1989		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kiến trúc sư				Tiếng Anh			
1040	Nguyễn Văn	Trung	2	3	1991		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Kiến trúc sư	Kiến trúc công trình				Tiếng Anh			
1041	Nguyễn Ngọc Phi	Long	25	7	1994		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
1042	Nguyễn Văn	Tuân	28	10	1993		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			
1043	Nguyễn Thanh	Tùng	26	8	1994		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
1044	Phan Thị Kim	Ngân	30	10	1993	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1045	Trần Thanh	Nhàn	15	5	1979		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
1046	Nguyễn Hiệp	Hưng	27	4	1996		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
1047	Thái Ngọc Hoài	Phong	13	3	1993		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1048	Trần Trung	Định	15	3	1991		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Thuế				Tiếng Anh			
1049	Đỗ Thị Hoàng	Yến	3	12	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính - Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1050	Tô Thị Kim	Thu	6	4	1985	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1051	Lê Thành	Được	11	10	1984		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
1052	Văn Nguyễn Kiều	Trâm	15	8	1993	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán			x				
1053	Cao Thị	Tài	14	8	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về kinh tế				Tiếng Anh			
1054	Trần Văn	Lạc	5	8	1997		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về xã hội				Tiếng Anh			
1055	Nguyễn Văn	Hòa	23	10	1987		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1056	Huỳnh Tấn	An	21	2	1977		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1057	Nguyễn Việt	Thái	24	12	1989		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
1058	Đinh Phước	Là	11	7	1984		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1059	Lê Thị Minh	Thư	5	5	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1060	Lương Bảo	Tân	20	2	1988		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1061	Đỗ Văn	Trung	30	12	1991		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1062	Đặng Hoài	Phong	27	11	1996		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1063	Phạm Văn	Thuần	23	4	1998		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kinh tế đô thị (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
1064	Lê Thị Kiều	Dung	15	9	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1065	Lê Nhật	Tấn	10	1	1991		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1066	Nguyễn Thế Ngọc	Diệp	9	10	1985	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1067	Ngô Thị Thu	Trúc	1	9	1984	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1068	Hồ Thanh	Nam	18	8	1991		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1069	Nguyễn Hồng Duy	Thanh	12	9	1990		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật; Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1070	Nguyễn Minh	Thành	1	11	1992		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1071	Thái Thị Cẩm	Thu	3	10	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1072	Phạm Thị Hồng	Mai	7	9	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1073	Nguyễn Hoàng	Tuấn	8	12	1999		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1074	Nguyễn Thị Huỳnh	Nga	13	9	1987	x	Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
1075	Nguyễn Văn	Hinh	22	2	1985		Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Quản lý về thủy lợi	01.003	Thạc sĩ	Công trình thủy				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1076	Đỗ Duy	Đăng	19	4	1989		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1077	Võ Thanh	Vũ	1	5	1997		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
1078	Đào Thị Ngọc	Ánh	14	1	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
1079	Trần Thị Tuyết	Hoa	20	12	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
1080	Võ Duy	Tuyên	27	12	1983		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1081	Hồ Phi	Hùng	16	1	1987		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
1082	Nguyễn Tấn	Tài	27	5	1992		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1083	Nguyễn Thị Hoàng	Phụng	30	11	1988	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1084	Nguyễn Trần Tuyết	Phương	22	7	1989	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	01.003	Đại học	Sư phạm				Tiếng Anh			
1085	Trần Thị Ánh	Tuyết	24	5	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
1086	Huỳnh Thị Bích	Duyên	13	1	1995	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và cơ sở vật chất giáo dục	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1087	Châu Ngọc	Dũng	24	2	1978		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1088	Nguyễn Thế	Cần	28	3	1991		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1089	Nguyễn Khắc	Nghiệm	5	1	1995		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kỹ thuật hạ tầng đô thị				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1090	Nguyễn Ngọc	Trung	4	11	1978		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh	UT2	5	
1091	Nguyễn Hồng	Tâm	4	7	1995		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1092	Phạm Thế	Ngọc	1	1	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Kinh tế - Đô thị				Tiếng Anh			
1093	Ngô Thị Kiều	Mỹ	21	6	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1094	Cao Thị Ngọc	Tỳ	1	6	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý thủy sản	01.003	Đại học	Ngư y				Tiếng Anh			
1095	Trần Thị Trường Giang	Thủy	25	12	1985	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý thủy sản	01.003	Đại học	Phát triển nông thông và khuyến nông				Tiếng Anh			
1096	Châu Thị Bích	Tuyền	10	3	1988	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Quản lý về thủy lợi	01.003	Đại học	Luật tổng hợp				Tiếng Anh			
1097	Phạm Thu	Trang	16	9	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1098	Nguyễn Văn	Thanh	13	9	1989		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1099	Phạm Thị Quỳnh	Như	28	3	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
1100	Bùi Thiện	Thuận	24	2	1987		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1101	Vương Quốc	Việt	31	5	1999		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1102	Huỳnh Đại	Khang	15	9	1988		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1103	Mai Thị Mỹ	Anh	6	10	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1104	Nguyễn Thị Thu	Trang	12	2	1991	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1105	Nguyễn Duy	Thanh	8	8	1983		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1106	Nguyễn Hoàng Minh	Mẫn	2	11	1981		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1107	Nguyễn Thanh	Phượng	5	11	1988	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1108	Trương Thành	Tín	26	4	1995		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra				Tiếng Anh			
1109	Võ Thị Hồng	Linh	15	10	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Thanh tra	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
1110	Trần Thị Minh	Nga	28	8	1986	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1111	Phan Thị Thanh	Trang	4	9	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1112	Nguyễn Thị Tuyết	Phương	12	12	1993	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1113	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	13	2	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1114	Hồ Thị Trúc	Lài	29	11	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1115	Nguyễn Thị Kim	Loan	21	4	1994	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1116	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	2	12	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1117	Huỳnh Minh	Thái	8	11	1998		Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1118	Lê Thị Mỹ	Duyên	23	9	1994	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1119	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27	3	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Kinh tế - Đô thị				Tiếng Anh			
1120	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26	11	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1121	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	4	2	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp Công dân	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1122	Nguyễn Thị	Lộc	13	1	1991	x	Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1123	Lê Minh	Trung	24	10	1982		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1124	Nguyễn Dương	Huy	3	5	1997		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý thị trường bất động sản (ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1125	Nguyễn Phúc Hải	Triều	1	1	1983		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Thạc sĩ	Quản lý Xây dựng				Tiếng Anh			
1126	Ngô Hoàng	Vi	3	9	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1127	Tô Tuấn	Hửu	26	11	1997		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1128	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1	4	1992	x	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1129	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	6	12	1989	x	Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý thị trường bất động sản (ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1130	Nguyễn Quang	Tuyến	18	10	1986		Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị (Kiến trúc sư)				Tiếng Anh			
1131	Phùng Cẩm	Nhung	22	7	1987	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1132	Nguyễn Trọng	Nhân	25	12	1993		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1133	Võ Văn Tôn	Tẩn	10	8	1984		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1134	Phạm Tuấn	Vũ	12	10	1991		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
1135	Nguyễn Quang	Thái	27	3	1990		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1136	Trần Hùng Linh	Sơn	29	1	1995		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp				Tiếng Anh			
1137	Lê Quốc	Phong	27	2	1987		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			
1138	Đỗ Minh	Nhật	7	12	1995		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1139	Đào Thị Ánh	Loan	10	9	1992	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
1140	Phạm Thị	Út	16	9	1995	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1141	Lê Thanh	Hưng	18	2	1992		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1142	Trần Thụy Minh	Như	17	8	1985	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1143	Nguyễn Huỳnh	Đức	26	7	1999		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý hành chính				Tiếng Anh			
1144	Hồ Ngọc Phương	Thủy	20	6	1996	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1145	Võ Ngọc Minh	Châu	15	8	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	- Quản lý nhà nước; - Luật				Tiếng Anh			
1146	Huỳnh Nhựt	Nam	5	12	1998		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1147	Huỳnh Tấn	Minh	10	10	1982		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1148	Nguyễn Nhật	Trường	11	7	1998		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1149	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	14	8	1997	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1150	Phạm Ngọc	Yến	1	6	1998	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1151	Nguyễn Thị Bé	Đào	7	7	1986	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1152	Nguyễn Lê Thúy	Hồng	10	12	1990	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1153	Trần Thị Thanh	Ngân	22	1	1999	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1154	Huỳnh Lê Ngọc	Thúy	23	1	1992	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý về y tế cơ sở và y tế dự phòng	01.003	Đại học	Điều dưỡng				Tiếng Anh			
1155	Phùng Thị Ngọc	Huyền	5	3	1989	x	Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1156	Lý Minh	Tuấn	9	10	1990		Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1157	Hoàng Lê	Minh	26	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1158	Vương Hà Minh	Trang	22	11	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính và Quản lý đô thị				Tiếng Anh			
1159	Trịnh	Kỳ	20	8	1983		Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1160	Thái	Huy	20	11	1994		Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1161	Dương Trọng	Hòa	30	4	1994		Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1162	Nguyễn Minh	Sơn	20	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1163	Trần Ngọc	Hải	2	8	1984		Ủy ban nhân dân Quận 1	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình				Tiếng Anh			
1164	Nguyễn Văn	Phúc	26	6	1995		Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1165	Trần Thị Quế	Trân	11	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý công				Tiếng Anh			
1166	Phạm Văn	Khoa	20	12	1995		Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1167	Vũ Thị Mỹ	Linh	10	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1168	Trần Đặng Như	Yến	2	1	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1169	Nguyễn Thành	Lưu	27	8	1989		Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1170	Trần Thị Thùy	Linh	20	7	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về kinh tế				Tiếng Anh			
1171	Nguyễn Hà	Phương	22	2	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật học			x				
1172	Trần Thị Quỳnh	Như	13	4	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1173	Nguyễn Văn	Sơn	8	7	1998		Ủy ban nhân dân Quận 1	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
1174	Phạm Thị Phương	Dung	14	10	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1175	Đào Công	Trung	20	4	1985		Ủy ban nhân dân Quận 1	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1176	Bùi Đỗ Nguyệt	Minh	26	1	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Luật, Quản lý thị trường bất động sản			x				
1177	Lê Khánh	Tình	1	4	1993		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1178	Nguyễn Anh	Thi	15	12	1981		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
1179	Trần Việt	Trinh	3	11	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1180	Lê Hòa	Khánh	26	10	1997		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Cử nhân	Hành chính - Tư pháp				Tiếng Anh			
1181	Huỳnh Thiên	Nhi	16	7	1996		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Cử nhân	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			
1182	Nguyễn Thị Thu	Hà	13	4	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1183	Lê Việt	Pin	1	8	1996		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1184	Phạm Hoàng	Long	15	12	1993		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1185	Nguyễn Ngọc	Linh	18	9	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1186	Bùi Dũng	Thắng	27	6	1980		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kiến trúc công trình				Tiếng Anh			
1187	Nguyễn Văn	Lượng	10	11	1987		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1188	Nguyễn Ngọc	Tài	10	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1189	Bùi Việt	Hải	12	7	1992		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Đại học, thạc sĩ	Tài chính - Quản trị tổng hợp, Quản trị kinh doanh			x				
1190	Hồ Minh	An	9	8	1989		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Thương mại			x				
1191	Lê Hoàng	Minh	14	1	1994		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản trị				Tiếng Anh			
1192	Bồ Hữu Huỳnh	Thiện	25	7	1999		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản lý công				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1193	Hồ Thị	Thúy	10	2	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Thương mại				Tiếng Anh			
1194	Trần Minh	Thiện	24	3	1987		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1195	Trần Hiếu	Nhân	5	1	1993		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Thạc sĩ, Cử nhân	Quản lý nhà nước, Quản lý công			x				
1196	Huỳnh Minh	Phương	7	1	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1197	Lại Võ Nhất	Chung	8	1	1988		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản trị kinh doan			x				
1198	Huỳnh Tấn	Phát	3	6	1998		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1199	Trần Ngọc	Xuân	13	4	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Ngoại thương				Tiếng Anh			
1200	Phạm Ngọc	Quân	29	1	1994		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
1201	Đỗ Thành	Đạt	17	9	1998		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1202	Ngô Thanh	Tùng	21	3	1983		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1203	Vũ Thị	Tâm	27	4	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	01.003	Đại học	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			
1204	Lê Kim	Thoa	8	5	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý tổ chức - biên chế và hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1205	Phan Hoàng	Phúc	26	11	1982		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Kỹ sư	Kỹ sư xây dựng công trình				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1206	Nguyễn Quỳnh	Như	17	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
1207	Nguyễn Thị Phương	Vi	11	3	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
1208	Hồ Trọng	Hiếu	18	10	1991		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1209	Phạm Xuân	Hưng	11	1	1991		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh	UT2	5	
1210	Nguyễn Sĩ	Thi	14	8	1990		Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1211	Nguyễn Huyền	An	17	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Kiến trúc sư				Tiếng Anh			
1212	Lê Ngọc Phương	Uyên	25	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1213	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	2	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1214	Phan Thị Ngọc	Mai	4	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1215	Trần Thị Ngọc	Huỳnh	23	7	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1216	Trịnh Thị	Loan	10	2	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1217	Trương Bích	Tuyền	6	7	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1218	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	24	9	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1219	Nguyễn Thế	Hiển	11	7	1986		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1220	Trần Lâm Tuấn	Hùng	18	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1221	Đặng Hoàng Kim	Xuân	1	9	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
1222	Nguyễn Quang	Minh	26	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 1	Thanh tra	01.003	Đại học	Kiến trúc sư quy hoạch vùng và Đô thị				Tiếng Anh			
1223	Nguyễn Quý	Lâm	15	1	1984		Ủy ban nhân dân Quận 1	Thanh tra	01.003	Đại học	Xây dựng công trình				Tiếng Anh			
1224	Trần Ngọc	Vinh	30	10	1994		Ủy ban nhân dân Quận 1	Thực hiện chính sách người có công	01.003	Cử nhân	Thanh tra				Tiếng Anh			
1225	Nguyễn Võ Thị Ngọc	Huyền	15	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Thực hiện chính sách người có công	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1226	Trần Thanh	Sơn	12	1	1990		Ủy ban nhân dân Quận 1	Thực hiện chính sách người có công	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1227	Đoàn Tuấn	Anh	25	6	1992		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Quốc tế				Tiếng Anh			
1228	Phạm Thị Cẩm	Ngọc	5	6	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Hành chính - Nhà nước				Tiếng Anh			
1229	Lâm Thùy	Vy	15	4	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
1230	Lê Nguyễn Mỹ	Linh	16	3	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Trung			
1231	Trần Thị Bích	Ngọc	30	4	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1232	Trần Thị Thanh	Thúy	27	2	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1233	Võ Thành	Phát	7	11	1984		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1234	Võ Hoàng	Long	27	4	1981		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1235	Đặng Thị	Ngân	8	8	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1236	Trần Vĩnh	Tài	15	11	1990		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1237	Huỳnh Hoàng	Hận	24	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1238	Trương Trọng	Nghĩa	31	7	1982		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1239	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	26	11	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật tư pháp				Tiếng Anh			
1240	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	8	7	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1241	Nguyễn Thị Thúy	An	28	2	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1242	Nguyễn Văn	Thanh	25	5	1986		Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1243	Lê Thị	Anh	24	5	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Hành chính				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1244	Lê Nguyễn Phương	Uyên	21	6	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Báo chí Truyền thông				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1245	Nguyễn Thị Bé	Tư	20	11	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Đông phương học				Tiếng Trung			
1246	Lê Văn	Mạnh	5	9	1974		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Đông Nam Á học				Tiếng Anh			
1247	Nguyễn Hoàng Thu	Trang	1	9	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1248	Phạm Thành	An	14	3	1992		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1249	Võ Thị Thanh	Giang	3	11	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1250	Ngô Thị Mỹ	Trang	12	4	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý hoạt động văn hóa xã hội				Tiếng Anh			
1251	Trần Hồ	Phát	20	6	1999		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1252	Hà Tiến	Dũng	10	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
1253	Trương Thị Tuyết	Nga	3	6	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1254	Quách Phùng Bảo	Châu	8	9	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Tài chính Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1255	Nguyễn Thị Hoa	Phương	26	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Nội chính - Văn xã				Tiếng Anh			
1256	Nguyễn Thụy Mai	Huyền	11	8	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1257	Nguyễn Hữu	Trí	19	2	1999		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1258	Phan Văn	Bắc	16	9	1988		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1259	Trần Ngọc Diễm	Xuân	5	11	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế			x				
1260	Vương Thúy	Ái	21	3	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
1261	Ngô Thị Kim	Vy	29	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kinh tế - đô thị				Tiếng Anh			
1262	Nguyễn Đào Ngọc	Mỹ	20	3	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1263	Lê Thị	Hường	5	4	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1264	Võ Thị Ngọc	Yến	9	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý công				Tiếng Anh			
1265	Hồ Trần Quế	Ngọc	20	7	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1266	Trần Thúy	Quỳnh	20	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1267	Phạm Văn	Ích	20	1	1995		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1268	Đặng Trần Hương	Giang	11	12	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật dân sự				Tiếng Anh			
1269	Hoàng Đỗ Hồng	Phương	12	9	1987		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1270	Đinh Thế	Phong	27	10	1988		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1271	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	15	12	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1272	Đỗ Hoàng	Nhật	7	2	1989		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doan				Tiếng Anh			
1273	Trần Thị Thùy	Dung	2	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1274	Nguyễn Ngọc	Vân	14	3	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin			x		UT2	5	
1275	Chiêm Hoàng	Chi	10	10	1983		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1276	Bùi Hà	Long	26	10	1983		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ, Đại học	Quản trị kinh doanh, Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
1277	Nguyễn Thị Bích	Trâm	10	6	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn thư	02.007	Cử nhân	Luật học (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1278	Phạm Thị Lan	Thanh	2	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn thư	02.007	Cử nhân	Quản lý công (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1279	Lê Văn	Tình	6	10	1982		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn thư	02.007	Cử nhân	Luật Kinh tế (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1280	Nguyễn Công	Phượng	30	10	1978		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn thư	02.007	Cử nhân	Quản trị kinh doanh du lịch khách sạn (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1281	Trần Thị Như	Cẩm	23	12	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn thư	02.007	Đại học	Lưu trữ học				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1282	Diệp Vĩnh	Lộc	13	5	1975		Ủy ban nhân dân Quận 1	Văn thư	02.007	Đại học	Luật (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu	UT2	5	
1283	Nguyễn Minh	Thanh	12	12	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 1	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Dân sự - Thương mại - Quốc tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1284	Trần Đỗ Thanh	Tân	24	10	1985		Ủy ban nhân dân Quận 3	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1285	Nguyễn Hồng	Phúc	9	7	1999		Ủy ban nhân dân Quận 3	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1286	Nguyễn Thị Phương	Trang	1	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1287	Nguyễn Đình Thanh	Phương	21	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1288	Lê Nguyễn Ý	Nhi	30	6	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1289	Nguyễn Trần Nhật	Hạ	11	4	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1290	Bùi Văn	Điều	10	10	1976		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1291	Phạm Thị Hồng	Cúc	9	3	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1292	Lê Thị Thu	Thảo	21	7	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Thạc sĩ Tài chính ngân hàng; Luật				Tiếng Anh			
1293	La Duy	Nghĩa	26	12	1988		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật			x		UT2	5	
1294	Phan Nguyễn Quang	Huy	18	2	1982		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1295	Phạm Xuân	Quỳnh	23	11	1984		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1296	Kim Thị	Sưng	17	2	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1297	Công Phạm Hoàng	Anh	22	10	1992		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư	02.008	Cao đẳng Chứng chỉ	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu	UT3	2.5	
1298	Hồ Minh	Phát	9	9	1991		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư	02.008	Trung cấp	Văn thư - lưu trữ				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1299	Vy Hoàng	Tiên	23	1	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư	02.008	Đại học	Hành chính học, Trung cấp Văn thư Lưu trữ				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1300	Vũ Nguyễn Như	Ngọc	5	6	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn thư	02.008	Trung cấp	Hành chính văn phòng (có chứng chỉ bồi dưỡng văn thư - lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1301	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	14	7	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1302	Phạm Ngọc Hoàng	Oanh	16	5	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1303	Lê Thị Diễm	Hằng	10	1	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1304	Lê Huỳnh Bảo	Minh	4	4	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1305	Võ Thị Mỹ	Huyền	29	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1306	Trần Thị Kim	Tuyến	27	9	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1307	Lê Minh	Phát	6	1	1994		Ủy ban nhân dân Quận 3	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1308	Lê Trọng	Nhân	12	12	1999		Ủy ban nhân dân Quận 3	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1309	Phùng Xuân	Mai	8	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1310	Trương Tấn	Đạt	18	4	1987		Ủy ban nhân dân Quận 3	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1311	Trần Thị Hương	Quỳnh	20	7	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1312	Phan Tuấn	Kiệt	16	6	1989		Ủy ban nhân dân Quận 3	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Đại học Luật				Tiếng Anh			
1313	Nguyễn Hoàng	Sang	19	3	1999		Ủy ban nhân dân Quận 3	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Đại học Luật				Tiếng Anh			
1314	Lê Thị Mỹ	Linh	5	12	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1315	Phan Minh	Luân	8	11	1982		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1316	Lê Nguyễn Thanh	Thảo	18	4	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Thạc sĩ	Kinh tế				Tiếng Anh			
1317	Lý Kim	Hồng	30	6	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế; Tài chính - Ngân hàng; Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
1318	Trần Hồng Kim	Vy	15	1	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành tài chính kế toán)				Tiếng Anh			
1319	Đỗ Thị Ngọc	Thủy	25	6	1979	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1320	Nguyễn Thị	Hà	12	2	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kinh tế Quốc tế				Tiếng Anh			
1321	Phan Thị Phương	Ngân	26	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1322	Lê Thị Mỹ	Hằng	17	1	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1323	Phạm Quốc	Cường	9	11	1983		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Cử nhân Kinh tế				Tiếng Anh			
1324	Huỳnh Giang Thanh	Trang	11	8	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Quản trị Bệnh viện				Tiếng Anh			
1325	Phạm Thị Hoàng	Diễm	25	5	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	01.003	Đại học	Y tế công cộng				Tiếng Anh			
1326	Hà Thanh	Ân	12	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Kỹ sư Khoa học dinh dưỡng và ẩm thực				Tiếng Anh			
1327	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	20	9	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Kỹ sư công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1328	Trần Thị Kim	Ngân	13	10	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Thạc sĩ Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1329	Nguyễn Thanh	Hiền	29	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1330	Lê Thị	Luyến	29	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh	UT2	5	
1331	Lê Thị Ngọc	Ánh	4	2	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Kỹ sư Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm				Tiếng Anh			
1332	Thái Thị Hồng	Loan	15	6	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1333	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	6	3	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1334	Nguyễn Ngọc	Thụy	29	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Cử nhân Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm			x				
1335	Phùng Văn	Tiến	20	2	1995		Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1336	Huỳnh Quang	Vinh	17	7	1986		Ủy ban nhân dân Quận 3	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1337	Nguyễn Hữu	Tâm	4	8	1984		Ủy ban nhân dân Quận 3	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1338	Nguyễn Kiều Phương	Quyên	22	8	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1339	Nguyễn Thị Mai	Trinh	30	8	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1340	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	12	6	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1341	Nguyễn Thị Thu	Hồng	1	1	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1342	Đặng Ngọc	Hương	31	5	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1343	Trần Thị Anh	Thi	22	8	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1344	Phạm Tiến	Quý	20	12	1993		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1345	Trịnh Thị Ngọc	Liên	12	12	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1346	Võ Trường	Thuận	8	11	1995		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1347	Lữ Tấn	Đạt	28	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
1348	Ngô Văn	Nam	10	8	1998		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1349	Lê Thị Trường	Giang	19	2	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1350	Đỗ Thị Bích	Ngọc	19	3	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1351	Nguyễn Thị Thanh	Mai	9	9	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1352	Trần Quốc	Tú	10	1	1990		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
1353	Nguyễn Phương	Nam	4	8	1989		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Cử nhân Khoa học xã hội; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh			x				
1354	Phùng Công	Huy	15	1	1998		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1355	Trần Thị Kim	Anh	15	12	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1356	Nguyễn Đoàn Tú	Uyên	14	3	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1357	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	26	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1358	Đào Thị Anh	Vân	23	8	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1359	Nguyễn Hồng Ngọc Bảo	Trâm	22	8	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1360	Nguyễn Viên Phương	Thảo	3	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1361	Công Phạm Quỳnh	Anh	14	2	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1362	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	3	2	1972	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1363	Nguyễn Tấn	Đạt	24	12	1998		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1364	Biện Minh	Trung	15	4	1989		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
1365	Thái Bích	Trâm	18	4	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1366	Nguyễn Thụy Thủy	Ngọc	7	5	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1367	Võ Thị	Hiền	7	12	1979	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
1368	Võ Doanh	Điểm	16	9	1983		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1369	Nguyễn Thị Thu	Hằng	28	9	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1370	Lê Kim	Phụng	28	8	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1371	Nguyễn Thị Như	Trang	3	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1372	Nguyễn Tiến	Dũng	13	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật			x				
1373	Trần Thị Thanh	Trúc	5	2	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1374	Phạm Thị Hồng	Phương	17	6	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1375	Dương Thị Thu	Vân	28	3	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1376	Nguyễn Phúc Trường	Luật	18	8	1998		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1377	Trần Thị Mai	Tiên	13	5	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
1378	Phạm Thị Kiều	Diễm	5	5	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1379	Đỗ Đình	Chinh	9	5	1984		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
1380	Nguyễn Thị Kim	Lộc	7	12	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1381	Trương Hồng	Phúc	28	1	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1382	Trần Ngô Diệu	Trang	4	10	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1383	Đồng Phương	Thảo	7	3	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1384	Lê Ngọc Mỹ	Hiền	7	5	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1385	Phạm Thị Quỳnh	Hương	28	7	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1386	Huỳnh Ngọc	Thành	4	7	1982		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1387	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	27	11	1976	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1388	Lê Thị Trà	Giang	20	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1389	Nguyễn Thị Bích	Thủy	19	8	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
1390	Phạm Thị Thúy	Oanh	15	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1391	Trang Thiên	Thanh	7	8	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1392	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	17	4	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1393	Nguyễn Lê Quốc	Minh	4	5	1984		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Du lịch				Tiếng Anh			
1394	Phạm Thị Ngọc	Nhung	22	7	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Du lịch				Tiếng Anh			
1395	Trang Nguyễn Phương	Thanh	4	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1396	Nguyễn Thanh Ý	Nhi	26	5	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Báo chí			x				
1397	Nguyễn Minh	Hiếu	28	5	1999		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1398	Cao Văn Ngọc	Tú	10	11	1981		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1399	Bùi Long	Vũ	20	1	1995		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Du lịch và khách sạn			x				
1400	Nguyễn Thị Thu	Hà	1	6	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Cử nhân Văn học; Thạc sĩ Văn học				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1401	Phạm Thanh	Hùng	9	5	1991		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1402	Nguyễn Thị Hồng	Hương	14	2	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Du lịch				Tiếng Anh			
1403	Nguyễn Hữu	Lợi	6	9	1995		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Huấn luyện thể thao				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1404	Bùi Thị Xuân	Mai	8	8	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1405	Ngô Thanh	Duy	13	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 3	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1406	Vũ Duy	Tiến	10	4	1988		Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Cử nhân kế toán; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1407	Nguyễn Thị Mai	Lan	11	3	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
1408	Ngô Lê Thanh	Huyền	20	10	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1409	Tô Quốc	Khá	7	7	1994		Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1410	Bùi Thị Trang	Nhung	13	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1411	Trương Thị Hồng	Thảo	25	12	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1412	Nguyễn Ngọc Hồng	Linh	29	8	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1413	Đỗ Thị Hà	Phương	5	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1414	Cao Minh	Ngọc	7	8	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
1415	Lê Hồng	Hạnh	23	12	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng			x				
1416	Chu Võ Thu	Thảo	7	1	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1417	Trần Ngọc Minh	Phương	18	4	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1418	Từ Việt	Hoàng	22	6	1987		Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
1419	Nguyễn Thị Hoài	Thương	19	7	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	kế toán				Tiếng Anh			
1420	Hồ Đăng	Quang	16	9	1986		Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1421	Dương Lê Phượng	Hằng	28	9	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế			x				
1422	Phan Thị Kim	Giang	20	7	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1423	Nguyễn Thị Thu	Thủy	29	9	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1424	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	17	8	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1425	Ngô Minh	Phụng	10	8	1990		Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1426	Võ Hoàng Phương	Quyên	14	11	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1427	Nguyễn Ngọc Mỹ	Linh	3	4	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1428	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	2	7	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1429	Lâm Trần Kim	Hiền	16	4	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1430	Võ Đức	Tài	6	10	1994		Ủy ban nhân dân Quận 3	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
1431	Trần Giáng	My	23	6	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 3	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư kỹ thuật trắc địa - Bản đồ				Tiếng Anh			
1432	Lê Bê	Hai	17	4	1984		Ủy ban nhân dân Quận 3	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1433	Hà Xuân	Trường	28	3	1979		Ủy ban nhân dân Quận 3	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	
1434	Trần Quang	Sang	8	12	1994		Ủy ban nhân dân Quận 3	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
1435	Trần Huỳnh Thanh	Tâm	24	9	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý giáo dục mầm non	01.003	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1436	Nguyễn Minh	Thư	9	10	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý giáo dục mầm non	01.003	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục				Tiếng Anh			
1437	Phạm Tiến	Công	16	9	1994		Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ chế biến thủy sản				Tiếng Anh			
1438	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	11	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1439	Phan Thị Bích	Hiền	4	3	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Cử nhân Vi sinh - Sinh hóa				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1440	Phạm Thị Hải	Hà	24	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh	UT2	5	
1441	Dư Ngọc Diễm	My	21	1	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1442	Thái Thị Thu	Nga	25	10	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			
1443	Ngô Văn	Cảnh	24	5	1984		Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Đại học	Bác sĩ y khoa				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
1444	Nguyễn Thái	Lan	9	3	1993		Ủy ban nhân dân Quận 4	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
1445	Phan Ngọc	Thùy	14	8	1978		Ủy ban nhân dân Quận 4	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Luật			x				
1446	Lê Đinh	Toàn	2	1	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị; kỹ sư xây dựng				Tiếng Anh			
1447	Nguyễn Thành	Trung	7	1	1997		Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
1448	Hà Huy	Thạch	18	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1449	Phạm Ngọc Thanh	Trung	9	12	1978		Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý xây dựng	01.003	Thạc sĩ	Quản lý xây dựng				Tiếng Anh			
1450	Võ Thụy Như	Thảo	4	5	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1451	Nguyễn Thị	Lan	10	2	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán - Tài chính; thạc sĩ Kinh tế				Tiếng Anh			
1452	Quảng Trọng	Cường	30	10	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật - Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1453	Trần Nguyễn	Tùng	11	6	1983		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1454	Trần Văn	Trung	16	9	1983		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1455	Nguyễn Chánh	Phong	20	11	1984		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1456	Nguyễn Thị Bích	Thuận	23	8	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Việt Nam học (Văn hóa du lịch)				Tiếng Anh			
1457	Phạm Hữu	Tài	12	9	1985		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1458	Nguyễn Hương	Ly	20	5	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Ngữ văn				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1459	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	29	6	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1460	Trần Việt	Pháp	25	9	1996		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1461	Phạm Hồng	Ngọc	5	9	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Báo chí				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1462	Nguyễn Văn	Thắng	17	8	1987		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1463	Đặng Hữu	Danh	1	1	1981		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1464	Phạm Mỹ	Bình	19	8	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1465	Trần Văn	Thành	5	7	1988		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1466	Trần Khánh	Nguyên	26	10	1987		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1467	Lê Văn	Hồ	15	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1468	Lê Nghiêm	Thi	23	7	1990		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1469	Nguyễn Thị Ánh	Hoa	5	10	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1470	Phạm Thị Huyền	Trân	12	12	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Triết học				Tiếng Anh			
1471	Trần Thị Mỹ	Hạnh	13	6	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1472	Đặng Kim	Toàn	27	12	1984		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1473	Võ Ngọc Quốc	Huy	3	10	1982		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1474	Đoàn Văn	Thanh	7	3	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1475	Trần Thị Cẩm	Hiền	9	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1476	Nguyễn Thị Băng	Tuyết	13	2	1979	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1477	Nguyễn Phát Trọng	Quốc	16	3	1978		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1478	Đặng Thị Hòa	Hợp	22	7	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1479	Trần Minh	Ngọc	2	11	1993		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
1480	Nguyễn Cao	Cường	20	8	1983		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1481	Trần Thị	Thảo	21	1	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Tín dụng - Tiền tệ				Tiếng Anh			
1482	Trần Thị Kim	Thanh	19	4	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1483	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20	3	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán; Luật học				Tiếng Anh			
1484	Đỗ Văn	Diện	10	3	1988		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1485	Trương Thu	Hà	25	9	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1486	Nguyễn Công	Minh	6	10	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
1487	Nguyễn Hữu	Tiến	29	7	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1488	Trương Tấn	Phát	20	9	1994		Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1489	Vương Hoàng	Phúc	14	12	1986		Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Xây dựng cầu đường				Tiếng Anh			
1490	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	27	3	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1491	Nguyễn Thị Nữ Hoàng	Anh	10	9	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1492	Nguyễn Thị Thanh	Hải	19	5	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1493	Bùi Quốc	Thành	10	11	1997		Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1494	Võ Minh	Tuấn	21	12	1994		Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
1495	Trần Thị	Thanh	22	8	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
1496	Phạm Duy	Tân	30	8	1995		Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1497	Nguyễn Lê Phương	Trâm	16	2	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1498	Nguyễn Trần Hương	Trang	18	4	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1499	Lê Văn	Hải	16	2	1982		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1500	Thịnh Chí	Hiếu	8	10	1991		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1501	Đào Thị Thanh	Thủy	19	7	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1502	Lê Thị Ngọc	Bích	27	10	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1503	Huỳnh Thế	Phương	23	1	1988		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1504	Lưu Thanh	Tâm	22	5	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1505	Lâm Thụy Nhiễu	Quyên	10	12	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật hành chính				Tiếng Anh			
1506	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	31	1	1974	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật			x				
1507	Trần Nguyễn Minh	Huyền	8	11	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật			x				
1508	Nguyễn Ngọc	Thúy	10	4	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1509	Nguyễn Việt Anh	Lân	18	9	1996		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật thương mại			x				
1510	Võ Thị Bạch	Phượng	2	6	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1511	Lưu Hoàng	Nam	28	1	1990		Ủy ban nhân dân Quận 4	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1512	Dương Hiếu	Nghĩa	23	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
1513	Lưu Thị Phương	Loan	10	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1514	Võ Thị Lan	Phương	19	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1515	Nguyễn Hoài	Thương	7	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1516	Hoàng Lê Huyền	Nga	18	9	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán			x				
1517	Lương Nguyễn Đình	Phúc	14	7	1986		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1518	Phạm Thị Thanh	Hường	11	8	1975	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1519	Dư Thị Thúy	Quỳnh	8	7	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1520	Phạm Quang	Việt	16	12	1985		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
1521	Dương Thị Hồng	Thúy	13	8	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1522	Nguyễn Thị Mai	Hương	24	8	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1523	Đặng Kiều Minh	Thư	31	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế				Tiếng Anh			
1524	Phạm Thị Hồng	Thắm	11	3	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
1525	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10	8	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1526	Lý Thị Đoan	Trang	30	1	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1527	Khắc Ngọc	Thanh	19	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế; cử nhân Kinh tế lao động và quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh			
1528	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	19	5	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1529	Nguyễn Tất Thanh	Trang	23	1	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1530	Triệu Trần Thanh	Thư	27	5	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Thống kê				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1531	Phan Trọng	Nhân	25	10	1985		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Cử nhân hành chính				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1532	Nguyễn Thành	Duy	4	2	1992		Ủy ban nhân dân Quận 4	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản lý công				Tiếng Anh			
1533	Nguyễn Thị	Hòa	19	5	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Lịch sử Việt Nam				Tiếng Anh	UT2	5	
1534	Nguyễn Thị	Huyền	14	1	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Lịch sử				Tiếng Anh			
1535	Phạm Minh	Đức	8	5	1982		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
1536	Nguyễn Thành	Phát	25	11	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật Hành chính				Tiếng Anh			
1537	Châu Đặng	Quang	4	11	1994		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1538	Biện Thị Kim	Hồng	15	3	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1539	Lê Nhật	Linh	27	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1540	Phạm Thị Mỹ	Yến	12	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1541	Vương Tấn	Khởi	5	7	1983		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1542	Trần Thùy	Dương	18	9	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán; Hệ thống thông tin kinh tế				Tiếng Anh			
1543	Đào Thị Mỹ	Tiên	13	5	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn thư	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước (Có chứng chỉ Quản trị văn phòng và công tác văn thư, lưu trữ)				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1544	Phùng Kiều	Anh	17	3	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật Thương mại quốc tế				Tiếng Anh			
1545	Nguyễn Phú	Minh	24	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1546	Danh Hữu	Duy	16	2	1998		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
1547	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1	1	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1548	Hồ Viết Thanh	Phong	9	2	1983		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1549	Đoàn Thị Đào	Hạnh	12	3	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh			
1550	Bùi Thị Bích	Trâm	12	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học; Luật				Tiếng Anh			
1551	Trần Văn	Minh	17	1	1984		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Khoa học Chính trị				Tiếng Anh			
1552	Phan Tấn Thiên	Ngân	26	6	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1553	Tăng Bảo	Tường	5	4	1983		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1554	Dương Thị Bích	Thuận	17	11	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1555	Ngô Thị Thanh	Thư	11	3	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính Doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1556	Trần Võ Quang	Minh	2	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1557	Lã Phúc	Anh	9	8	1997		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1558	Trần	Đạt	8	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 5	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Luật; Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
1559	Nguyễn Thanh	Tùng	8	2	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Tổ chức và Nhân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1560	Nguyễn Thị Thanh	Trang	16	4	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Việt Nam học (Văn hóa du lịch)				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
1561	Trần Bạch	Ngọc	11	8	1977	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tôn giáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1562	Võ Thái Trọng	Nhân	21	10	1993		Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tổng hợp	01.003	Thạc sĩ	Kinh tế học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1563	Ngô Thị Bích	Phụng	25	8	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			
1564	Nguyễn Thành	Đạt	14	4	1994		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1565	Lê Lâm	Anh	8	4	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Văn - Sư phạm				Tiếng Anh			
1566	Nguyễn Thị Bạch	Yến	3	8	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1567	Lê Thị Thu	Cúc	13	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1568	Nguyễn Ngô	Hiếu	13	11	1990		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1569	Đinh Công	Chánh	10	2	1994		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1570	Nguyễn Thị Thanh	Lan	28	10	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1571	Cao Trung	Nhân	9	7	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Triết học				Tiếng Anh			
1572	Trần Việt Tuấn	Anh	13	5	1998		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1573	Huỳnh Lưu Phương	Thùy	20	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Tổ chức và Quản lý nhân sự				Tiếng Anh			
1574	Phùng Bảo	Vinh	24	5	1993		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1575	Dương Thị	Thìn	14	8	1976	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1576	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	3	7	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1577	Nguyễn Thị Bích	Trâm	22	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1578	Nguyễn Thị	Huệ	31	10	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1579	Phan Vũ Trúc	Mai	13	8	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1580	Trần Minh	Đức	28	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1581	Phạm Duy	Thông	6	9	1997		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Văn học				Tiếng Anh			
1582	Nguyễn Tấn	Phước	25	5	1982		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Xây dựng địa chính Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1583	Nguyễn Đăng	Duy	24	3	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1584	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	26	7	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh Luật				Tiếng Anh			
1585	Đoàn Thị	Lai	14	1	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1586	Nguyễn Duy Anh	Quốc	5	12	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Nội chính - Văn xã				Tiếng Anh			
1587	Nguyễn Thanh	Tuấn	2	7	1981		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Báo chí				Tiếng Anh			
1588	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	11	6	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1589	Nguyễn Hoàng	Thiện	18	1	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	
1590	Bùi Ngọc Thái	Sơn	9	7	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	
1591	Hứa Thị Thanh	Tâm	23	9	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
1592	Đàm Thị	Nguyệt	7	10	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Hình sự				Tiếng Anh	ƯT2	5	
1593	Trần Thị Ngọc	Linh	28	9	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1594	Nguyễn Hoài	Anh	19	11	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	ƯT2	5	
1595	Tạ Duy	Tân	7	11	1986		Ủy ban nhân dân Quận 5	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Đại học	Trinh sát chống tội phạm về TTXH				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1596	Lâm Bích	Phượng	2	4	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1597	Đồng Thị My	Thiên	19	3	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Nội chính - văn xã				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1598	Lê Đăng	Hưng	27	2	1995		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Nội chính - văn xã				Tiếng Anh			
1599	Lư Dinh	Dinh	22	4	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1600	Phan Trần Khánh	Vy	5	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1601	Võ Thị Khương	Thảo	24	12	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1602	Phan Thị Mỹ	Nhân	19	5	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1603	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18	12	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quan hệ quốc tế				Tiếng Anh			
1604	Nguyễn Thị Thu	Thảo	3	11	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
1605	Trần Thị Khánh	Vân	11	9	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1606	Bùi Thị Phương	Thùy	24	2	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1607	Hồng Đức	Hòa	19	11	1990		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1608	Nguyễn Tiến	Đạt	20	8	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1609	Nguyễn Thùy	Dương	1	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1610	Huỳnh Thị Phương	Thảo	13	6	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1611	Nguyễn Ngọc	Huy	5	5	1989		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1612	Hoàng	Bách	12	5	1995		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1613	Nguyễn Ngọc	Minh	11	10	1984		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1614	Phan Thị Ngọc	Hồng	24	8	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1615	Huỳnh Ngọc Trà	My	14	9	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1616	Trần Ngọc Hoàng	Kim	7	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1617	Lương Huỳnh Hương	Giang	24	7	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1618	Lê Nguyễn Bảo	Trân	7	12	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1619	Bùi Ngọc	Điệp	2	9	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tôn giáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1620	Đỗ Ngọc Hoàng	Anh	22	4	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1621	Nguyễn Thị Trâm	Anh	21	3	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1622	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng	23	9	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1623	Châu Hoàng Đăng	Khoa	24	9	1992		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
1624	Nguyễn Hoàng	Tuấn	6	1	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Tài chính - Doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1625	Nguyễn Hồng	Tân	20	9	1983		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - Tài chính doanh nghiệp thương mại				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	
1626	Đặng Thanh	Tùng	14	6	1981		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
1627	Lê Nguyễn Phương	Khanh	24	3	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật			x				
1628	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	17	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1629	Phạm Quang Tiến	Dũng	28	4	1992		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1630	Nguyễn Tiến	Hùng	10	1	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Sư phạm Lịch sử Luật				Tiếng Anh			
1631	Bùi Quang	Bình	13	1	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị tài chính				Tiếng Anh			
1632	Trần	Hùng	26	9	1995		Ủy ban nhân dân Quận 5	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ phần mềm				Tiếng Anh			
1633	Bùi Thị Tuyết	Lệ	9	7	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Kế toán Kinh tế - Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
1634	Trần Minh	Tâm	16	8	1985		Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật Kinh Tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1635	Lương Thị Ngọc	Hân	30	4	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Việt Nam học				Tiếng Anh	UT2	5	
1636	Võ Minh	Thảo	18	6	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1637	Hứa Bội	Quân	15	11	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1638	Trịnh Thanh	Sang	20	3	1993		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tôn giáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1639	Phạm Thành	Đạt	1	1	1998		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1640	Nguyễn Thành	Trung	7	11	1998		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1641	Vũ Hồng Thiên	Phước	7	4	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật			x				
1642	Trương Thị	Yên	7	3	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1643	Trần Triển	My	7	4	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý hoạt động văn hóa xã hội				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1644	Lê Văn	Khánh	22	12	1994		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng cầu hầm				Tiếng Anh			
1645	Đỗ Xuân	Đông	13	12	1989		Ủy ban nhân dân Quận 5	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Mạng máy tính				Tiếng Anh			
1646	Trần Quang	Kiệt	14	8	1994		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh Tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1647	Phạm Minh	Châu	21	4	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1648	Khương Lê Thùy	Phương	28	4	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý công; Đại học Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
1649	Nguyễn Thị Minh	Ái	16	5	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ Tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1650	Nguyễn Hữu Mai	Thư	27	6	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ Tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh Tế				Tiếng Anh			
1651	Ngô Nhật	Duy	7	9	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ Tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1652	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	9	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản trị doanh nghiệp			x				
1653	Nguyễn Vũ Anh	Thư	6	8	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hướng dẫn du lịch				Tiếng Anh			
1654	Lê Thị Mỹ	Hằng	23	4	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1655	Bùi Thị Ngọc	Trầm	11	11	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Kinh tế				Tiếng Anh			
1656	Phan Nguyễn Phi	Yến	26	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn thư	02.007	Đại học	Quốc tế học (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1657	Lê Thị Lan	Phương	24	8	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và môi trường	01.003	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý sinh thái			x				
1658	Hoàng Thụy Thảo	Nguyên	20	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị chất lượng			x				
1659	Trần Tú	Quyên	4	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1660	Hà Thị Ngọc	Bích	16	3	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1661	Đoàn Thị	Huyền	20	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1662	Lê Đặng Hoàng	Minh	6	12	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1663	Nguyễn Minh	Tuấn	27	10	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1664	Phạm Thị Thủy	Tiên	7	7	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1665	Tạ Minh	Quang	11	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1666	Châu Hoàng Yến	Trâm	20	9	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1667	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	4	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
1668	Nguyễn Thị	Đức	5	6	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng CSVN				Tiếng Anh			
1669	Nguyễn Thị Phương	Linh	19	4	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1670	Lợi Thạch	Nguyên	2	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT2	5	
1671	Nguyễn Thị Thanh	Bình	4	5	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1672	Nguyễn Anh Phát	Tài	11	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1673	Nguyễn Ngọc	Huy	6	6	1994		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1674	Nguyễn Trọng	Thuật	3	11	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông			x				
1675	Mai Thị Thùy	Dương	2	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tiếp công dân	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1676	Trần Công	Danh	16	10	1990		Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1677	Lê Thị Minh	Thư	10	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh Kinh tế chính trị				Tiếng Anh			
1678	Huỳnh Ngọc Trâm	Anh	17	12	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Văn hóa Đông Nam Á học				Tiếng Anh			
1679	Trịnh Trường	Hải	25	4	1986		Ủy ban nhân dân Quận 5	Công nghệ thông tin	01.003	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1680	Trần Đình	Phương	13	11	1992		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
1681	Dương Nguyễn Ngọc	Hải	24	11	1978		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1682	Đinh Minh	Sang	20	10	1984		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học	Đại học Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1683	Nguyễn Văn	Quyết	22	9	1985		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đô thị				Tiếng Anh			
1684	Phạm Thị Hồng	Thảo	17	7	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1685	Thái Bích	Trâm	25	2	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1686	Đỗ Thị Thanh	Thư	13	10	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1687	Chế Phạm Huyền	Trân	27	5	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1688	Trầm Thiện	Phú	9	2	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1689	Trần Cao	Giang	28	8	1977		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Giáo dục thể chất				Tiếng Anh	UT2	5	
1690	Đoàn Hoàng	Mai	27	3	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
1691	Ông Hoàng Chúc	Loan	10	12	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn thư	02.007	Đại học	Khoa học Môi trường (có chứng chỉ Văn thư lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1692	Lê Thanh	Vũ	15	7	1977		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1693	Nguyễn Thanh	Xuân	18	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Tổ chức nhân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1694	Trịnh Thành	Trung	14	1	1999		Ủy ban nhân dân Quận 5	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1695	Đoàn Công	Hải	4	3	1985		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1696	Phạm Thị	Huệ	6	2	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1697	Trần Hữu	Trí	8	2	1982		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin; Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1698	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	12	2	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1699	Phạm Thị Huyền	Trang	4	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh - Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1700	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	31	1	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị				Tiếng Anh			
1701	Lê Thị Kim	Ngân	2	5	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1702	Đoàn Thanh	Thảo	23	10	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kỹ thuật phần mềm				Tiếng Anh			
1703	Cao Thụy Hồng	Hạnh	17	8	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
1704	Hoàng Lý	Trung	13	1	1995		Ủy ban nhân dân Quận 5	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Khoa học máy tính				Tiếng Anh			
1705	Phan Thanh	Điệp	27	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1706	Trần Thị Thanh	Nhàn	27	3	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1707	Lê Huyền	Trang	12	9	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1708	Lê Nguyễn Thế	Khoa	25	9	1984		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1709	Hồ Trọng	Nhân	30	6	1984		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1710	Nguyễn Thị Thùy	Linh	3	1	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1711	Lê Thị Cẩm	Vân	13	3	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Khoa Luật Dân sự				Tiếng Anh			
1712	Nguyễn Thị	Thái	12	6	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1713	Hoàng Đức Phương	Tần	2	4	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh	UT2	5	
1714	Vũ Thị Minh	Phượng	25	9	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Ngân hàng thương mại				Tiếng Anh			
1715	Nguyễn Đình An	Khang	20	6	1997		Ủy ban nhân dân Quận 5	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
1716	Trần Phong	Võ	9	10	1978		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh; Quản lý Văn hóa Tư tưởng				Tiếng Anh	UT2	5	
1717	Thái Tú	Linh	15	7	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1718	Nguyễn Trường	An	25	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1719	Trần Tuấn	Khải	10	8	1986		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
1720	Nguyễn Hữu	Thanh	1	5	1987		Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học	Hành chính học; Công tác tổ chức				Tiếng Anh			
1721	Nguyễn Thanh	Trúc	12	11	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1722	Lại Ngọc Gia	Hân	4	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1723	Phạm Thị Bích	Liên	10	2	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1724	Đào Quốc	Khánh	29	8	1997		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện				Tiếng Anh			
1725	Lâm Nghiêm Thu	Thảo	1	4	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Lịch sử; Tham vấn trị liệu				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1726	Huỳnh Tuấn	Đạt	18	3	1995		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
1727	Nguyễn Trần Phương	Thảo	24	11	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 5	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1728	Lê Chiến	Thắng	5	11	1997		Ủy ban nhân dân Quận 5	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Nội chính - văn xã				Tiếng Anh			
1729	Huỳnh Anh	Thư	30	10	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1730	Tống Thanh	Nhựt	25	2	1990		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1731	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	15	11	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
1732	Hồ Sĩ	Hiệp	31	12	1985		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Đại học	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn				Tiếng Anh			
1733	Nguyễn Thị Thu	Hà	15	11	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1734	Trần Phan Huệ	Hiền	30	1	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Cử nhân	Thẩm định giá (ngành Quản trị kinh doanh)				Tiếng Anh			
1735	Nguyễn Anh	Tuấn	25	4	1986		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý về nông nghiệp	01.003	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán (ngành Kinh tế)				Tiếng Anh			
1736	Nguyễn Hữu	Nhiên	29	11	1991		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	- Thạc sĩ - Kỹ sư	- Quản lý xây dựng - ứng dụng - Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
1737	Nguyễn Nhật	Minh	16	2	1996		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kiến trúc sư				Tiếng Anh			
1738	Lưu Đức	Hòa	15	1	1995		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đô thị				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1739	Diệp Hoàng	Lâm	17	8	1985		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1740	Võ Quốc	Trung	17	2	1993		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	- Luật - Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1741	Nguyễn Phước	Tài	11	5	1997		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
1742	Trần Thị Thu	An	15	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật hành chính				Tiếng Anh			
1743	Phạm Quốc	Vũ	4	8	1993		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1744	Cao Tấn	Phương	29	5	1987		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1745	Võ Minh	Khoa	27	9	1989		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1746	Nguyễn Văn	Trọng	5	2	1991		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật Xây dựng				Tiếng Anh			
1747	Nguyễn Ngọc	Tân	6	10	1990		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1748	Trần Thanh	Hồng	8	11	1982		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1749	Trương Quốc	Trung	2	10	1985		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1750	Trần Thanh	Phúc	22	3	1994		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1751	Quách Kim	Thịnh	14	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1752	Phạm Thị	Liên	16	12	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đô thị				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1753	Trần Quang	Vinh	11	3	1983		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1754	Hoàng Hữu	Đức	13	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	- Kỹ sư - Thạc sĩ	- Quản lý đất đai - Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ				Tiếng Anh			
1755	Nguyễn Thị Thanh	Vân	6	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1756	Lê Khánh	Nhân	30	4	1994		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Địa chính (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1757	Trần Ngọc Lam	Phương	18	11	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Địa chính (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1758	Bùi Minh	Sơn	25	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Địa chính (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1759	Nguyễn Hoàng	Tường	24	2	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý bất động sản (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1760	Ngô Hoàng	Định	23	7	1996		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Địa chính (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1761	Nguyễn Kim Xuân	Vinh	21	11	1996		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Địa chính (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
1762	Phan Thị Kiều	Nga	31	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
1763	Lê Thị Đỗ	Quyên	5	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			
1764	Nguyễn Minh	Phương	19	2	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Cử nhân	Tài chính Nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1765	Trần Thị Diễm	Quỳnh	18	10	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Văn hóa các Dân tộc thiểu số Việt Nam				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1766	Trịnh Hoài Khánh	Đan	7	11	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Cử nhân	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
1767	Trần Hữu	Liêm	24	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1768	Phạm Thị Thanh	Thắm	28	10	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1769	Nguyễn Hoàng	Thảo	2	12	1986		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1770	Dương Chấn	Vũ	6	10	1985		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
1771	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam				Tiếng Anh			
1772	Trần Quang	Quý	29	8	1993		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng nghề	Quảng trị mạng máy tính				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1773	Huỳnh Công	Luận	14	11	1996		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng nghề	Công nghệ Kỹ thuật điện				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu	UT2	5	
1774	Phạm Ngọc	Vui	24	11	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản trị công sở	01.004	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1775	Huỳnh Thanh	Sơn	16	8	1990		Ủy ban nhân dân Quận 6	Quản trị công sở	01.004	Cao đẳng	Công nghệ thông tin				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
1776	Nguyễn Thị	Lộc	13	2	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Kế toán	06.031	Cử nhân	Kế toán doanh nghiệp	B1 Anh văn	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			
1777	Phạm Thị Kiều	Anh	9	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Kế toán	06.031	Đại học	Tài chính Ngân hàng	C Anh văn	Chứng chỉ B		Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1778	Dương Ngọc Thanh	Hiếu	8	2	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Cải cách hành chính	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1779	Nguyễn Khánh	Văn	24	9	1994		Ủy ban nhân dân Quận 6	Cải cách hành chính	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
1780	Võ Thị	Thơ	6	12	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Thanh tra (ngành: Hành chính học)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1781	Nguyễn Huệ	Phương	6	7	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1782	Trần Thanh Hoài	Vũ	25	4	1997		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1783	Trần Thị Thanh	Tuyền	26	8	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1784	Hồ Lâm	Tuyền	30	12	1992		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
1785	Lâm Trần Đức	Vinh	29	6	1996		Ủy ban nhân dân Quận 6	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
1786	Lê Minh	Trung	14	1	1987		Ủy ban nhân dân Quận 6	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1787	Trần Thị Bích	Phượng	1	7	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
1788	Phạm Thu	Huyền	12	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1789	Nguyễn Vương	Sang	23	9	1993		Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính Ngân hàng				Tiếng Anh			
1790	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	20	8	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1791	Dương Thị Ngọc	Thúy	30	6	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1792	Đỗ Lê Trà	My	11	4	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1793	Phạm Thị Xuân	Hoàng	28	4	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
1794	Nguyễn Thị Thiên	Trang	12	8	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1795	Ngô Thị Ngọc	Châu	26	1	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1796	Đặng Ngọc	Hà	17	5	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1797	Lê Nguyễn Trường	An	5	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	- Thạc sĩ - Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1798	Phạm Thị Hồng	Cẩm	27	3	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1799	Lê Thị Hồng	Thắm	22	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1800	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	14	11	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1801	Vũ Đức	Dũng	7	5	1993		Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1802	Huỳnh Thị Thùy	Lan	26	1	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1803	Nguyễn Thế	Hiển	21	2	1994		Ủy ban nhân dân Quận 6	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1804	Phan Lê	Thịnh	8	6	1995		Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1805	Đoàn Huỳnh Kim	Ngân	1	9	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
1806	Trần Bảo	Hân	8	5	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1807	Phạm Thị Ngọc	Yến	26	6	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Tư pháp				Tiếng Anh			
1808	Trần Thị Cẩm	Giang	29	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1809	Lê Mỹ	Trinh	19	2	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1810	Phạm Viên Hồng	Thảo	2	4	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	- Cử nhân - Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			
1811	Thạch Quốc	Thành	11	8	1982		Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1812	Nguyễn Ngọc	Thúy	13	6	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1813	Hồng Kim	Huyền	16	9	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Thống kê				Tiếng Anh			
1814	Đặng Nguyễn Hồng	Châu	4	3	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý tổ chức và nhân sự (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
1815	Nguyễn Thị	Đông	10	4	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1816	Đỗ Minh Ngọc	Thư	27	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1817	Trần Phương	Uyên	26	10	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1818	Trần Minh	Hoàng	2	12	1982		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
1819	Nguyễn Hoàng	Vân	16	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1820	Lê Thị Phương	Thảo	14	3	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1821	Trần Kim	Thanh	19	11	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1822	Phùng Văn	Phúc	30	6	1998		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1823	Lê Thị	Ngọc	5	7	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
1824	Nguyễn Tấn	Bình	9	10	1979		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1825	Nguyễn Thị Thu	Tuyết	4	3	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1826	Trịnh Minh	Tuyền	1	12	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1827	Phan Trọng	Đức	5	7	1989		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kinh tế (Ngành Quản trị kinh doanh)				Tiếng Anh			
1828	Nguyễn Xuân	Trọng	30	7	1988		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT2	5	
1829	Phạm Bích	Vân	20	3	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1830	Lương Thị Hồng	Huế	10	1	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1831	Phạm Thị	Kiều	7	7	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Nội chính - Văn xã (Ngành QLNN)				Tiếng Anh			
1832	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	3	7	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1833	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	9	7	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
1834	Đỗ Như	Sức	23	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1835	Bùi Thanh	Tùng	28	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1836	Trương Thị Thu	Cúc	5	4	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	- Luật - Ngữ văn Anh			x				
1837	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	29	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1838	Nguyễn Thị Thu	Hà	13	8	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kinh tế Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1839	Nguyễn Kim	Tùng	10	8	1991		Ủy ban nhân dân Quận 6	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1840	Võ Viết	Thanh	31	7	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
1841	Nguyễn Tấn	Phương	15	8	1995		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đô thị				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1842	Nguyễn Mai	Phương	26	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1843	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	23	12	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
1844	Huỳnh Nhật	Huy	10	7	1990		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1845	Đinh Văn	Tâm	22	8	1985		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1846	Nguyễn Trần Thị Mẫn	Vinh	4	1	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư				Tiếng Anh			
1847	Lê Ngọc	Khánh	16	6	1983		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1848	Trần Thị Phương	Thanh	31	1	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
1849	Nguyễn Viết	Hiếu	14	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1850	Đặng Ngọc Thế	Truyền	14	11	1981		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1851	Nguyễn Kim	Rol	6	9	1986		Ủy ban nhân dân Quận 7	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1852	Nguyễn Cao Thụy	Uyên	12	1	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm				Tiếng Anh			
1853	Liêu Vũ Anh	Tuấn	29	9	1982		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh	UT2	5	
1854	Huỳnh Ngọc Thanh	Tuyền	27	4	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm				Tiếng Anh			
1855	Phan Thị	Hiệp	8	2	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1856	Nguyễn Thị Minh	Trang	21	9	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ				Tiếng Anh			
1857	Nhiêu Dương Hoàng	Anh	21	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý an toàn thực phẩm	01.003	Đại học	Công nghệ thực phẩm				Tiếng Anh	UT2	5	
1858	Lê Xuân	Sang	3	7	1991		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông			x				
1859	Nguyễn Quốc	Nhi	9	7	1995		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			
1860	Nguyễn Trí	Phát	28	4	1989		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật hạ tầng phát triển đô thị				Tiếng Anh			
1861	Trần Trung	Kiên	17	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
1862	Huỳnh Vinh	Quang	30	9	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế			x				
1863	Lê Quang	Nghĩa	8	8	1986		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp				Tiếng Anh			
1864	Lê Nguyễn Việt	Anh	16	10	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1865	Ngô Quang	Tín	25	4	1977		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1866	Nguyễn Ngọc	Phấn	30	4	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1867	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	8	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1868	Nguyễn Vũ Tú	Anh	23	2	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1869	Lê Anh	Thư	12	2	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
1870	Nguyễn Phương	Quyên	16	6	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
1871	Đặng Mỹ	Quỳnh	27	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
1872	Nguyễn Linh	Tâm	7	12	1992		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ quản lý môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1873	Trần Hải	Nga	5	1	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Sau Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
1874	Trần Lê Tân	Thịnh	14	9	1995		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Sau Đại học	Môi trường				Tiếng Anh			
1875	Trần Doãn Anh	Tuấn	22	11	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
1876	Nguyễn Thế	Anh	4	4	1982		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
1877	Dương Thanh	Tiến	12	7	1992		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kiến trúc				Tiếng Anh			
1878	Lê Quốc	An	26	10	1992		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1879	Phan Anh	Khoa	30	12	1993		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Toán Tài chính				Tiếng Anh			
1880	Đặng Thị Thùy	Dung	13	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1881	Trần Thị Thanh	Tuyền	13	9	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1882	Võ Thị Diễm	Trinh	21	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính			x				Chưa đóng phí thi tuyển
1883	Quang Anh	Khoa	18	9	1993		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
1884	Nguyễn Ngọc	Bình	16	9	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
1885	Trần Thị Hòa	Trang	27	12	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1886	Kiều Thị Thùy	Trang	7	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
1887	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	6	4	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1888	Nguyễn Thành	Trung	11	6	1988		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1889	Hà Thị Ngọc	Thu	23	11	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
1890	Nguyễn Trung	Phúc	8	2	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1891	Nguyễn Dân	Hồng	18	6	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1892	Nguyễn Tấn	Đơ	9	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1893	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	23	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
1894	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	30	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1895	Võ Thị Thủy	Tiên	18	2	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1896	Nguyễn Phạm Minh	Quân	24	4	1986		Ủy ban nhân dân Quận 7	Quản lý về công tác bảo trợ xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1897	Hoàng Thị Kim	Giác	10	12	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1898	Nguyễn Thị Kim	Phượng	6	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1899	Nông Nguyễn Thùy	Trang	26	7	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1900	Nguyễn Ngọc	Điệp	15	11	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
1901	Phạm Thị Hải	Yến	17	7	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán tổng hợp				Tiếng Anh			
1902	Nguyễn Thanh Bảo	Châu	17	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
1903	Nguyễn Thị Lan	Hương	20	9	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1904	Lê Thị	Hiệp	10	10	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1905	Nguyễn Phúc	Thành	25	10	1979		Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
1906	Triệu Thúy	Cầm	7	11	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Thương Mại				Tiếng Anh	UT2	5	
1907	Nguyễn Lê Song	Hà	11	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1908	Võ Thị Diệu	Hiền	1	5	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
1909	Lê Hoàng Phương	Linh	30	4	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Sau Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
1910	Mai Võ Ngọc	Tân	10	10	1987		Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1911	Nguyễn Hoàng	Minh	16	5	1995		Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
1912	Huỳnh Duy	Khải	14	4	1995		Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1913	Bùi Minh	Hoàng	26	9	1976		Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1914	Bùi Huỳnh Anh	Thư	11	5	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1915	Đặng Thị Kim	Ngân	5	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1916	Trần Lê Phương	Linh	31	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Hình Sự				Tiếng Anh			
1917	Thiều Thị Bắc	Giang	4	6	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Sau Đại học	Luật hợp tác kinh tế			x				
1918	Đỗ Thị Thanh	Huyền	20	1	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1919	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	7	9	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1920	Lê Tiến	Trung	24	2	1989		Ủy ban nhân dân Quận 7	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1921	Trần Thị Thu	Trâm	20	9	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1922	Bùi Thị Thanh	Thu	8	4	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
1923	Châu Nguyễn Thục	Linh	19	3	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
1924	Vũ Thị Thùy	Dung	27	5	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1925	Châu Tiến	Dũng	10	7	1983		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1926	Nguyễn Hoàng	Tú	2	11	1989		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1927	Nguyễn Phi	Long	6	7	1999		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1928	Nguyễn Thị	Thùy	9	6	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
1929	Phan Thị Bích	Ngọc	30	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
1930	Bùi Thị Hồng	Hoa	19	4	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Đô thị học và quản lý đô thị				Tiếng Anh	UT2	5	
1931	Đỗ Mạnh	Dũng	23	12	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1932	Lê Tấn	Phát	2	8	1992		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1933	Nguyễn Thị	Uyên	17	11	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1934	Nguyễn Trung	Hiếu	30	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1935	Nguyễn Bá Công	Hưng	11	7	1997		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
1936	Trần Trang Nhã	Tiên	14	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1937	Nguyễn Thị Lan	Phương	2	8	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
1938	Bùi Lê	Huy	28	9	1999		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1939	Ngô Thị Bích	Trâm	10	4	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1940	Trịnh Thị Ngọc	Thu	29	8	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1941	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	6	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Nội chính - Văn xã				Tiếng Anh			
1942	Nguyễn Kim	Yến	3	12	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1943	Nguyễn Thị	Thảo	11	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
1944	Nguyễn Vĩnh	Hưng	11	8	1989		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1945	Trần Ngọc Thùy	Dương	19	9	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nguồn nhân lực				Tiếng Anh			
1946	Nguyễn Minh	Thiện	12	10	1988		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1947	Phạm Thị Ngọc	Minh	28	5	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1948	Trương Nguyễn Thảo	Trâm	16	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1949	Nguyễn Quốc	Huy	23	5	1989		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1950	Trần Thị Kim	Thanh	30	4	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
1951	Nguyễn Thị Thúy	Hòa	26	2	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh hàng không				Tiếng Anh			
1952	Trần Trung	Hiếu	6	7	1987		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1953	Lê Thanh	Phong	1	2	1999		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
1954	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	18	2	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp				Tiếng Anh			
1955	Lê Nam	Khánh	21	11	1987		Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
1956	Châu Thị Hồng	Thắm	20	5	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Lưu trữ học				Tiếng Anh			
1957	Đoàn Ngọc Như	Quỳnh	27	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
1958	Lê Như	Hảo	10	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 7	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1959	Nguyễn Đức	Phát	18	10	1994		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1960	Cao Thị Kim	Xuyến	18	7	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1961	Tạ Thanh	Diễm	31	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Qui hoạch đô thị				Tiếng Anh			
1962	Liễu Hồng	Khanh	9	4	1984		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
1963	Tăng Thành	Nhơn	22	1	1989		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
1964	Nguyễn Minh	Phước	12	12	1985		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1965	Vũ Lê Nam	Phương	16	12	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo				Tiếng Anh			
1966	Bùi Thị Mỹ	Linh	22	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
1967	Võ Nguyễn Hoài	Sang	1	1	1987		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1968	Trần Cẩm	Tú	12	10	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sỹ	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
1969	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	30	1	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
1970	Đoàn Văn	Bàn	21	8	1982		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1971	Trần Võ Đức	Tiến	17	3	1993		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1972	Ngô Quang	Trường	31	12	1988		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng			x				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1973	Linh Hồng	Sâm	13	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ				Tiếng Anh	UT2	5	
1974	Nguyễn Hoàng	Thạnh	19	1	1989		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1975	Đặng Tú	Uyên	13	6	1990		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1976	Thiều Văn Vũ	Đức	22	6	1997		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
1977	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	30	11	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
1978	Đinh Nguyễn Nhật	Linh	17	8	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật trắc địa bản đồ - Bản đồ				Tiếng Anh			
1979	Dương Minh	Tiến	18	1	1983		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật			x				
1980	Lâm Quốc	Dũng	27	10	1978		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Xây dựng				Tiếng Anh			
1981	Hình Mỹ	Bình	15	10	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đô thị				Tiếng Anh	UT2	5	
1982	Trần Phương	Bình	29	4	1986		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
1983	Lâm Hữu Quốc	Tiến	14	7	1995		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ môi trường				Tiếng Anh			
1984	Đỗ Trần	Thanh	17	4	1988		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
1985	Nguyễn Minh	Đoàn	19	2	1994		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1986	Ngô Lê Minh	Ngọc	15	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1987	Thái Hoàng	Kiệt	14	4	1974		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
1988	Nguyễn Thị Thu	Cúc	1	10	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ địa chính				Tiếng Anh			
1989	Lê Quang	Hùng	26	9	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
1990	Phan Thành	Phát	10	1	1996		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1991	Trần Thị Xuân	Hương	23	11	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1992	Dương Thị Thu	Thủy	19	2	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
1993	Phạm Tuấn	Khanh	3	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
1994	Ôn Bảo	Hạng	16	9	1992		Ủy ban nhân dân Quận 8	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
1995	Nguyễn Hoàng Kim	Tuyền	18	9	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1996	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
1997	Nguyễn Thanh	Huy	30	10	1999		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
1998	Nguyễn Hà Cẩm	Tú	28	4	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1999	Nguyễn Tấn	Hưng	5	7	1990		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2000	Nguyễn Hùng	Cường	29	6	1978		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2001	Trang Thị	Huệ	15	7	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2002	Trần Nguyễn Kiều	Diễm	31	1	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước chuyên ngành thanh tra				Tiếng Anh			
2003	Nguyễn Phú	Lộc	14	10	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2004	Ngô Thị Diễm	Phương	21	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2005	Nguyễn Võ Kim	Ngân	15	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2006	Nguyễn Thành	Đạt	9	12	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2007	Trần Thị Cẩm	Vân	27	11	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
2008	Trần Văn	Hùng	9	10	1986		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2009	Phạm Ngọc	Châu	17	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
2010	Lê Thị Cẩm	Nhung	15	4	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Hành chính tư pháp	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2011	Chung Quế	Chi	25	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2012	Lê Hiệp	Phát	18	12	1996		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
2013	Phạm Thị Kim	Anh	29	9	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Công nghệ địa chính				Tiếng Anh			
2014	Lương Anh	Tú	20	10	1988		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2015	Nguyễn Thị Minh	Thư	22	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
2016	Nguyễn Thanh	Duy	9	7	1995		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2017	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	16	11	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Hệ thống thông tin địa chính				Tiếng Anh			
2018	Trương Bá	Quang	10	4	1983		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý tài đất đai và thị trường bất động sản				Tiếng Anh			
2019	Nguyễn Quang	Huy	1	1	1997		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
2020	Phạm Khánh	Linh	10	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý du lịch	01.003	Đại học	Quản trị Du lịch và Khách sạn			x				
2021	Châu Nhất	Kha	12	1	1997		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
2022	Võ Quang	Hiếu	4	12	1987		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
2023	Trần Minh	Tiếng	27	7	1993		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kinh tế đối ngoại				Tiếng Anh			
2024	Trần Xuân	Thoại	24	9	1993		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2025	Nguyễn Thị Kiều	Thanh	6	5	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Ngoại thương				Tiếng Anh			
2026	Trần Lê Phương	Thy	23	2	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2027	Trần Thành	Long	25	12	1996		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh			x				
2028	Nguyễn Thị Bích	Huệ	6	7	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh thương mại				Tiếng Anh			
2029	Nguyễn Thị Diễm	My	1	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2030	Huỳnh Xuân	Trường	12	9	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2031	Nguyễn Lê Trương	Như	19	2	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2032	Nguyễn Thị Phương	Lan	5	3	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế				Tiếng Anh			
2033	Trương Bảo	Lâm	15	12	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý thương mại	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2034	Đồng Trần	Phi	13	1	1989		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình				Tiếng Anh			
2035	Nguyễn Thế	Trung	18	11	1981		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
2036	Huỳnh Tiến	Phát	25	7	1985		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2037	Trần Lâm	Quốc	15	9	1981		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2038	Huỳnh Nhật	Hào	13	11	1994		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
2039	Nguyễn Hưng	Long	1	4	1985		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý văn thư - lưu trữ	01.003	Đại học	Lưu trữ học và quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
2040	Võ Trung	Nhân	21	6	1981		Ủy ban nhân dân Quận 8	Quản lý y tế cơ sở và y tế dự phòng	01.003	Cử nhân	Y khoa			x				
2041	Đoàn Thị Thùy	Linh	22	5	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2042	Dương Thị Hải	Yến	13	5	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2043	Lưu Thị An	Chi	12	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2044	Võ Ngọc	Phát	6	8	1992		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2045	Bùi Thành	Tâm	13	12	1989		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2046	Nguyễn Thị Hải	Yến	30	6	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2047	Lâm Trung	Hiếu	13	2	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Toán tài chính				Tiếng Anh			
2048	Phạm Thị Toàn	Lợi	15	8	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2049	Nguyễn Thúy	Phụng	5	2	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2050	Nguyễn Thị Hồng	Minh	17	4	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2051	Giang Bảo	Nhi	5	3	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính				Tiếng Anh	UT2	5	
2052	Nguyễn Văn Minh	Khánh	16	8	1990		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			
2053	Võ Thị Hồng	Thảo	3	6	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2054	Quan Đăng	Khoa	6	10	1982		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
2055	Cao Thương	Thương	4	6	1971	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2056	Ngô Việt	Tùng	10	8	1999		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
2057	Dương Thị Kim	Quý	19	8	1979	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
2058	Lâm Quế	Hạnh	29	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2059	Lê Thanh	Uyên	9	10	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tiền lương và bảo hiểm	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
2060	Nguyễn Minh Nhật	Hòa	18	2	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tiền lương và bảo hiểm	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2061	Võ Thị Hồng	Điệp	1	5	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2062	Phan Tuấn	Anh	22	3	1985		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2063	Lê Thị Ngọc	Diệu	10	8	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2064	Nguyễn Thanh	Tùng	10	3	1992		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2065	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	4	5	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2066	Nguyễn Huỳnh	Minh	12	9	1986		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
2067	Đoàn Ngọc	Quý	10	3	1992		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2068	Nguyễn Thị Kim	Phụng	1	12	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
2069	Trần Viết	Long	3	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2070	Ngô Quang	Tuấn	29	11	1985		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2071	Lý Ngọc	Thảo	2	7	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2072	Trần Khánh	Duy	21	8	1997		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2073	Trần Thanh	Thủy	30	4	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2074	Trần Minh	Luân	7	11	1985		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2075	Lê Thị Thảo	Vân	6	7	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2076	Nguyễn Tuấn	Xĩ	18	3	1989		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2077	Đinh Quang	Phúc	23	4	1988		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
2078	Quách Bảo	Ngọc	6	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2079	Phan Ngọc	Tuyết	16	9	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế Luật				Tiếng Anh			
2080	Nguyễn Thị Thu	Hiền	13	10	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật hình sư				Tiếng Anh			
2081	Châu Khánh	Ngân	9	10	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Dân sự				Tiếng Anh			
2082	Nguyễn Minh	Tâm	24	8	1990		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2083	Phạm Thanh	Tuấn	28	4	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2084	Hồ Nguyễn Kiều	Trang	26	10	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2085	Võ Hồng Lệ	Duyên	13	4	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2086	Nguyễn Vương	Quốc	12	8	1991		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2087	Lê Thị Diễm	Mi	28	9	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2088	Lê Thị Bạch	Tuyết	9	4	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
2089	Lê Thị Thu	Trầm	24	2	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2090	Nguyễn Phạm Quốc	Hưng	1	1	1994		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2091	Phùng Khắc	Duy	11	8	1992		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2092	Nguyễn Thành	Đồng	19	7	1993		Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và Luật hành chính				Tiếng Anh			
2093	Nguyễn Thị Mộng	Vương	14	4	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật hình Sự và tố tụng hình sự				Tiếng Anh			
2094	Nguyễn Hoàng	Toại	19	8	1984		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2095	Trần Thị Thanh	Trúc	18	7	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2096	Dương Hà Phan Trúc	Huyền	10	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2097	Châu Thành	Nhân	1	1	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2098	Lê Thị Cẩm	Nhung	21	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Văn hóa Việt Nam				Tiếng Anh			
2099	Lê Thị Lệ	Thủy	20	8	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Lịch sử				Tiếng Anh			
2100	Huỳnh Thị Yến	Kiều	4	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành				Tiếng Anh			
2101	Nguyễn Thị Tường	Vi	15	4	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2102	Võ Thị Huyền	Trang	23	7	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2103	Nguyễn Huỳnh	Long	26	2	1988		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2104	Phan Lê Tường	Duy	19	11	1987		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
2105	Huyền Hoàng	Bảo	26	1	1997		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2106	Huỳnh Văn	Trung	1	2	1979		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2107	Trần Thanh	Tuấn	23	11	1987		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2108	Võ Thị Thanh	Phú	10	11	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2109	Nguyễn Thái	Duy	5	1	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2110	Dương Thị Đoan	Trang	2	7	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2111	Trương Hoàng	Tân	17	11	1993		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2112	Lê Nguyễn Minh	Phương	28	9	1998		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2113	Phạm Nguyễn Anh	Thy	26	9	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2114	Phan Thanh	Dân	27	3	1987		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh	UT2	5	
2115	Đặng Minh	Tiến	1	9	1988		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế			x		UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2116	Nguyễn Đặng Đoan	Trang	25	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2117	Đặng Trọng	Nghĩa	29	10	1986		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2118	Phạm Thị Ngọc	Cơ	16	7	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2119	Phan Tấn	Đạt	26	2	1996		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Mạng máy tính				Tiếng Anh			
2120	Lê Nguyễn Mỹ	Linh	16	5	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2121	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	9	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2122	Võ Thị Tuyết	Nhung	14	9	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị Kinh doanh				Tiếng Anh			
2123	Giang Nguyễn Thanh	Tuyền	24	9	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2124	Lê Thị	Tâm	20	6	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
2125	Nguyễn Thị Thùy	Trang	3	10	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2126	Đoàn Thị Huyền	Trang	17	2	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2127	Nguyễn Hữu	Thống	14	2	1990		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin - Kỹ thuật thương mại điện tử				Tiếng Anh	UT2	5	
2128	Trần Thị Thúy	Loan	30	9	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2129	Nguyễn Thị Hoài	Trang	19	2	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2130	Nguyễn Trần Minh	Trí	23	5	1994		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2131	Vũ Thị Lan	Anh	21	2	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	UT2	5	
2132	Lê Hoàng Thanh	Thảo	10	1	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2133	Cao Thị Kim	Phụng	9	11	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2134	Mai Thị	Hương	23	6	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2135	Phùng Thị Phương	Linh	23	9	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2136	Nguyễn Hoài	Thanh	25	12	1977		Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	UT2	5	
2137	Nguyễn Hồng	Tâm	17	2	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT2	5	
2138	Trần Huỳnh	Trang	24	11	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2139	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	26	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 8	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2140	Lê Anh Thúy	Uyên	11	2	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2141	Nguyễn Đình	Bảo	24	2	1987		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Khoa học máy tính				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2142	Đoàn Trương Thiên	Bảo	27	1	1991		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2143	Huỳnh Minh	Hưng	29	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2144	Nguyễn Thị Băng	Tâm	27	5	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2145	Phan Quang	Lộc	12	11	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2146	Vương Vĩnh	Phú	23	10	1986		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh	UT2	5	
2147	Lương Huỳnh	Trung	16	4	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	Kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2148	Nguyễn Tiến	Lâm	8	12	1985		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2149	Nguyễn Duy	Phương	16	5	1990		Ủy ban nhân dân Quận 10	Công nghệ thông tin	01.003	kỹ sư	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
2150	Dương Thanh	Tú	29	4	1996		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2151	Phạm Linh	Chi	20	9	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Đô thị học (Quy hoạch vùng và đô thị)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2152	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	12	12	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
2153	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	22	8	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lý môi trường; Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2154	Trần Thúy	Vi	5	7	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2155	Lê Lý	Hồng	13	10	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2156	Phạm Như	Quỳnh	22	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
2157	Dương Thị Mỹ	Linh	30	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2158	Bùi Trần Thanh	Ngân	17	9	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Luật; Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2159	Phạm Thị	Thúy	10	10	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ				Tiếng Anh			
2160	Nguyễn Thanh	Bình	13	3	1989		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2161	Trần Văn Thiện	Thanh	5	3	1991		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2162	Trần Thị Huyền	Trang	21	9	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lí đất đai				Tiếng Anh			
2163	Vũ Thị Hiếu	Nghĩa	27	10	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lí đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2164	Nguyễn Đại Việt	Nam	13	10	1993		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2165	Nguyễn Thanh	Tùng	27	12	1977		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai			x		UT2	5	
2166	Ngô Hữu	Đan	19	3	1996		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kiến trúc sư	Kiến trúc				Tiếng Anh			
2167	Lê Đức	Anh	17	7	1996		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2168	Lê	Bảo	24	8	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2169	Đào Quang	Đại	10	2	1989		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2170	Nguyễn Minh	Luân	25	12	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lí đất đai				Tiếng Anh			
2171	Nguyễn Ngọc	Giàu	18	8	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lí đất đai				Tiếng Anh			
2172	Trần Thị Hồng	Thắm	19	12	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2173	Lý Nguyên	Trung	24	10	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2174	Lê Hà Phúc	Vĩnh	16	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2175	Nguyễn Thành	Tâm	25	2	1987		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đô thị				Tiếng Anh			
2176	Nguyễn Thị Trúc	Cầm	10	8	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2177	Xương Hoàng Mỹ	Duyên	2	2	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2178	Lục Chí	Kiên	3	4	1996		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ				Tiếng Anh	UT2	5	
2179	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	5	2	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lí đất đai				Tiếng Anh			
2180	Nguyễn Thị Xuân	Trúc	8	5	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lí đô thị				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2181	Phan Thị Kim	Quyên	7	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2182	Nguyễn Trung	Huy	19	4	1998		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lí xây dựng				Tiếng Anh			
2183	Bùi Phạm Trường	An	9	1	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lí đất đai				Tiếng Anh			
2184	Doãn Ngọc	Lân	12	10	1982		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	xây dựng				Tiếng Anh			
2185	Phan Quốc	Duy	9	12	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2186	Huỳnh Thị Kim	Tuyến	28	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Địa chất học				Tiếng Anh			
2187	Dương Trọng	Luật	31	12	1983		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2188	Đoàn Thị Đăng	Tâm	23	11	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2189	Lê Hồng	Huy	3	3	1997		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2190	Ngô Thanh	Phong	29	8	1996		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2191	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	17	12	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2192	Trương Công	Duy	1	5	1983		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			
2193	Tăng Duy	Linh	18	2	1991		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2194	Cao Trúc	Nguyên	10	10	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2195	Trần Phúc	Nguyên	1	11	1990		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	kỹ sư	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ				Tiếng Anh			
2196	Nguyễn Thị	Lệ	20	1	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2197	Nguyễn Tài	Linh	19	9	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2198	Nguyễn Hoàng	Phúc	24	11	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2199	Phạm Ngọc Thanh	Kiều	15	10	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Khoa học Môi trường				Tiếng Anh			
2200	Trần Thanh	Định	21	9	1994		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2201	Nguyễn Đình Gia	Bảo	13	8	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2202	Huỳnh Ngọc	Linh	31	10	1993		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2203	Lư Nghiệp	Phát	12	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	cử nhân	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
2204	Nguyễn Như	Quỳnh	28	11	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2205	Trà Thanh	Tâm	12	7	1994		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2206	Phan Thị Bích	Huyền	29	5	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2207	Huỳnh Minh	Thuận	31	5	1994		Ủy ban nhân dân Quận 10	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2208	Huỳnh Bá	Đạt	10	3	1994		Ủy ban nhân dân Quận 10	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2209	Lê Văn	Tùng	8	9	1985		Ủy ban nhân dân Quận 10	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2210	Vũ Thanh	Hiền	3	1	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2211	Nguyễn Thị	Phụng	13	8	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Quản lý đất đai	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ				Tiếng Anh			
2212	Lê Xuân	Vinh	2	9	1991		Ủy ban nhân dân Quận 10	Quản lý đất đai	01.003	kỹ sư	địa chính xây dựng				Tiếng Anh			
2213	Dương Trung	Hiếu	25	2	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Kỹ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			
2214	Mai Xuân	Lịch	17	9	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh			
2215	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	25	2	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
2216	Đào Ngọc Xuân	Trường	13	11	1989		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	kế toán doanh nghiệp			x				
2217	Nguyễn Thanh	Vũ	20	4	1984		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh	UT2	5	
2218	Phan Tuấn	Nghĩa	24	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2219	Đặng Thị Mỹ	Ngọc	19	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2220	Bùi Thị Bích	Ngọc	25	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
2221	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	10	9	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2222	Đào Đoan	Trang	17	5	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2223	Đinh Trúc	Thanh	28	4	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2224	Phạm Thị Kim	Ngân	6	9	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2225	Nguyễn Lữ Diễm	My	22	6	2000	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2226	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13	5	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2227	Lê Thị Yến	Nhi	17	1	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2228	Trần Huy	Vũ	20	4	1996		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2229	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	10	12	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2230	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	28	11	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
2231	Đỗ Trung	Dũng	28	2	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán - kiểm toán				Tiếng Anh			
2232	Nguyễn Trí	Quý	11	1	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2233	Lê Hồng Anh	Tuấn	7	1	1993		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2234	Nguyễn Thị Kim	Anh	27	3	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2235	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	27	7	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2236	Huỳnh Ngọc Phương	Loan	28	7	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2237	Lê Việt	Trung	16	6	1976		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2238	Trương Thị Huyền	Linh	1	6	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2239	Lê Thị Bích	Phương	19	11	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2240	Phan Thị Minh	Trang	6	1	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			
2241	Phan Chí	Thiện	10	8	1989		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2242	Phạm Hoàng Thanh	Liêm	11	12	1983		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
2243	Phạm Quốc	Việt	18	11	1986		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2244	Trần Cẩm	Nhung	15	6	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật Hình sự và Tố tụng hình sự				Tiếng Anh			
2245	Nguyễn Hoàng	Minh	2	1	1987		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2246	Vi Ái	Ngọc	18	8	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2247	Huỳnh Ngọc	Chân	18	7	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật hành chính				Tiếng Anh			
2248	Trần Quang	Hiếu	2	12	1984		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	- Quản lý Nhà nước - Luật				Tiếng Anh			
2249	Nguyễn Thảo	Anh	29	5	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	- Mỹ thuật Công nghiệp - Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
2250	Nguyễn Quốc	Long	8	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2251	Đào Minh	Thy	21	6	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2252	Quách Kim	Ánh	20	3	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2253	Nguyễn Đình	Nghĩa	2	4	1983		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	- Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Luật học				Tiếng Anh			
2254	Trần Thị Hồng	Ánh	20	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2255	Nguyễn Quang	Thái	10	1	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2256	Nguyễn Ngọc Xuân	Thư	8	1	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Ngữ văn Đức			x				
2257	Nguyễn Thị	Trang	10	4	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2258	Huỳnh Thị Thúy	Oanh	7	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2259	Nguyễn Thị Ngọc	Đào	30	7	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2260	Huỳnh Trần Hải	Đăng	23	6	1986		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2261	Nguyễn Đình	Trung	2	8	1991		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2262	Nguyễn Thị Như	Yến	26	7	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2263	Trần Thiện	Tâm	4	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2264	Giang Thanh	Thảo	20	12	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2265	Nguyễn Tuyết	Anh	18	5	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2266	Hoàng	Nam	30	10	1984		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2267	Nguyễn Văn	Trạng	19	2	1997		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lí nhà nước				Tiếng Anh			
2268	Trần Ngọc	Tiên	5	3	1983		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh	UT2	5	
2269	Lê Thị Xuân	Mai	13	11	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2270	Nguyễn Minh	Tuấn	28	5	1985		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2271	Nguyễn Thị Huyền	Trân	24	4	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Hành chính				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2272	Trần Tấn	Thọ	30	10	1978		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Hành chính				Tiếng Anh			
2273	Đặng Tuấn	Kiệt	29	8	1999		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2274	Nguyễn Dương Dạ	Thảo	4	8	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2275	Nguyễn Ngọc Hương	Linh	16	4	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2276	Lưu Quốc	Cường	27	9	1989		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2277	Võ Thị Hồng	Cúc	18	6	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	- Quản lý Đô thị - Luật và Quản trị địa phương				Tiếng Anh			
2278	Đoàn Thị Phương	Thúy	21	9	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước về Xã hội				Tiếng Anh			
2279	Lê Hoàng	Thụy	19	5	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2280	Lý	Bằng	4	4	1997		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2281	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	17	11	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2282	Trần Thị Lê	Dung	8	10	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2283	Trương Thanh	Thức	15	8	1999		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			
2284	Trần Nguyễn Cẩm	Sa	24	7	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2285	Nguyễn Trần Nguyên	Thy	30	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			
2286	Phan Nguyễn Anh	Thọ	22	3	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2287	Nguyễn Ngọc Kiều	My	12	12	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2288	Trịnh Kim	Long	12	11	1985		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2289	Huỳnh Anh	Chương	8	4	1994		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2290	Nguyễn Trọng	Trung	1	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2291	Đặng Quỳnh	Như	19	10	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2292	Trần Anh	Tuấn	16	11	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2293	Vũ	Phan	3	12	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2294	Nguyễn Thị	Thanh	10	11	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2295	Trần Thị Phương	Thảo	13	5	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh			
2296	Vũ Xuân	Quỳnh	20	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2297	Dương Cao	Phước	7	9	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2298	Nguyễn Thị Phương	Ánh	23	8	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2299	Ngô Diệu	Yến	18	7	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản lí nhà nước				Tiếng Anh			
2300	Nguyễn Trọng	Nhân	3	11	1999		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lí nhà nước				Tiếng Anh			
2301	Trần Ngọc Thanh	Tuyên	22	4	1993		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2302	Mai Tấn	Thành	18	6	1994		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2303	Phạm Thị Thu	Thủy	14	11	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý hành chính				Tiếng Anh			
2304	Phạm Ngọc Minh	Châu	29	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lí nhà nước				Tiếng Anh			
2305	Lê Hồ Thanh	Thịnh	29	3	1993		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2306	Lê Thị Phương	Dung	11	11	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Hành chính học			x				
2307	Hồ Thị Ngọc	Lài	3	1	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật			x				
2308	Lê Yến	Phụng	28	5	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Trung			
2309	Đặng Minh	Thái	20	8	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2310	Nguyễn Ngọc Vân	Trâm	9	2	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Tin học			x				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2311	Phạm Thị Bảo	Ngân	25	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2312	Nguyễn Huỳnh	Long	23	7	1988		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2313	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20	6	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2314	Võ Phạm Trung	Nghĩa	23	11	1995		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2315	Nguyễn Thanh Ngọc	Trinh	23	6	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2316	Trần Tiến	Thịnh	23	8	1993		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2317	Vương Hồng	Thúy	16	12	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2318	Nguyễn Hải	Minh	4	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2319	Quách Phạm Minh	Thơ	20	8	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2320	Trần Phan Thảo	Nguyên	26	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
2321	Vy Thu	Hà	11	4	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2322	Bùi Ngọc Thái	Thảo	18	9	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh			
2323	Nguyễn Thế	Dân	4	12	1999		Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2324	Sa Phan Thùy	Dung	27	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh			
2325	Nguyễn Ngọc	Quyên	30	10	1977	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Văn thư lưu trữ - Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
2326	Phạm Văn	Bình	23	11	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2327	Lê Thị Huỳnh	Như	27	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Đức			
2328	Nguyễn Thị Hồng	Trang	21	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2329	Phạm Thị Thanh	Huyền	25	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 10	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	QUản trị Văn phòng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2330	Đỗ Lê Khánh	Duy	15	8	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học Môi trường				Tiếng Anh			
2331	Thái Thanh	Lâm	4	3	1994		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2332	Đoàn Thị B	Ta	20	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2333	Trần Thuận	Thành	15	7	1996		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2334	Trương Vinh	Quốc	6	2	1994		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
2335	Lê Thanh	Trúc	24	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch đất đai				Tiếng Anh			
2336	Lai Phong Mỹ	Ngọc	2	1	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2337	Hồ Thị Kim	Oanh	20	7	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2338	Nguyễn Phước	Lộc	22	7	1981		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh	UT2	5	
2339	Đặng Văn	Trọng	9	9	1996		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2340	Ngô Vĩnh	Long	15	9	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2341	Lê Công	Tiến	21	11	1993		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2342	Trịnh Anh	Hào	13	6	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2343	Trần Đức	Tuyến	28	8	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Khoa học Môi trường				Tiếng Anh			
2344	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	27	12	1994		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2345	Huỳnh Tấn	Phát	11	12	1993		Ủy ban nhân dân Quận 11	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Hệ thống thông tin địa lý bản đồ học				Tiếng Anh			
2346	Võ Hữu	Quyền	2	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học	Y khoa				Tiếng Anh			
2347	Mã Kim	Oanh	24	12	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học	Ngành Dược học				Tiếng Anh			
2348	Dương Ngọc Thanh	Trúc	15	12	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học	Dược sĩ				Tiếng Anh			
2349	Nguyễn Viết	Chương	11	9	1984		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Thạc sĩ	Kiến trúc sư				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2350	Lê Minh	Tân	17	7	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2351	Thân Hoài	Nam	23	10	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật				Tiếng Anh			
2352	Thương Quốc	Thịnh	22	2	1998		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2353	Nguyễn Đình	Sơn	10	9	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình				Tiếng Anh			
2354	Bùi Thị Ngọc	Linh	26	7	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Môi trường				Tiếng Anh			
2355	Võ Thương	Hoài	6	2	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Khoa học Môi trường				Tiếng Anh			
2356	Bùi Thụy Thanh	Thảo	13	12	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2357	Lưu Trần Thanh	Thúy	18	8	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2358	Hồ Thanh	Nhung	24	12	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Thạc sĩ	Công nghệ Môi trường				Tiếng Anh			
2359	Phan Duy	Khang	4	10	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh			
2360	Đoàn Lê Trung	Tiến	29	9	1987		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2361	Nguyễn Phạm Thành	Giang	18	1	1991		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Khoa học Môi trường				Tiếng Anh			
2362	Võ Ngọc Gia	Bảo	17	7	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2363	Trần Đức	Tín	7	1	1988		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2364	Văn Nguyễn Kiều	Hoa	1	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
2365	Nguyễn Tấn	Hòa	3	1	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Khoa học Môi trường				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2366	Trần Thiện	Minh	6	12	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			
2367	Lê Văn	Phương	8	9	1981		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2368	Mai Thị Anh	Hiền	5	2	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2369	Lý Kim	Tuấn	18	8	1988		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2370	Trần Thị Minh	Nguyệt	8	4	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Pháp			
2371	Bùi Sỹ	Huấn	18	9	1996		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng đường sắt đô thị				Tiếng Anh			
2372	Nguyễn Thị Hoài	Tâm	24	1	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2373	Huỳnh Bùi Thiện	Sang	30	1	1994		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý xây dựng	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình				Tiếng Anh			
2374	Trịnh Thị Minh	Nguyệt	17	9	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2375	Nguyễn Trí	Thức	18	10	1985		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý xây dựng	01.003	Thạc sĩ	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2376	Hồng Huy	Vũ	11	7	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2377	Nguyễn Vũ	Sơn	25	12	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2378	Lưu Hoàng	Vương	22	5	1991		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kinh tế				Tiếng Anh			
2379	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	17	5	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2380	Trần Thị Bảo	Châu	2	6	1974	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính Kế toán các doanh nghiệp				Tiếng Anh			
2381	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	22	10	1987	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Hạch toán kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2382	Nguyễn Bá	Thủy	6	5	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kiểm toán				Tiếng Anh			
2383	Đỗ Thanh	Dung	1	5	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính và Kế toán				Tiếng Anh			
2384	Nguyễn Đông	Phong	11	11	1973		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính nhà nước				Tiếng Anh			
2385	Mai Trần Thúy	An	21	4	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2386	Lý Anh	Quân	8	8	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2387	Võ Thị Tuyết	Như	5	11	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2388	Nguyễn Bảo	Nhi	29	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2389	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	4	2	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Tín dụng				Tiếng Anh			
2390	Mai Ngọc Huyền	Trâm	27	2	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng			x				
2391	Mai Lệ	Huyền	8	4	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính Ngân hàng			x				
2392	Trần Thanh	Phương	13	11	1983		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kinh tế - Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
2393	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	9	10	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2394	Ôn Đức	Nguyên	7	6	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
2395	Nguyễn Thanh Trà	My	26	12	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kiểm toán				Tiếng Anh			
2396	Lê Thị	Trang	16	1	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2397	Dương	Huê	5	3	1979		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh	UT2	5	
2398	Nguyễn Thị Kim	Xuân	28	2	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2399	Phan Thị Hồng	Nhung	15	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2400	Nguyễn Thái	Ngân	4	9	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2401	Đỗ Thị Thùy	Liên	13	12	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2402	Đại Hà Khánh	Uyên	28	7	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2403	Phạm Minh	Hoàng	24	2	1998		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2404	Phạm Thị Hoàng	Yến	27	9	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2405	Phan Vĩnh	Tài	8	2	1991		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
2406	Trần Thanh	Tâm	13	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kinh tế Luật				Tiếng Anh			
2407	Nguyễn Ngọc	Giang	23	7	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2408	Đoàn Thị Tuyết	Anh	2	8	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán			x				
2409	Nguyễn Mạnh	Hùng	1	5	1998		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2410	Lý Thanh	Quý	5	11	1985		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2411	Chung Minh	Lâm	15	11	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2412	Nguyễn Thị Tuyết	Trang	7	3	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2413	Nguyễn Thị Kim	Hương	29	6	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2414	Đặng Hà Thanh	Thư	2	7	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2415	Đinh Anh	Tuấn	16	10	1984		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2416	Bùi Thị Hồng	Hậu	5	3	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2417	Bùi Thị	Xuân	13	9	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2418	Nguyễn Văn	Tinh	1	7	1987		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2419	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1	1	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2420	Hà Phối	Hào	3	7	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2421	Trần Nguyễn Kiều Mai	Ly	1	1	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2422	Bùi Thanh	Bình	1	6	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2423	Lê Trí	Dũng	17	3	1987		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2424	Lê Thị	Hệ	13	4	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2425	Hoàng Thị Ngọc	Lan	12	9	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2426	Dương Thúy	An	6	9	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Đức			
2427	Nguyễn Hoàng Đại	Dương	28	6	1990		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2428	Nguyễn Đức Minh	Tâm	3	7	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2429	Huỳnh Mai Thanh	Tuyền	2	1	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2430	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	18	9	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2431	Phan Trung	Hiếu	30	11	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2432	Phí Ngọc Như	Hiền	24	5	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật (tiếng Nhật)				Tiếng Anh			
2433	Nguyễn Vũ Bảo	Quân	8	4	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Thương mại				Tiếng Anh			
2434	Huỳnh Anh	Duy	30	10	1998		Ủy ban nhân dân Quận 11	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2435	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	29	8	1975	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2436	Nguyễn Trường	Yên	31	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2437	Nguyễn Chi	Nguyên	16	12	1988		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Ngữ văn				Tiếng Anh			
2438	Nguyễn Quỳnh	Mai	30	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản trị khách sạn nhà hàng				Tiếng Anh			
2439	Tiền Kim	Phụng	20	7	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	UT2	5	
2440	Nguyễn Ngọc	Nhung	9	1	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Ngôn ngữ Anh			x		UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2441	Nguyễn Thanh	Thùy	4	7	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Nội chính - Văn xã				Tiếng Anh			
2442	Lưu Hồng	Sơn	9	2	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Bảo tồn-Bảo tàng				Tiếng Anh			
2443	Quách Văn	Phát	17	8	1984		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2444	Lê	Minh	15	7	1993		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2445	Châu Minh	Châu	7	7	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
2446	Đỗ Thị Yến	Hoa	10	6	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				Tiếng Anh			
2447	Huỳnh Xuân	Tươi	30	9	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Thạc sĩ Văn hóa học				Tiếng Anh	UT2	5	
2448	Lê Thị Ngọc	Diễm	2	2	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
2449	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	28	4	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2450	Huỳnh Kim	Yến	12	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2451	Lạc Gia	Ngân	27	8	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
2452	Nguyễn Hồng	Thái	24	6	1991		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật và quản trị địa phương				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2453	Nguyễn Huy	Quang	19	2	1983		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học tổ chức và quản lý nhân sự				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2454	Nguyễn Bá	Lộc	24	10	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2455	Trần Bạch Mai	Anh	31	5	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2456	Diệp Lê Ngọc	Diễm	23	3	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2457	Hà Thị Minh	Thư	25	12	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Cử nhân Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2458	Trần Tuấn	Anh	7	7	1999		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Cử nhân Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2459	Huỳnh Thị Bích	Trâm	15	10	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý Văn hóa				Tiếng Anh			
2460	Phan Hồng	Tân	24	9	1982		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2461	Trần Thanh	Tùng	19	1	1985		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2462	Lê Thanh	Phước	16	10	1993		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2463	Dương Tú	Lan	18	3	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Ngôn ngữ Anh			x		UT2	5	
2464	Huỳnh Hữu	Chiến	14	7	1991		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2465	Nguyễn Thị Minh	Thảo	21	7	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Báo chí				Tiếng Anh			
2466	Nguyễn Thanh	Nhã	14	5	1996		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2467	Lê Đình	Quân	13	12	1975		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2468	Phan Thụy Thúy	Hằng	3	10	1977	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2469	Tạ Thanh	Cường	11	6	1998		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2470	Trần Ngọc	Thanh	2	1	1997		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2471	Võ Ái	Như	5	1	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2472	Nguyễn Long	Giao	31	10	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
2473	Tô Phước	Tài	5	1	1996		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Chính sách công				Tiếng Anh			
2474	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	2	4	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2475	Nguyễn Lê	Dung	25	1	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2476	Phạm Vũ Diễm	Linh	27	3	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2477	Huỳnh Hồng	Hoa	28	2	1978	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2478	Lương Huỳnh Minh	Giang	9	3	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2479	Nguyễn Trung	Hiếu	12	3	1987		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2480	Nguyễn Thanh	Hiền	17	12	1990		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2481	Lê Thị Thanh	Thảo	6	1	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2482	Trần Hoài	Phương	11	9	1990		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2483	La Mạnh	Cường	1	11	1984		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2484	Diệp Thành	Kiệt	2	1	1983		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Trung	UT2	5	
2485	Nguyễn Thị Kim	Thoa	27	1	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
2486	Trương Thị Thùy	Linh	16	7	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam				Tiếng Anh			
2487	Lý Thành	Trung	12	4	1988		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2488	Trần Thanh	Huyền	27	10	1984	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật - Kinh tế				Tiếng Anh			
2489	Đỗ Trọng	Nhân	4	3	1994		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
2490	Tăng Huỳnh Thanh	Trúc	9	5	1980	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2491	Nguyễn Tấn	Thành	25	11	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2492	Huỳnh Thanh	Quan	5	9	1990		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2493	Lâm Mỹ	Xuân	3	9	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2494	Nguyễn Ngọc	Mẫn	30	8	1981		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh	UT2	5	
2495	Dư Quốc	Khánh	23	7	1999		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2496	Trần Thảo	Anh	1	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2497	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	27	3	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2498	Trần Huỳnh Kim	Thảo	10	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2499	Huỳnh Thị Kim	Trúc	8	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2500	Lý Tuyết	Đình	1	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
2501	Trương Hoàng	Thiện	1	12	1982		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2502	Lương Phạm Phương	Lan	3	5	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh quốc tế			x				
2503	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1	8	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
2504	Nguyễn Phương	Lộc	25	8	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2505	Nguyễn Phú	Quí	18	8	1994		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2506	Nguyễn Thảo Tường	Vy	9	9	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2507	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	19	4	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Tin học				Tiếng Anh			
2508	Hồ Thị Ngọc	Ánh	30	11	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2509	Đặng Quang	Vinh	26	9	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
2510	Nguyễn Minh	Tâm	11	9	1990		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
2511	Phạm Hàng Ái	Vân	1	11	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2512	Lại Hồng Khả	Tú	10	1	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2513	Lê Vũ	Ny	19	8	1984		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
2514	Phan Minh	Nhựt	16	9	1990		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
2515	Trần Thanh	Hải	14	12	1967		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2516	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	21	11	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2517	Đàm Thị	Dung	10	12	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Lưu trữ học và Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
2518	Dương Thị Ngọc	Phương	8	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2519	Huỳnh Minh	Trường	9	4	1985		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2520	Trần Hải	Minh	23	7	1988		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế				Tiếng Anh			
2521	Nguyễn Đức Chiến	Thắng	1	5	1992		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
2522	Lâm Trung	Dũng	24	9	1986		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
2523	Nguyễn Văn	Phú	21	9	1995		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kỹ thuật máy tính				Tiếng Anh			
2524	Trần Tuấn	Cường	7	1	1989		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2525	Nguyễn Thành	Nguyên	18	12	1982		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
2526	Võ Chung	Thành	30	11	1991		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
2527	Mai Bích	Phượng	27	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Lưu trữ và Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
2528	Phạm Ngọc	Quý	8	11	1996		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị doanh nghiệp				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2529	Voòng Nhịt	Minh	20	9	1974		Ủy ban nhân dân Quận 11	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
2530	Lê Anh	Tuấn	4	10	1986		Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2531	Phạm Thị Thúy	Hằng	3	7	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2532	Đỗ Nguyễn Hý	Thiên	18	6	1982		Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2533	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	19	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2534	Huỳnh Ngọc	Thiên	2	7	1998		Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2535	Đoàn Thanh	Thọ	6	8	1999		Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
2536	Trần Hoàng	Giang	12	7	1986		Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc Sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
2537	Đỗ Thị Thu	Hiền	23	11	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kĩ sư	Kỹ thuật trắc địa bản đồ				Tiếng Anh			
2538	Nguyễn Ngọc	Thu	27	8	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hành chính tổng hợp	01.003	Kỹ sư	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
2539	Lê Thị Kim	Phúc	2	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2540	Trịnh Hoàng	Anh	18	2	1994		Ủy ban nhân dân Quận 12	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2541	Võ Thị Bích	Ngọc	28	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2542	Vương Thùy	Linh	14	8	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2543	Nguyễn Thanh	Phong	25	8	1994		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2544	Hồ Thị	Hảo	8	6	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2545	Trần Như	Thảo	24	7	1984		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
2546	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	15	12	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Hệ thống thông tin địa chính (Ngành Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2547	Đinh Hoàng	Sơn	10	8	1987		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2548	Trịnh Hồng	Phúc	15	3	1995		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2549	Nguyễn Trung	Kiên	12	2	1997		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2550	Trần Quang	Nam	9	1	1992		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2551	Nguyễn	Hoàng	4	1	1994		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Kĩ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2552	Nguyễn Huy	Giang	26	12	1992		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Kĩ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2553	Đặng Thị Ngọc	Dung	10	5	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2554	Nguyễn Tiến	Mạnh	27	11	1987		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Kĩ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2555	Đặng Phương	Thanh	24	6	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2556	Lê Nguyễn Quốc	Thành	15	7	1993		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2557	Hồ Minh	Thuyền	8	6	1989		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2558	Lê Lương	Lực	29	12	1991		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Kĩ sư	Công nghệ kĩ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
2559	Nguyễn Tạ Kim	Tài	5	9	1995		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Kĩ sư	Kĩ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2560	Nguyễn Huỳnh	Như	4	5	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2561	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	20	8	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2562	Đoàn Thị	Thoa	29	12	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
2563	Lê Xuân	Điền	24	1	1998		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý xây dựng	01.003	Kiến trúc	Kiến trúc				Tiếng Anh			
2564	Võ Trung	Kiên	1	12	1989		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp				Tiếng Anh			
2565	Ngô Lâm	Sơn	2	2	1993		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý xây dựng	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
2566	Nguyễn Hữu	Phước	2	9	1989		Ủy ban nhân dân Quận 12	Quản lý xây dựng	01.003	Kĩ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			
2567	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	3	1	1993	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2568	Đặng Nguyễn Thanh	Thúy	28	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Thạc Sĩ	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2569	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	30	8	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2570	Bùi Văn	Hiệu	8	9	1987		Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán			x				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2571	Trần Thị Ái	Thy	17	6	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2572	Nguyễn Thị Thanh	Lan	23	9	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2573	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	18	9	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2574	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	18	12	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2575	Đỗ Thị	Lân	21	4	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2576	Nguyễn Thị Thúy	Vân	3	7	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2577	Vũ Thị	Ngọc	29	3	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2578	Ngô Thị	Xuân	20	10	1991	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2579	Trần Thị Minh	Phương	26	2	1986	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
2580	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	1	1	1981	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng			x				
2581	Phạm Thị Thu	Diệu	18	12	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2582	Nguyễn Thị Hồng	Hiếu	4	11	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2583	Trần Đào Ngọc	Thọ	18	5	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2584	Đặng Thị	Ly	20	9	1994	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2585	Lý Thị Thanh	Kiều	20	5	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2586	Trần Văn	Bình	28	11	1980		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2587	Nguyễn Thị	Yến	2	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Việt Nam học				Tiếng Anh			
2588	Nguyễn Thị Thanh	Phương	25	1	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2589	Lê Minh	Hoàng	4	1	1992		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2590	Huỳnh Thị Thanh	Phương	23	6	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2591	Phạm Văn	Thảo	17	12	1999		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2592	Chu Thị	Nhi	29	10	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2593	Lê Phi	Long	4	10	1986		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2594	Trần Thị	Linh	20	4	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng				Tiếng Anh			
2595	Huỳnh Kim	Hương	20	9	1992	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2596	Lâm Bình	Đăng	8	6	1989		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2597	Nguyễn Trinh	Thuần	24	6	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Văn hóa học			x				
2598	Trần Thế	Cường	7	3	1996		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2599	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	24	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2600	Huỳnh Văn	Bình	16	6	1985		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh	UT2	5	
2601	Huỳnh Thị Ngọc	Loan	18	5	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2602	Nguyễn Quốc	Tường	28	4	1990		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
2603	Nguyễn Thị Nữ	Hoàng	7	1	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2604	Đỗ Thị Thảo	Hòa	17	8	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2605	Trần Thị	Tâm	13	10	1988	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
2606	Lê Thị Hồng	Minh	23	7	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Triết học				Tiếng Anh			
2607	Đào Trọng	Nhân	26	9	1999		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2608	Võ Thị Kim	Hòa	17	9	1989	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Ngữ văn anh			x				
2609	Huỳnh Quốc	Bảo	22	12	1995		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Báo chí				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2610	Nguyễn Trung	Hiếu	1	8	1982		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2611	Đỗ Phạm Thanh	Thúy	3	2	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2612	Diệp Thị Mỹ	Nhàn	10	9	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2613	Kiều Thị Ý	Nhi	1	1	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2614	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	21	1	1995	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
2615	Trần Huỳnh	Long	13	3	1996		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2616	Nguyễn Thị Mai	Loan	7	12	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2617	Phạm Trịnh Mai	Trâm	13	2	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2618	Phạm Thị Thu	Hiền	25	3	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
2619	Nguyễn Ngọc Mạnh	Cường	3	4	1998		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2620	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	10	1	1999	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2621	Lê Xuân	Lộc	24	11	1998	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2622	Hồ Thanh	Tâm	19	10	1998		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2623	Phan Ngọc	Long	3	11	1986		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2624	Nguyễn Hồng	Tâm	3	6	1991		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2625	Nguyễn Tấn	Trường	9	11	1998		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
2626	Lê Thị Anh	Duyên	20	2	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2627	Hồ Thị Thái	Lan	22	7	1982	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
2628	Nguyễn Minh	Cường	18	10	1983	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2629	Ngô Hoàng Yến	Nhi	28	12	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị tài chính (Ngành Quản trị Kinh doanh)				Tiếng Anh			
2630	Trần Ngọc	Giàu	6	9	1997	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư	02.007	Cử nhân	Quản trị văn phòng (có chứng chỉ bồi dưỡng văn thư - lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
2631	Tô Thị Ngọc	Phước	5	3	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư	02.007	Cử nhân	Lưu trữ và Quản trị văn phòng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
2632	Trần Nguyễn Thu	Hiền	28	12	1990	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư	02.007	Kỹ sư	Công nghệ thực phẩm; Trung cấp văn thư - lưu trữ				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
2633	Lê Thị Minh	Lý	26	2	1996	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư	02.007	Đại học	Quản lý Nhà nước (có chứng chỉ bồi dưỡng văn thư - lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
2634	Nguyễn Trọng	Thắng	20	6	1981		Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư	02.007	Cử nhân	Hành chính công (có chứng chỉ bồi dưỡng văn thư - lưu trữ)				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
2635	Ngô Thị	Loan	1	11	1985	x	Ủy ban nhân dân Quận 12	Văn thư	02.007	Cử nhân	Lưu trữ học				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2636	Nguyễn Điền	Trung	16	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2637	Lại Đình	Hoàng	24	10	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2638	Nguyễn Võ Tấn	Đạt	30	12	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Công nghệ thông tin	01.003	Đại học	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
2639	Dương Thị Anh	Thi	20	2	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2640	Trương Công	Đoàn	1	1	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2641	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	8	7	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2642	Phạm Hoàng	Long	6	3	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2643	Trần Thuận	Phát	7	8	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2644	Phan Ngọc	Tuấn	27	7	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2645	Mai Huỳnh	Anh	9	2	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2646	Nguyễn Huỳnh Bá	Thuận	8	6	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2647	Huỳnh Nhật	Khương	27	12	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2648	Lê Văn Khải	Vy	10	9	1976		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2649	Trần Mai Bảo	Ngọc	13	6	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2650	Phan Minh	Nhựt	19	6	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2651	Nguyễn Thị Phương	Trang	24	3	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2652	Tăng Thị Thu	Ngân	29	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2653	Võ Thị Hạ	Uyên	23	8	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2654	Nguyễn Quốc	Lực	12	10	1983		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
2655	Huỳnh Trương Anh	Duy	5	3	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2656	Lâm Quốc	Lợi	2	1	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2657	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	12	9	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2658	Đỗ Thanh	Thịnh	13	12	1980		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2659	Trần Thị Thu	Ngân	14	12	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật hành chính				Tiếng Anh			
2660	Nguyễn Đoàn Duy	Kha	9	4	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2661	Phạm Thanh	Phương	10	11	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2662	Lê Thị Thu	Trang	27	7	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2663	Lê Thị Huỳnh	Như	27	12	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2664	Trần Lê Thanh	Vũ	25	1	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2665	Dương Thị Xuân	Trang	21	3	1980	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2666	Nguyễn Hữu	Trí	29	5	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật			x				
2667	Lại Thị Kim	Chi	17	9	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2668	Ngô Thị Thu	Thảo	30	10	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2669	Nguyễn Ngọc	Hết	25	6	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2670	Phùng Thị	Thu	9	11	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2671	Phạm Thị Bích	Hạnh	27	12	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2672	Trần Minh	Hải	29	12	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2673	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	19	12	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2674	Mai Văn	Khải	5	10	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Cấp thoát nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2675	Nguyễn Thành	Trí	28	4	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Công trình giao thông công chính				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2676	Nguyễn Quốc Anh	Tuấn	19	10	1981		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Xây dựng cầu đường				Tiếng Anh			
2677	Hồ Hoàng	Long	20	12	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ sư xây dựng			x				
2678	Võ Trí	Thành	10	10	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2679	Mai Lệ	Huyền	20	1	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2680	Võ Hồng	Sơn	29	3	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2681	Hứa Trần Gia	Linh	30	7	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2682	Nguyễn Thị Tuyết	Hằng	30	1	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Luật thương mại				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2683	Nguyễn Ngọc	Thủy	23	9	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2684	Cao Trần Tố	Uyên	24	9	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2685	Nguyễn Duy	Tú	25	10	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Hành chính				Tiếng Anh			
2686	Lê Thị Quỳnh	Giang	1	9	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2687	Ngô Ngọc	Huyền	28	11	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Hành chính				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2688	Vũ Thanh	Hương	28	5	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Cử nhân kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2689	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	27	10	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
2690	Trịnh Thị Thu	Hoa	24	12	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính Ngân hàng				Tiếng Anh			
2691	Hà Thị Thu	Trang	1	6	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
2692	Nguyễn Dương Kim	Ngân	3	1	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2693	Lê Minh	Thi	3	6	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2694	Huỳnh Công	Tiến	4	7	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh, Luật				Tiếng Anh			
2695	Tiết Minh	Tuấn	15	7	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ, Đại học	Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực				Tiếng Anh	UT2	5	
2696	Lê Minh	Nam	15	7	1978		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Cử nhân Luật				Tiếng Anh			
2697	Nguyễn Hồng Thanh	Thúy	27	1	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2698	Hoàng Bá	Nghị	21	8	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Thạc sĩ quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2699	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Như	28	9	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2700	Nguyễn Thanh	Tiến	5	4	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật			x				

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2701	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	16	4	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kinh tế-Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2702	Trần Thụy Ngọc	Uyên	18	6	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2703	Phan Thị Anh	Thư	25	8	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2704	Võ Phương	Thảo	9	1	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2705	Bùi Thị Thùy	Chinh	1	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nguồn nhân lực				Tiếng Anh			
2706	Võ Thị Hồng	Duyên	13	6	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2707	Dương Văn	Tiến	16	2	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2708	Vũ Hải	Vân	7	10	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2709	Tô Đinh Thanh	Hoàng	3	6	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2710	Nguyễn Thị Phương	Chi	8	7	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2711	Phùng Duy	Tân	12	11	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2712	Tô Huỳnh Thanh	Trúc	18	12	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2713	Nguyễn Phương	Thảo	17	9	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2714	Nguyễn Nhựt Quỳnh	Mai	30	7	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2715	Bùi Thị Thảo	Quyên	31	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doan				Tiếng Anh			
2716	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20	7	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính				Tiếng Anh			
2717	Nguyễn Thị Thu	Thủy	27	4	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính				Tiếng Anh			
2718	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	29	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2719	Kiều Tấn	Đạt	27	7	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2720	Lương Quốc	Trọng	12	2	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
2721	Nguyễn Tiến	Hưng	16	8	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Trắc địa				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2722	Nguyễn Danh	Hiển	1	4	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
2723	Phạm Thị Kim	Ngọc	31	8	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2724	Châu Huệ	Mẫn	9	11	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2725	Phạm Hồ Hoàng	Vân	30	3	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2726	Trần Anh	Khoa	20	5	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2727	Trần Minh	Nam	28	3	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
2728	Phạm Văn	Công	23	2	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
2729	Nguyễn Khắc	Đạo	20	12	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2730	Phùng Duy	Linh	22	2	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2731	Trần Sách	Thắng	2	9	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2732	Bùi Xuân	Phú	20	3	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2733	Huỳnh Phú	Đạt	14	6	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật trắc địa				Tiếng Anh			
2734	Lê Đan	Khanh	2	1	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2735	Đặng Quang	Sáng	28	11	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2736	Nguyễn Hoài	Ân	25	1	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2737	Hồ Thanh	Phú	27	2	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2738	Đoàn Hoàng	Khang	13	9	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2739	Trần Xuân	Hòa	7	1	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2740	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	24	11	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý Tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
2741	Phan Hoàng	Lam	2	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
2742	Võ Trọng	Phúc	9	2	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quy hoạch đô thị				Tiếng Anh			
2743	Phạm Lê	Đông	10	7	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2744	Phạm Trung	Hiếu	12	8	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2745	Trần Thị Huỳnh	Hoa	2	3	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
2746	Nguyễn Thị	Nguyền	1	6	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2747	Lý Hùng	Nam	10	1	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2748	Nguyễn Thị Thanh	Trang	10	12	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
2749	Trần Thị Ngọc	Ánh	3	6	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2750	Lê Thanh	Hải	20	4	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
2751	Võ Văn	Luân	20	2	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2752	Vũ Thị Huyền	Trang	17	4	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2753	Hàng Minh Bích	Uyên	14	6	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2754	Ngô Ngọc	Anh	13	7	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2755	Lê Công	Phước	20	7	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2756	Vương Trọng	Nhân	5	8	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2757	Nguyễn Hữu	Tài	9	8	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2758	Phan Thị Na	Ly	7	1	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
2759	Lê Thanh	Tân	27	8	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2760	Lê Thế	Đô	1	1	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2761	Trần Thị Minh	Trí	28	11	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Công nghệ môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2762	Đáy Minh	Tiến	12	3	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
2763	Đặng Tất	Thắng	19	10	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2764	Nguyễn Thị Bích	Phượng	7	12	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý Tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
2765	Nguyễn Đức	Duy	18	7	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Trắc địa				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2766	Nguyễn Duy	Bình	2	9	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
2767	Nguyễn Ngọc Sơn	Lâm	7	2	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Trắc địa				Tiếng Anh			
2768	Nguyễn Lan	Anh	22	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2769	Lê Đan	Kim	4	6	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2770	Lý Thiên	Tứ	1	9	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2771	Trần Phú	Sang	21	11	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2772	Lê Hải	Hưng	11	4	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2773	Nguyễn Nhựt	Tân	9	3	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2774	Nguyễn Phước	Sang	7	6	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Trắc địa				Tiếng Anh			
2775	Lê Bá	Phú	21	7	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2776	Lê Thị Mỹ	Duyên	15	6	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2777	Nguyễn Thanh	Tùng	10	3	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2778	Trương Thiên	Phúc	14	10	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Công nghệ môi trường				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2779	Nguyễn Ngọc	Thiên	14	3	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Trắc địa				Tiếng Anh			
2780	Phạm Minh	Tân	2	2	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2781	Vũ Duy Kim	Khánh	6	7	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
2782	Đỗ Thị	Hường	5	5	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2783	Gian Thanh	Thanh	11	7	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2784	Trần Nguyễn Hoàng	Phương	22	2	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2785	Nguyễn Đặng Phát	Thịnh	2	1	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Xây dựng				Tiếng Anh			
2786	Phan Thị	Thảo	12	4	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2787	Lê Phước	Ngọc	19	11	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2788	Hà Thúy	An	23	3	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quy hoạch đô thị				Tiếng Anh			
2789	Trần Thị Mỹ	Duyên	17	8	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2790	Trần Đình	Huy	15	5	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng				Tiếng Anh			
2791	Nguyễn Thanh	Tòng	27	11	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2792	Lê Vũ Đăng	Khánh	9	11	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2793	Phạm Thị	Hoài	15	4	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2794	Dương Thiên	Ân	21	7	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2795	Triệu Thành	Tài	14	1	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2796	Lê Nhã Ngọc Kim	Thanh	27	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2797	Trương Anh	Thư	14	3	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2798	Nguyễn Duy	Linh	12	9	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2799	Dư Minh	Giàu	27	1	1984		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Xây dựng				Tiếng Anh			
2800	Ngô Thùy	Trang	21	7	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2801	Nguyễn Minh	Quân	17	4	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2802	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15	12	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
2803	Phan Hoàng	Diễm	7	11	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2804	Đỗ Thành	Tài	21	1	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2805	Trần Bảo	Hân	10	7	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật trắc địa				Tiếng Anh			
2806	Nguyễn Xuân	Mộng	8	10	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2807	Đặng Ngọc	Quốc	8	3	1983		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Địa chính				Tiếng Anh			
2808	Kiên Anh	Khoa	1	4	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
2809	Nguyễn Hoài	Thương	24	1	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đô thị và công trình			x				
2810	Dương Anh	Tài	20	4	1977		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2811	Lê Thị Kim	Trinh	11	11	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2812	Kiều Ngọc	Sáng	21	6	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
2813	Huỳnh Cẩm	Tú	12	6	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Công nghệ môi trường				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2814	Phùng Thị Mỹ	Diễm	13	3	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Khoa học môi trường				Tiếng Anh			
2815	Trần Ngọc	Công	9	11	1984		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2816	Trần Như	Vũ	20	5	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2817	Nguyễn Ngọc	Dung	7	4	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2818	Nguyễn Tài	Chính	5	1	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2819	Trịnh Hoàng	Minh	25	1	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2820	Hồ Trọng	Nghĩa	12	3	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2821	Nguyễn Thị	Lan	10	10	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2822	Lê Thanh	Trúc	16	12	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
2823	Bùi Ngọc Thiều	Quang	11	2	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2824	Đỗ Quốc	Huy	19	7	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2825	Đỗ Gia	Phú	7	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2826	Đỗ Hải	Hà	4	8	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2827	Đỗ Thị Như	Quỳnh	28	9	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2828	Nguyễn Thị Trúc	Anh	21	2	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Hành chính tư pháp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2829	Đào Văn	Hào	12	6	1982		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Lưu trữ	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2830	Mai Lê Tấn	Hoàng	13	12	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Lưu trữ	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2831	Nguyễn Ngọc	Trâm	28	3	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Lưu trữ	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2832	Nguyễn Thanh	Tuấn	15	3	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2833	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	13	1	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2834	Nguyễn Đình	Phú	27	4	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật			x				
2835	Ngô Văn	Hải	13	1	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2836	Huỳnh Nguyễn Thành	Long	30	11	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2837	Trương Thanh Nguyễn Việt	Quang	9	10	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2838	Nguyễn Thanh	My	12	7	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2839	Nguyễn Quang	Thiện	24	4	1982		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý dân số, kế hoạch hóa gia đình	01.003	Đại học	Dược				Tiếng Anh			
2840	Tạ Hoàng	Phi	23	4	1982		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý đất đai	01.003	Cử nhân	Xây dựng				Tiếng Anh			
2841	Trương Công	Lực	10	3	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý đất đai	01.003	Thạc sĩ	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
2842	Lê Thị Bích	Ngọc	17	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Cử nhân	Y học dự phòng				Tiếng Anh			
2843	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	19	9	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý nghiệp vụ y	01.003	Bác sĩ	Đa khoa				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2844	Võ Huỳnh Hùng	Thịnh	25	2	2000		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Cử nhân	Kinh tế			x				
2845	Trần Quốc	Hòa	19	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
2846	Nguyễn Thị Hải	Uyên	18	6	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh			x				
2847	Nguyễn Đức	Tiến	29	11	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2848	Phan Ngọc	Hiển	10	2	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2849	Lê Ngọc	Nam	13	2	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Kinh tế				Tiếng Anh			
2850	Trần Thái	Điền	19	1	1982		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2851	Nguyễn Minh	Anh	1	4	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
2852	Nguyễn Minh	Hiệp	11	9	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý thương mại	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
2853	Dương Minh	Cường	1	5	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT2	5	
2854	Phùng Huy	Hùng	2	7	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2855	Tăng Hoài	Anh	25	4	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2856	Nguyễn Ngọc	Thanh	18	8	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đô thị				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2857	Nguyễn Huy	Hoàng	5	1	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2858	Nguyễn Như	Tuấn	12	11	1981		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	
2859	Nguyễn Trung	Hiếu	29	11	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Xây dựng công trình				Tiếng Anh			
2860	Nguyễn Anh	Quốc	6	10	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
2861	Lê Anh	Đào	17	11	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Kiến trúc				Tiếng Anh			
2862	Phạm Thế	Thuận	29	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	ƯT2	5	
2863	Nguyễn thị Vân Hoài	Tâm	26	11	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
2864	Nguyễn Minh	Tiến	26	9	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	
2865	Nguyễn Thị Thanh	Lan	17	12	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2866	Nguyễn Quốc	Trung	8	3	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2867	Lê Ngọc	Trầm	28	9	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Anh			
2868	Nguyễn Thanh	Tùng	10	11	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2869	Võ Thị Kim	Ngân	20	1	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2870	Trần Ngọc Thanh	Loan	12	10	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Đô thị học				Tiếng Anh			
2871	Nguyễn Thị Bích	Ngà	6	3	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý dất đai				Tiếng Trung			
2872	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	12	10	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật - Kinh tế				Tiếng Anh			
2873	Phan Tấn	Phát	24	8	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
2874	Nguyễn Trần Anh	Kim	3	7	1976	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2875	Trương Trí	Dũng	24	2	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2876	Biện Minh	Phương	6	3	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
2877	Đỗ Ngọc Phương	Anh	7	2	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đô thị				Tiếng Anh			
2878	Lê Vũ Nguyên	Khôi	27	12	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý văn hóa và gia đình	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2879	Trần Thị Kim	Anh	6	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý văn hóa và gia đình	01.003	Cử nhân	Luật - Kinh tế				Tiếng Anh			
2880	Trần Phước	Đức	22	2	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý văn hóa và gia đình	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2881	Đinh Thị Bích	Diệp	12	2	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý văn hóa và gia đình	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2882	Nguyễn Anh	Chung	8	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2883	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	7	4	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2884	Nguyễn Tiến	An	30	6	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Quản lý về lao động, việc làm và dạy nghề	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2885	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	28	4	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2886	Nguyễn Lệ	Vy	11	9	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2887	Nguyễn Đỗ Nam	Thanh	24	4	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2888	Đàm Kim	Phụng	19	5	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	
2889	Đào Thanh	Long	27	4	1978		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2890	Lương Thị Thanh	Thủy	24	2	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2891	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1	10	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2892	Thi Nguyễn Gia	Luân	1	1	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2893	Nguyễn Thùy	Linh	1	11	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
2894	Trịnh Đinh Mẫn	Linh	13	4	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
2895	Trần Ngọc Anh	Thư	26	2	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2896	Đoàn Cẩm	Hậu	28	2	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính - Ngân hàng			x				
2897	Phạm Thị Ngọc	Diễm	15	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán - kiểm toán				Tiếng Anh			
2898	Lương Phú	Sang	23	2	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2899	Bùi Thị Thanh	Hương	1	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
2900	Nguyễn Quốc	Thành	18	6	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	01.003	Kiến trúc sư	Kiến trúc				Tiếng Anh			
2901	Lê Văn	Điều			1979		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
2902	Nguyễn Thị	Thanh	15	3	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2903	Khúc Hoàng Lan	Anh	22	3	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2904	Bùi Phương	Linh	30	3	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2905	Nguyễn Trần Kim	Anh	6	11	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2906	Trần Hoàng	Anh	30	8	1978		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2907	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	29	4	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2908	Lê Trọng	Hiếu	1	4	1980		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2909	Tạ Thị Trường	An	20	11	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2910	Trần Thị Thùy	Dung	16	4	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2911	Phan Thị Thu	Thảo	6	3	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2912	Trần Xuân	Tiến	8	10	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2913	Lê Thị	Uyên	17	9	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2914	Lê Công Nhật	Thăng	5	9	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2915	Nguyễn Thị Thu	Hà	20	11	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2916	Lãnh Mỹ	Liên	4	3	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2917	Nguyễn Trọng	Thuận	12	5	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2918	Nguyễn Xuân	Quỳnh	3	11	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2919	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	15	6	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2920	Nguyễn Thùy	Châm	22	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật - kinh tế				Tiếng Anh			
2921	Phạm Ngọc Hoàng	Long	4	12	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2922	Lê Thị Tú	Anh	11	8	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2923	Hà Minh	Luân	10	5	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2924	Phan Ngọc	Thái	3	6	1983		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2925	Nguyễn Đức Hoàng	Phú	10	11	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2926	Nguyễn Hoàng Trung	Hiến	18	11	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật - kinh tế				Tiếng Anh			
2927	Đinh Thị Phương	Anh	29	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2928	Vũ Thị	Hiền	7	7	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2929	Phan Thị	Diễm	12	4	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2930	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	20	5	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2931	Trương Thị Thu	Hiền	1	12	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật - Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2932	Trương Hoàng Nhật	Minh	7	6	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2933	Trương Ái	Nghi	21	5	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2934	Phạm Thị	Liên	16	2	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2935	Nguyễn Thị	Châu	9	11	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2936	Nguyễn Duy	Khanh	28	10	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2937	Trương Thị Kim	Hương	18	5	1976	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2938	Nguyễn Mậu	Tiên	16	9	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2939	Nguyễn Trung	Bình	16	11	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2940	Tô Phương Trung	Thảo	8	11	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2941	Đỗ Thị Tố	Quỳnh	5	8	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			
2942	Nguyễn Quang	Thiện	6	11	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2943	Hoàng Phượng	Hồng	8	9	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2944	Huỳnh Cẩm	Thúy	4	9	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2945	Bùi Mạnh	Nhất	23	11	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
2946	Phan Hoài	Nam	11	5	1979		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật			x				
2947	Nguyễn Thị Bảo	Yến	1	1	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2948	Phạm Hồ Mỹ	Hạnh	3	9	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2949	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	16	8	1979	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2950	Lê Thị Ly	Ly	27	1	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2951	Mai Thị	Thông	25	5	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật - kinh tế			x				
2952	Ngô Thị Thu	Châu	10	4	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2953	Trần Khắc Nhã	Phương	29	7	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật			x				
2954	Phạm Thị Phương	Nhung	12	10	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2955	Nguyễn Bình	Phương	26	4	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2956	Nguyễn Thanh	Hương	21	1	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2957	Dương Quyền	Trân	28	1	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2958	Nguyễn Thành	Long	2	9	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2959	Trần Thanh	Phúc	29	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2960	Lê Hà	Lợi	3	7	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2961	Phan Thành	Lợi	30	7	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2962	Nguyễn Ngọc	Cường	30	10	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2963	Trần Hòa	Nhã	17	2	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quan hệ lao động				Tiếng Anh			
2964	Lê Thị Khánh	Ly	14	8	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2965	Ngô Đạt	Thịnh	31	10	1994		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2966	Phan Tấn	Đạt	11	11	1992		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2967	Nguyễn Phước	Huy	15	1	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
2968	Nguyễn Ngọc	Hân	22	6	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2969	Trương Quốc	Bảo	1	1	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2970	Nguyễn Xuân	Nam	9	2	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2971	Nguyễn Minh	Tâm	23	2	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2972	Bùi Hoàn	Vũ	26	10	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2973	Hà Bảo	Quân	28	12	1986		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2974	Nguyễn Thanh	Liêm	15	9	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2975	Nguyễn Thị Minh	Tuyền	28	6	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2976	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	6	7	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Bảo hiểm				Tiếng Anh			
2977	Bùi Thị	Nga	21	3	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2978	Đinh Văn	Khương	20	7	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Lịch sử			x				
2979	Tạ Thị Mỹ	Lệ	29	8	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2980	Nguyễn Thị Bích	Huyền	15	9	1971	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2981	Bùi Thị	Ngọc	7	3	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2982	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17	8	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2983	Vũ Anh	Quý	3	11	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2984	Nguyễn Minh	Hải	8	5	1983		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2985	Nguyễn Thị	Hồng	20	9	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2986	Phan Nguyễn Thu	Nhàn	3	4	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
2987	Trần Thị Hồng	Liên	15	5	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2988	Nguyễn Thành	Nhân	22	1	1990		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
2989	Dương Lý Thiên	Thanh	22	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2990	Nguyễn Trung	Hậu	2	11	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2991	Hồ Hoàn	Hảo	11	6	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
2992	Trương Thị	Pha	1	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Việt Nam học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
2993	Phạm Văn	Minh	10	11	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
2994	Trương Hàm	Yên	5	12	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Triết học				Tiếng Anh			
2995	Nguyễn	Nhiên	23	1	1984		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2996	Tống Lan	Anh	25	1	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
2997	Nguyễn Văn	Tuyến	24	5	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Hành chính				Tiếng Anh			
2998	Nguyễn Đức	Long	15	2	1985		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
2999	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	16	11	1976	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3000	Cổ Thanh	Liêm	27	12	1987		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3001	Lê Thị Tuyết	Anh	3	3	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3002	Lý Thị Thảo	Vi	18	10	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Văn học				Tiếng Anh			
3003	Hứa Văn	Hòa	27	9	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Triết học				Tiếng Trung	UT2	5	
3004	Phạm Minh	Hiếu	16	7	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Triết học				Tiếng Anh			
3005	Võ Hoàng Thùy	Tiên	17	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Khoa học thư viện				Tiếng Anh			
3006	Nguyễn Văn	Lộc			1982		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
3007	Trương	Bình	29	6	1981		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Lưu trữ - Quản trị văn phòng			x				
3008	Phan Quốc	Đạt	17	8	1997		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
3009	Lê Khải	Hoàn	1	11	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3010	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	29	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3011	Dương Thị Mai	Thy	11	12	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3012	Lê Như	Ý	2	1	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3013	Đặng Thị	Tâm	23	9	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3014	Võ Trần Ngọc Quỳnh	Châu	22	5	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3015	Lê anh	Thư	14	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3016	Nguyễn Thị	Nga	7	5	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Lưu trữ - Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
3017	Phạm Thị Cẩm	Nhung	7	11	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Lưu trữ - Quản trị văn phòng				Tiếng Anh			
3018	Phạm Thị Thái	Bình	16	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3019	Đào Thành	Lộc	23	7	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3020	Vương Thị	Phương	24	12	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
3021	Hoàng Bảo	Uyên	20	2	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
3022	Phạm Ngọc Bích	Hằng	24	1	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3023	Trần Thị Xuân	Ánh	24	12	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3024	Nguyễn Thế	Lân	13	9	1993		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3025	Đỗ Hoàng	Giàu	10	4	1995		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3026	Đào Duy	Ân	15	9	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3027	Phan Trọng	Hiếu	28	11	1975		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật			x		UT2	5	
3028	Lê Thị Mỹ	Bình	26	3	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3029	Trịnh Phương	Linh	5	10	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
3030	Lý Thị Minh	Hiền	1	12	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3031	Bùi Trần Ngọc	Anh	27	11	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3032	Lý Hồng	Ngọc	4	1	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3033	Nguyễn Thị Út	Phương	19	7	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3034	Nguyễn Trần Thanh	Xuân	8	11	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3035	Phạm Khánh	Toàn	11	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3036	Hồ Minh	Phước	5	3	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3037	Võ Phạm	Huy	26	5	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3038	Ngô Hữu	Tài	2	12	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3039	Nguyễn Tấn	Tài	16	11	1989		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
3040	Mai Thị Mỹ	Linh	16	11	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3041	Trần Thanh	Hùng	25	1	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3042	Nguyễn Quang	Quí	24	1	1998		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3043	Trần Phước	Lộc	22	1	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3044	Hồ Huỳnh	Danh	6	5	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3045	Lương Văn	Huy	17	11	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3046	Nguyễn Thị Ngọc	Việt	19	11	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3047	Phạm Ngọc	Hưng	14	9	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3048	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	1	4	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Tài chính - Kế toán				Tiếng Anh			
3049	Nguyễn Thị	Vui	28	11	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3050	Nguyễn Tuấn	Anh	21	10	1999		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3051	Trần Bích	Ngọc	27	11	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3052	Lê Bảo	Châu	9	8	1979		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3053	Võ Thành	Nhơn	16	8	1988		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3054	Nguyễn Lệ	Thủy	18	12	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3055	Trần Công	Hậu	18	12	1996		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3056	Âu Dương Nguyệt	Quỳnh	9	6	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3057	Trần Thị	Hoan	28	11	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
3058	Vũ Phạm Phương	Thảo	15	6	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3059	Bùi Như	Phương	8	6	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3060	Trần Xuân	Phấn	13	11	1991		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3061	Nguyễn Thành	Trí	8	10	1977		Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3062	Nguyễn Thị	Hiền	16	1	1981	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Công nghệ thông tin				Tiếng Anh			
3063	Thới Thị Ngọc	Huyền	2	2	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3064	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	5	3	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3065	Quách Thiên	Ngân	16	8	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh	Văn thư	02.007	Cử nhân	Quản lý nhà nước;Trung cấp Hành chính văn thư				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3066	Lã Thị Kim	Oanh	29	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
3067	Trần Xuân	Hạnh	27	1	1995		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và Đô thị				Tiếng Anh			
3068	Lê Tuấn	Vũ	13	3	1991		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3069	Lê Thành	Công	28	7	1993		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
3070	Phạm Thị Mỹ	Hương	5	3	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh			
3071	Lê Anh	Tú	15	11	1983		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính				Tiếng Anh	UT2	5	
3072	Vũ Đức	Kiệt	6	6	1997		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
3073	Đoàn Thị Bảo	Trâm	4	9	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
3074	Nguyễn Duy	An	25	6	1990		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3075	Phan Tuấn	Kiệt	19	1	1992		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3076	Lương Lê	Lâm	25	5	1989		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Môi trường				Tiếng Anh			
3077	Nguyễn Minh	Tùng	1	6	1995		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Môi trường				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3078	Phạm Ngọc Thảo	Vy	2	9	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3079	Lê Hoàng	Minh	8	11	1980		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
3080	Trần Phương	Thảo	24	7	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Thiết kế nội ngoại thất				Tiếng Anh			
3081	Lê Thương Tiểu	Ngọc	1	2	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Đại học	Kinh doanh thương mại				Tiếng Anh			
3082	Nguyễn Tiến	Thuận	4	8	1989		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Đại học	Kinh tế				Tiếng Anh			
3083	Phan Thanh	Dũng	10	10	1991		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3084	Bùi Doãn	Zin	22	1	1997		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Đại học	Kinh doanh quốc tế			x				
3085	Nguyễn Đặng Hoài	Thương	12	1	1977	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
3086	Trần Thị Ngọc	Hương	15	10	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
3087	Phạm Hoàng Tuấn	Định	12	12	1981		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
3088	Nguyễn Thị Phương	Quỳnh	26	9	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3089	Trần Thị Hồng	Thắm	5	9	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	01.003	Đại học	Luật quốc tế				Tiếng Anh			
3090	Hoàng Văn	Tá	3	4	1990		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	01.003	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và luật hành chính				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3091	Nguyễn Nhật	Anh	4	7	1993		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3092	Trần Thanh	An			1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Cao đẳng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			Chưa đóng phí thi tuyển
3093	Võ Chấn	Khang	14	7	1994		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3094	Đinh Nhật	Bình	24	7	1988		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3095	Lưu Doãn	Kỹ	16	3	1989		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Cao đẳng	Kỹ thuật xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3096	Nguyễn Quốc	Thắng	26	9	1994		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Cao đẳng	Kỹ thuật xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3097	Hồ Minh	Trí	22	3	1985		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3098	Trương Thành	Nhân	24	2	1980		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3099	Phan Hoài	Ân	31	10	1992		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.004	Đại học	Công nghệ kỹ thuật xây dựng				Không thi ngoại ngữ do vị trí việc làm không yêu cầu			
3100	Võ Thanh	Truyền	2	10	1993		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3101	Trần Thị Thanh	Thu	23	10	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Quản lý kinh doanh/tài chính kế toán				Tiếng Anh			
3102	Huỳnh Phan Minh	Tâm	4	8	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3103	Bùi Tường	Vy	25	2	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3104	Lý Thụy Huỳnh	My	10	10	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3105	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	19	4	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3106	Vũ Thu	Hà	20	9	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3107	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10	4	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3108	Nguyễn Minh	Tuấn	5	10	1993		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3109	Nguyễn Dương Hồng	Mai	11	5	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3110	Phan Thị Ngọc	Ánh	12	6	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3111	Phạm Thị Thúy	Tiên	29	7	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3112	Lý Thị Thanh	Hằng	24	4	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
3113	Nguyễn Thị Thùy	Dung	16	5	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3114	Hoàng Thị Hồng	Nhung	1	2	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3115	Nguyễn Ngọc Mai	Vy	30	4	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3116	Trà Thị Minh	Thy	14	9	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - tài chính				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3117	Trần Vũ Minh	Hương	25	3	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3118	Nguyễn Tùng Quế	Anh	12	12	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3119	Lưu Vũ Vân	Anh	11	8	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
3120	Nguyễn Thị Tường	Vi	17	7	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	kế toán				Tiếng Anh			
3121	Lê Thị	Lu	15	6	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - kiểm toán				Tiếng Anh			
3122	Võ Thị Thùy	Trang	27	9	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	kế toán				Tiếng Anh			
3123	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11	3	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3124	Trần Thị Ánh	Nguyệt	3	6	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
3125	Nguyễn Thị Kim	Thư	11	3	1976	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán - tài chính doanh nghiệp				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
3126	Nguyễn Minh	Trang	18	9	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán doanh nghiệp				Tiếng Anh			
3127	Hà Văn	Phương	17	2	1988		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3128	Nguyễn Thủy	Tiên	17	8	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3129	Vũ Thị	Hiền	28	4	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3130	Trần Nguyễn Thanh	Hiền	14	11	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3131	Trần Quốc	Minh	15	9	1997		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3132	Nguyễn Thị	Hằng	21	3	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Kinh tế Luật				Tiếng Anh			
3133	Nguyễn Thị Bích	Hà	6	10	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3134	Phan Văn	Tiến	25	1	1996		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3135	Trần Thị	Hà	13	8	1979	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3136	Võ Ngọc Như	Quỳnh	21	10	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3137	Nguyễn Thị Thu	Uyên	26	6	1979	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3138	Võ Thị Thanh	Trúc	1	4	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3139	Bùi Minh	Tân	15	5	1992		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3140	Nguyễn Thanh Hoàng	Phúc	27	10	1995		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3141	Trương Hoàng	Minh	22	10	1992		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3142	Dương Quốc	Anh	30	12	1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3143	Hoàng Bạch	Yến	3	11	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3144	Nguyễn Thị Hoài	Thương	13	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3145	Lê Trung	Hiệp	15	3	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật quốc tế				Tiếng Anh			
3146	Hà Khánh	Ngân	15	8	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3147	Bùi Ngọc Tố	Quyên	7	12	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật tổng hợp				Tiếng Anh	UT2	5	
3148	Nguyễn Tâm	Nhi	14	10	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3149	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Sơn	27	12	1991		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3150	Đào Khắc	Thùy	10	5	1981	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh chuyên ngành Luật kinh doanh				Tiếng Anh			
3151	Đỗ Tiến	Đức	7	5	1997		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3152	Trần Lê Thùy	Trang	4	10	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3153	Đặng Thị Bích	Thu	1	4	1972	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3154	Võ Thị Thanh	Thảo	29	7	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3155	KSơr Thùy	Linh	2	9	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3156	Lê Võ Kiều	Linh	19	4	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3157	Trần Thị	Tiếp	25	12	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3158	Nguyễn Thị	Sương	8	11	1977	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3159	Huỳnh Ngọc Long	Tuyền	3	7	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3160	Võ Thị	Liên	1	3	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3161	Nguyễn Ngọc	Duyên	4	7	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3162	Nguyễn Văn	Thành	17	3	1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3163	Trần Minh	Tiến	20	8	1991		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3164	Đỗ Trung	Quân	31	5	1990		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3165	Lê Đoàn Thanh	Tùng	29	8	1981		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh	UT2	5	
3166	Lê Đoàn Trúc	Mai	3	12	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3167	Nguyễn Thị	Thảo	20	3	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3168	Trần Nguyễn Kim	Trinh	4	11	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3169	Nguyễn Thị	Nhung	12	5	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3170	Võ Mỹ	Ngọc	2	4	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3171	Nguyễn Như	Quỳnh	16	12	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật dân sự và tố tụng dân sự				Tiếng Anh			
3172	Trần Ngọc Thùy	Trang	26	5	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
3173	Huỳnh Tường	Vũ	17	10	1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật dân sự				Tiếng Anh			
3174	Nguyễn Thanh	Ngọc	2	6	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3175	Hồ Nguyễn Hữu	Phát	11	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh		.	Chưa đóng phí thi tuyển
3176	Tô Phương Trung	Hiếu	30	7	1989		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	UT2	5	
3177	Huỳnh Minh	Hồng	25	5	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý Văn hóa				Tiếng Anh			
3178	Nguyễn Công	Thành	10	10	1981		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
3179	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	16	1	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3180	Huỳnh Lưu Nhật Thùy	Trang	2	6	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3181	Lê Văn	Trình	19	5	1985		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3182	Trần Lữ Duy	Khang	19	8	1983		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3183	Đinh Hoàng	Mỹ	2	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Nội chính Văn xã				Tiếng Anh			
3184	Phạm Hồng Huyền	Trân	29	12	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3185	Vũ Thị Thanh	Ngọc	29	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3186	Hồ Đức	Quan	25	6	1992		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3187	Hồ Đức	Huy	24	6	1997		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3188	Nguyễn Duy	Hiệp	1	7	1991		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3189	Phí Quang	Đức	28	10	1999		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3190	Cao Thị Anh	Thư	16	3	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Khoa học chính trị				Tiếng Anh			
3191	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	29	10	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
3192	Đặng Gia	Nhi	19	9	1980	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
3193	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	7	1	1974	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3194	Nguyễn Lê Ngọc	Anh	7	5	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Văn hóa học				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3195	Trần Minh	Hoàng	12	2	1996		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3196	Nguyễn Văn	Thuận	9	5	1996		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Báo chí				Tiếng Anh			
3197	Hứa Hoàng	Đừng	24	11	1994		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			
3198	Nguyễn Đỗ Thiên	Chương	14	4	1985		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3199	Trần Nguyên	Chương	11	5	1999		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3200	Lê Nguyên Trung	Kiên	8	9	1996		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản trị du lịch				Tiếng Anh			
3201	Bùi Ngọc	Anh	8	1	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế, hành chính				Tiếng Anh			
3202	Đoàn Thị Thúy	Phượng	5	2	1976	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
3203	Đỗ Hữu	Phước	21	4	1999		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Chính trị học				Tiếng Anh			
3204	Nguyễn Thanh	Trung	24	6	1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3205	Phan Tuấn	Anh	18	2	1991		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3206	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	16	8	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
3207	Bùi Diện Phương	Hiền	7	10	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3208	Lê Thị Lan	Anh	17	11	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			
3209	Phạm Hồng	Hiệp	22	12	1987		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3210	Nguyễn Thị	Hiền	29	5	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3211	Lê Thị Ngọc	Lan	12	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3212	Phạm Thị Lan	Phương	22	4	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
3213	Lê Thanh	Dũng	1	11	1974		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3214	Nguyễn Phạm Ngọc	Sương	10	8	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3215	Nguyễn Thị	Hoàng	29	10	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh thương mại				Tiếng Anh			
3216	Nguyễn Thị Ý	Nhi	26	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kinh tế đô thị				Tiếng Anh			
3217	Nguyễn Thanh	Mai	9	12	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			
3218	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	18	3	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý Tổ chức và nhân sự				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3219	Nguyễn Đại	Nam	12	8	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3220	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	15	9	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán - kiểm toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3221	Nguyễn Vũ Trường	Sơn	10	10	1994		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3222	Lê Thị	Hà	20	1	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3223	Nguyễn Đỗ Quốc	Minh	9	8	1994		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3224	Nguyễn Thị Tú	Oanh	9	4	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3225	Lê Thị	Thức	12	6	1977	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3226	Nguyễn Thái Thị Như	Hà	13	12	1976	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3227	Hoàng Thị	Huệ	14	2	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nhân sự				Tiếng Anh			
3228	Phạm Thị Thúy	Hằng	2	12	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3229	Phạm Văn	Dương	8	3	1999		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3230	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	10	1	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh			x				
3231	Phạm Ngọc Linh	Giang	17	12	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3232	Phan Thị Mỹ	Linh	24	6	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3233	Phan Vũ	Thắng	29	5	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3234	Phạm Như	Nguyện	12	3	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hệ thống thông tin				Tiếng Anh			
3235	Y	Phưng	1	1	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
3236	Huỳnh Thanh	Tuyền	28	3	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3237	Nguyễn Thanh	Tuấn	2	2	1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3238	Nguyễn Thị	Nghĩa	6	2	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3239	Ngô Thị Mỹ	Linh	15	9	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3240	Hồ Thanh	Thảo	27	4	1996		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3241	Phan Anh	Kiệt	1	12	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3242	Nguyễn Tuấn	Cường	30	8	1999		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3243	Thân Trọng	Thanh	16	6	1995		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nhân lực				Tiếng Anh			
3244	Lê Ngọc	Hóa	16	2	1988		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
3245	Lâm Trần Nguyên	An	20	11	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3246	Ngô Anh	Thuận	26	12	1986		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3247	Nguyễn Thanh	Quí	24	7	1999		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3248	Phạm Nguyễn Như	Sương	27	2	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3249	Nguyễn Thị	Huyền	16	1	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
3250	Phan Thị Ngọc	Truyền	3	2	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3251	Phạm Thị Kiều	Trang	5	7	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3252	Nguyễn Cẩm	Linh	1	1	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế			x				
3253	Nguyễn Đức	Minh	19	3	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3254	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	15	1	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3255	Trần Thị Ngọc	Hồng	26	7	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3256	Phạm Thị Ngọc	Trí	20	9	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật dân sự				Tiếng Anh			
3257	Nguyễn Vũ Khánh	Châu	29	12	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3258	Nguyễn Thị	Lan	9	10	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			
3259	Phạm Quang	Phúc	29	11	1988		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3260	Nguyễn Xuân	Muội	25	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3261	Phạm Thị Thanh	Châu	28	3	1977	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3262	Nguyễn Thùy Hồng	Nhung	4	5	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3263	Trần Thị Thanh	Thảo	2	9	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3264	Nguyễn Thị Thái	Nguyên	17	12	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3265	Tôn Nữ Kiều	Trinh	3	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh nhà hàng - khách sạn				Tiếng Anh			
3266	Lê Ngọc	Trọng	29	6	1998		Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3267	Lê Minh	Thư	15	1	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3268	Lê Thị	Hồng	27	9	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3269	Trần Văn	Phi	10	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Kỹ sư	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
3270	Đoàn Thanh	Phát	24	7	1992		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3271	Văn	Phương	16	3	1992		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
3272	Võ Thanh	Thảo	12	1	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3273	Trần Việt	Anh	1	10	1992		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3274	Lê Nguyễn Đoan	Trang	3	11	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Hành chính tổng hợp	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3275	Nguyễn Đức	Duy	31	8	1992		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Luật Hành chính				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3276	Huỳnh Huy	Hưng	13	2	1990		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Phòng, chống tệ nạn xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3277	Nguyễn Mạnh	Đình	24	9	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Trung			
3278	Tống Quang	Kiên	18	2	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3279	Huỳnh Thị Công	Lý	7	6	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước (Quản lý tổ chức và nhân sự)			x				
3280	Nguyễn Thị	Thảo	7	1	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý chính quyền địa phương và công tác thanh niên	01.003	Cử nhân	Chính trị học				Tiếng Anh			
3281	Nguyễn Trọng	Luân	13	4	1987		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Cử nhân	Kinh tế xây dựng				Tiếng Anh			
3282	Trần Hữu	Nghĩa	14	5	1986		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Kỹ sư	Xây dựng (Kỹ thuật công trình xây dựng)				Tiếng Anh			
3283	Dương Trọng	Khang	11	1	1996		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	01.003	Kỹ sư	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
3284	Nguyễn Thị Mai	Lan	30	4	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
3285	Lê Anh	Thư	3	11	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	01.003	Cử nhân	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3286	Nguyễn Anh	Thư	6	2	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	01.003	Cử nhân	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên				Tiếng Anh			
3287	Trần Hướng	Tiên	2	3	1996		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	01.003	Kỹ sư	Thủy Văn				Tiếng Anh			
3288	Nguyễn Thanh	Tùng	19	12	1994		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý tài nguyên nước, khoáng sản	01.003	Kỹ sư	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
3289	Lê Đức Thái	Bình	10	5	1997		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3290	Phan Thảo	Chi	2	11	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước (Quản lý tổ chức và nhân sự)				Tiếng Anh			
3291	Nguyễn Trường	Duy	22	6	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3292	Trần Thanh Thảo	Nhi	3	12	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3293	Đặng Thị Huỳnh	Như	22	9	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3294	Đậu Thị	Thanh	17	9	1997		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3295	Phan Hiền Thảo	Vy	30	11	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3296	Phạm Bảo	Huy	6	2	1982		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thông tin - truyền thông	01.003	Kỹ sư	Điện tử viễn thông				Tiếng Anh			
3297	Nguyễn Công	Thắng	6	9	1985		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý thông tin - truyền thông	01.003	Kỹ sư	Mạng máy tính				Tiếng Anh			
3298	Hoàng Quý	Anh	23	10	1993		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3299	Dương Võ Ngọc	Hiệp	22	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3300	Nguyễn Mạnh	Khoan	5	3	1982		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Quản lý môi trường				Tiếng Anh			
3301	Trình Hồng	Phúc	23	10	1982		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3302	Hoàng Ngô Anh	Tú	15	11	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3303	Nguyễn Thị Hồng	Chi	20	4	1992		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3304	Huỳnh Thị Thanh	Hoa	19	12	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3305	Nguyễn Thị	Khuỳnh	25	11	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3306	Võ Thị Thanh	Lên	15	2	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3307	Phạm Thị	Lành	2	1	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3308	Lê Đặng Hồng	Phượng	27	5	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			
3309	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	27	10	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3310	Văn Thị	Toàn	30	4	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3311	Đỗ Huỳnh Ngọc	Trân	24	6	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tài chính - Kế toán	01.003	Cử nhân	Tài chính ngân hàng				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3312	Lâm Phước	Bình	4	1	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3313	Phạm Nhựt	Châu	24	10	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3314	Lê Nguyễn	Duy	29	11	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3315	Nguyễn Quốc	Đại	31	7	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3316	Nguyễn Vũ	Hải	30	10	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3317	Nguyễn Nhật	Hoàng	15	4	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	Chưa đóng phí thi tuyển
3318	Trần Nhật	Hoài	9	12	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3319	Nguyễn Tòng	Khang	20	2	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3320	Nguyễn Phạm Trà	Khúc	10	2	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3321	Nguyễn Hữu Mai	Khuê	15	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3322	Đáo Nguyễn Thùy	Linh	30	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3323	Vũ Hoàng	Mai	6	10	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành: Tài chính)			x				
3324	Lê Quan	Nhựt	10	2	1994		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3325	Huỳnh An	Ninh	4	10	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3326	Trần Ngọc	Phương	18	7	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3327	Nguyễn Lai Như	Quỳnh	26	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3328	Bùi Minh	Sang	25	1	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3329	Phạm Châu Hoàng	Sơn	30	10	1990		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Kế toán				Tiếng Anh			
3330	Nguyễn Tấn	Sơn	7	6	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3331	Bùi Thiện Hoài	Thanh	24	3	1994		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3332	Bùi Tiến	Thành	15	7	1996		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3333	Mai Xuân	Thắng	22	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3334	Bùi Lê Anh	Thư	23	10	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3335	Trần Thanh	Tiến	15	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3336	Trần Ngọc Thanh	Trúc	5	10	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3337	Phan Chí	Trung	17	12	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3338	Lê Văn	Tú	16	10	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3339	Lê Quốc	Tuấn	1	8	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Xây dựng Đảng và Chính quyền NN				Tiếng Anh			
3340	Trương Thị Thanh	Tuyền	15	7	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Thanh tra	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3341	Lương Võ Hoàng	Hiệp	24	7	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3342	Trần Thảo	Nguyên	4	2	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3343	Nguyễn Thị Thu	Thủy	10	7	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3344	Nguyễn Khắc Lan	Chi	13	6	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			
3345	Đoàn Ngọc	Diễm	27	10	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3346	Nguyễn Lý Khánh	Duy	3	5	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3347	Dương Thị Cẩm	Hằng	3	4	1979	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Kinh tế - Luật				Tiếng Anh			
3348	Nguyễn Thị Mỹ	Khánh	18	7	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3349	Trần Hoàng	Long	9	5	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3350	Trịnh Hà	Minh	30	10	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3351	Giáp Lê	Nguyên	23	3	1996		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Hành chính				Tiếng Anh			
3352	Lê Tuấn	Phong	20	11	1996		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3353	Đặng Ngọc Minh	Phương	20	2	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3354	Nguyễn Ngọc Phương	Quỳnh	17	3	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
3355	Thiệu Diễn	Ruộng	4	6	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
3356	Lý Hoàng	Tân	3	2	1990		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3357	Võ Thiện	Thuật	12	8	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
3358	Nguyễn Thị	Thương	27	3	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Thạc sĩ	Luật Dân sự và Tố tụng dân sự				Tiếng Anh			
3359	Huỳnh Thành	Trung	7	1	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3360	Lâm Quốc	Cường	17	2	1987		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3361	Nguyễn Minh	Đại	8	10	1985		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3362	Lê Huỳnh Phát	Đạt	9	1	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			
3363	Nguyễn Minh	Hoàng	8	8	1985		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3364	Nguyễn Minh	Hoàng	5	1	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3365	Trần Thanh	Hương	18	5	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			
3366	Trần Hoàng	Lâm	17	11	1998		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3367	Bùi Thành	Lợi	4	5	1993		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội			x				
3368	Nguyễn Thị	Mai	12	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác Xã hội				Tiếng Anh			
3369	Trần Thị Ngọc	Minh	29	10	1981	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
3370	Võ Thị Ngọc	Phú	20	8	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			
3371	Phan Thành	Phúc	7	6	1987		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3372	La Kim	Phụng	2	11	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3373	Phạm Ngọc Bảo	Quyên	23	7	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
3374	Nguyễn Thị Tố	Quyên	1	6	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3375	Nguyễn Đình	Thanh	10	8	1977		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3376	Phan Ngọc Phương	Thảo	23	3	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3377	Huỳnh Thị Như	Tuyết	29	9	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3378	Phan Lê Bảo	Trâm	4	2	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3379	Trần Thị Cẩm	Tú	13	10	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Xã hội học				Tiếng Anh			
3380	Nguyễn Xuân	Trường	23	11	1989		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật và quản trị địa phương				Tiếng Anh			
3381	Nguyễn Đông	Xuân	11	6	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn hóa - Xã hội	01.003	Cử nhân	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3382	Nguyễn Thị Phương	An	13	7	1978	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
3383	Nguyễn Đan	Anh	1	12	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật học				Tiếng Anh			
3384	Phan Quang	Anh	23	2	1995		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh bất động sản				Tiếng Anh			
3385	Nguyễn Cao Quốc	Anh	2	11	1993		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3386	Nguyễn Trần	Bảo	25	6	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3387	Nguyễn Minh	Cảnh	10	3	1988		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kinh tế Luật				Tiếng Anh			
3388	Phạm Thị Quỳnh	Chi	20	10	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3389	Phạm Khánh	Duy	18	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3390	Nguyễn Trung	Hiếu	18	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3391	Đặng Thị	Linh	20	10	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3392	Nguyễn Trung Bảo	Lộc	10	3	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3393	Trần Ngọc Hoàng	Mỹ	27	10	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Tâm lý tổ chức nhân sự				Tiếng Anh			
3394	Đinh Thị Thiên	Ngân	16	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3395	Nguyễn Tiến	Nghĩa	17	9	1986		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3396	Trần Thị Huỳnh	Như	29	12	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3397	Trần Ngọc Thiên	Phước	25	9	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3398	Nguyễn Hữu	Quý	1	1	1999		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3399	Phạm Đức	Sơn	25	8	1982		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3400	Bùi Thị Thanh	Thảo	22	10	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3401	Phạm Thị Thanh	Thúy	5	2	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3402	Võ Thị Minh	Thư	25	7	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý tổ chức nhà nước và nhân sự				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3403	Phạm Thị Đoan	Trang	23	7	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Luật				Tiếng Anh			
3404	Nguyễn Thị Hồng	Trang	6	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3405	Phạm Ngọc Thùy	Trang	10	12	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán - Kiểm toán				Tiếng Anh			
3406	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	5	11	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3407	Trần Văn	Trúc	23	6	1986		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Hành chính học				Tiếng Anh			
3408	Lê Thanh	Tuấn	14	8	1991		Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
3409	Phan Thúy	Vi	5	8	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3410	Nguyễn An	Vy	13	12	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3411	Nguyễn Trần Kim	Yến	28	12	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận	Văn phòng - Thống kê	01.003	Cử nhân	Kế toán				Tiếng Anh			
3412	Trần Tài	Nguyên	29	7	1998		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3413	Thái Quỳnh	Như	11	12	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Trung			
3414	Đoàn Thanh	Khá	19	11	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3415	Phạm Tấn	Huy	2	2	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Cải cách hành chính	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3416	Phạm Mai Lâm	Anh	9	5	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh			
3417	Hà Minh	Nghĩa	6	10	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3418	Nguyễn Nhật	Huy	1	1	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh			
3419	Phạm Ngọc	Huyền	3	11	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý bất động sản (Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
3420	Trần Đình	Hiếu	29	6	1986		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3421	Cao Việt	Bắc	4	7	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3422	Châu Tiến	Lực	28	4	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính và quản lý đô thị (Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3423	Nguyễn Thành	Vương	17	10	1981		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3424	Trương Văn	Trí	11	10	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Trắc địa - Bản đồ				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3425	Lê Lý	Hùng	23	4	1998		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý Tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
3426	Nguyễn Minh	Nhật	14	7	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường (Công nghệ kỹ thuật môi trường)				Tiếng Anh			
3427	Ngô Thị Ngọc	Ánh	15	10	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Hệ thống thông tin địa lý (Bản đồ học)				Tiếng Anh			
3428	Võ Thành	Tâm	5	5	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường và du lịch sinh thái (Quản lý tài nguyên và môi trường)				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3429	Nguyễn Đức	Dũng	3	9	1986		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật công trình xây dựng				Tiếng Anh			
3430	Trương Thị Ngọc	Thoa	20	6	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý môi trường (Khoa học môi trường)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3431	Lê Mạnh	Huy	7	10	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật môi trường				Tiếng Anh			
3432	Nguyễn Đoàn Cẩm	Giang	8	11	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và Môi trường				Tiếng Anh			
3433	Nguyễn Thành	Trung	6	7	1977		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ sư xây dựng				Tiếng Anh			
3434	Trần Thị	Nguyệt	22	11	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
3435	Nguyễn Thành	Nam	13	10	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường			x				
3436	Trần Quang	Vinh	30	10	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
3437	Lê Hiệp	Phước	7	12	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính (Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
3438	Phạm Kim	Ngân	27	8	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính (Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
3439	Đinh Thị Ngọc	Nhi	11	8	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Địa chính (Quản lý đất đai)				Tiếng Anh			
3440	Nguyễn Thành	Thống	7	5	1991		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Xây dựng)				Tiếng Anh			
3441	Hoàng Trọng	Phú	2	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3442	Lai Quốc	Phong	4	9	1987		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
3443	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	16	8	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật địa chính (Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ)				Tiếng Anh			
3444	Hồ Tân	Trung	1	1	1988		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3445	Lê Thị Tuyết	Ngân	30	11	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3446	Trần Kim	Ngọc	25	4	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3447	Đặng Văn	Giáp	28	8	1984		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3448	Trịnh Hồng	Vân	15	5	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3449	Nguyễn Thị Như	Ngọc	8	11	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Kiểm soát văn bản	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3450	Hồ Trung	Hậu	8	11	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý đất đai	01.003	Thạc sĩ	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3451	Bành Văn	Tiến	17	12	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3452	Trần	Vũ	3	2	1991		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học	Dược			x				
3453	Nguyễn Hoàng Quốc	Khánh	2	9	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học	Dược học				Tiếng Anh	UT2	5	
3454	Trần Thị Diễm	Trinh	17	5	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý dược, mỹ phẩm	01.003	Đại học	Quản lý và cung ứng thuốc (Dược)				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3455	Mai Thị	Lý	25	4	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học	Quản lý xây dựng công trình giao thông				Tiếng Anh			
3456	Nguyễn Trường	Tin	15	2	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học	Xây dựng dân dụng và công nghiệp (Kỹ thuật công trình)				Tiếng Anh			
3457	Lê Đình	Công	1	6	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý giao thông vận tải	01.003	Đại học	Kinh tế xây dựng (Kinh tế và quản lý xây dựng)				Tiếng Anh			
3458	Nguyễn Thiện	Thành	24	4	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
3459	Nguyễn Đăng	Khoa	28	4	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
3460	Đặng Thị Thúy	Hiền	11	12	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3461	Trần Đình	Vinh	24	4	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3462	Đỗ Lâm	Đại	6	4	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3463	Nguyễn Trần Duy	Linh	15	2	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3464	Nguyễn Ngọc	Hiển	14	4	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3465	Ngô Trần Viết	Phi	19	5	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước			x				
3466	Trần Thị Ánh	Tuyết	28	4	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý thi đua - khen thưởng	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3467	Lê Minh	Thanh	5	12	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Kỹ thuật Xây dựng				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3468	Phạm Xuân	Lý	28	3	1987		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Quản lý xây dựng	01.003	Đại học	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp				Tiếng Anh	UT2	5	
3469	Phan Thị Hải	Anh	17	11	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Ngân hàng (Tài chính - Ngân hàng)				Tiếng Anh			
3470	Lê Thị Hồng	Hạnh	24	11	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3471	Trương Ngọc Hoàng	Phương	13	4	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính (Tài chính - Ngân hàng)				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3472	Mai Thị Ngọc	Ánh	2	11	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính kế toán (Kế toán)				Tiếng Anh			
3473	Phạm Hoàng	Anh	4	11	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3474	Nguyễn Văn	Chương	22	8	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3475	Trương Thị Thanh	Thúy	21	12	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và Luật Hành chính				Tiếng Anh			
3476	Nguyễn Thị Thùy	Dung	20	3	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh	UT2	5	
3477	Lê Nguyễn Hoàng	Phan	19	9	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3478	Trần Thành	Ân	8	4	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3479	Nguyễn Thị Lê	Thảo	6	6	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Quản lý công				Tiếng Anh			
3480	Lê Tấn	Thông	26	3	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3481	Vũ Thị	Huyền	9	4	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3482	Bùi Tiến	Thành	28	11	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3483	Hồ Hoàng	Huy	30	6	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3484	Đinh Hoàng Nhật	Nam	18	12	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3485	Lê Trúc	Quỳnh	22	4	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3486	Nguyễn Hoàng	Vũ	1	3	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3487	Phạm Minh	Long	7	11	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3488	Nguyễn Thị	Thoa	8	6	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3489	Vy Trần Tài	Đức	4	9	1998		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3490	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	9	10	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Thạc sĩ	Quản lý công				Tiếng Anh			
3491	Nguyễn Thảo	Nguyên	24	11	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Thanh tra	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3492	Lê Đoàn Khánh	Linh	16	10	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3493	Nguyễn Thị Sương	Mai	3	6	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3494	Bùi Thanh	Thảo	30	11	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3495	Ngô Tấn	Hưng	14	3	1988		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3496	La Kim Ngọc	Huyền	16	11	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3497	Nguyễn Đăng Trường	Lam	1	7	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3498	Trần Bảo	Anh	19	6	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Tổ chức quản lý nhân sự (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3499	Huỳnh Thị Ty	Vy	10	3	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3500	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	4	5	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	
3501	Trần Thị	Hiền	5	6	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3502	Lê Lý	Thành	14	5	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3503	Lê Hoàng Ánh	Dương	7	3	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
3504	Lê Văn	Cường	29	1	1991		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Tổ chức và quản lý nhân sự (Hành chính học)				Tiếng Anh			
3505	Nguyễn Duy	Khải	15	4	1982		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh	UT2	5	
3506	Ngô Nam	Việt	13	7	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3507	Nguyễn Hoài	Tâm	22	2	1988		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	ƯT3	2.5	
3508	Đặng Hoài	Nam	21	11	1984		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Thạc sĩ	Khoa học Giáo dục (thể dục thể thao)				Tiếng Anh			
3509	Hồ Thị	Hiền	21	1	1983	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh	ƯT2	5	
3510	Phạm Thị Mỹ	Linh	24	2	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Quản lý văn hóa				Tiếng Anh			
3511	Hoàng Thị Thiên	Thư	1	12	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3512	Lê Quang	Kiên	18	2	1980		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3513	Bùi Ngọc	Yến	1	1	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh thương mại				Tiếng Anh			
3514	Mai Thị	Thành	12	9	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3515	Nguyễn Thị Bích	Ngân	5	8	1997	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Thanh tra (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3516	Trịnh Minh	Thanh	21	4	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3517	Nguyễn Phương Thảo	Quỳnh	6	5	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị nguồn nhân lực (Quản trị kinh doanh)				Tiếng Anh			
3518	Nguyễn Ngọc Diễm	Nhật	14	8	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh Quốc tế			x				
3519	Nguyễn Hữu	Phước	22	9	1983		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3520	Phạm Thị Kim	Huệ	13	10	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật kinh tế				Tiếng Anh			
3521	Trần Lê	Khương	22	8	1998		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3522	Trương Công	Thịnh	1	1	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật học				Tiếng Anh			
3523	Bùi Quốc	Thái	12	8	1987		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3524	Hồ Bảo	Ngọc	8	7	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3525	Nguyễn Thị Phương	Mai	10	1	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3526	Nguyễn Hoàng	Thuận	26	4	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3527	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân	16	5	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý tài chính công (Quản lý nhà nước)				Tiếng Trung			
3528	Lê Anh	Ngọc	30	10	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Tổ chức quản lý nhân sự (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3529	Nguyễn Ngọc	Tuyền	11	10	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3530	Võ Văn	Hưởng	12	7	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước về xã hội (Hành chính học)				Tiếng Anh			
3531	Ngô Thị Kim	Liên	13	8	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Tiếp thị (Quản trị kinh doanh)				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3532	Trần Minh	Quyền	11	9	1991		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3533	Nguyễn Quốc	Thịnh	10	6	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Tài chính công (Quản lý nhà nước)				Tiếng Anh			
3534	Nguyễn Trần Diễm	Trang	10	1	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3535	Lê Thị Xuân	Đào	14	9	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3536	Nguyễn Thụy Trang	Đài	2	12	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Hành chính tổng hợp	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh	UT2	5	
3537	Lại Thị Mộng	Linh	16	1	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3538	Lê Thị Ngọc	Hậu	26	9	1975	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Hành chính tổng hợp	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3539	Trịnh Hoài	Phương	30	12	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Hành chính tổng hợp	01.003	Thạc sĩ	Luật				Tiếng Anh			
3540	Lê Trường	Quang	6	4	1977		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3541	Lê Quang	Vinh	14	3	1985		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Xã hội học				Tiếng Anh			
3542	Nguyễn Minh	Luân	9	3	1989		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3543	Trần Văn	Hoàng	17	12	1983		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Hành chính học				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3544	Nguyễn Vũ Hoàng	Oanh	8	8	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3545	Phạm Trung	Thông	10	9	1989		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3546	Trần Kim	Hoàng	1	8	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3547	Phạm Minh Thùy	Trang	1	4	1985	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý công tác dân tộc	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3548	Nguyễn Cao	Đạt	8	11	1985		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3549	Trần Thị	Hạnh	22	9	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3550	Nguyễn Kim	Hảo	24	3	1994	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ				Tiếng Anh			
3551	Huỳnh Thị Tố	Trinh	22	7	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3552	Trang Tú	Linh	1	6	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ				Tiếng Anh			
3553	Nguyễn Thị Kim	Loan	2	3	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3554	Trần Thị Lan	Thanh	5	3	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đất đai	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3555	Nguyễn Khắc Minh	Trí	18	11	1991		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3556	Lý Phương	Hải	3	8	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT2	5	
3557	Phạm Huy	Hoàng	12	10	1999		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3558	Đàm Thu	Trang	19	9	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Trung			
3559	Trần Thị Phương	Khanh	20	3	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Tài chính doanh nghiệp				Tiếng Anh			
3560	Lê Tú	Trinh	6	12	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3561	Phạm Nguyễn Hoàng	Huy	1	11	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3562	Võ Thị Minh	Khôn	18	7	1999	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý kế hoạch và đầu tư	01.003	Đại học	Tài chính công				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3563	Trần Hồ Mộng	Linh	12	7	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3564	Phan Thanh	Bình	17	4	1989		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3565	Lê Văn	Tuấn	10	10	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3566	Lê Thị Hồng	Yến	20	2	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3567	Nguyễn Ánh	Khương	19	2	1980		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý kinh tế tập thể và tư nhân	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3568	Nguyễn Khôi	Nguyên	18	11	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Quy hoạch vùng và đô thị				Tiếng Anh			
3569	Nguyễn Quốc	Thái	4	7	1985		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý quy hoạch - kiến trúc	01.003	Đại học	Kỹ thuật Xây dựng				Tiếng Anh			
3570	Nguyễn Tuấn	Phương	2	12	1991		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			
3571	Nguyễn Thị Linh	Ca	27	7	1981	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính - Tín dụng				Tiếng Anh			
3572	Vũ Hoàng Mai	Thy	23	10	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
3573	Lê Thị	Thương	1	2	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý tài chính - ngân sách	01.003	Đại học	chuyên ngành Ngân hàng (ngành Tài chính - ngân hàng)				Tiếng Anh			
3574	Phạm Văn	Long	10	4	1986		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Quản lý trật tự xây dựng đô thị	01.003	Đại học	Kỹ thuật xây dựng				Tiếng Anh			
3575	Nguyễn Cường	Thịnh	12	10	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Trung			
3576	Nguyễn Quỳnh Tú	Quyên	26	7	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3577	Trần Thành	Nhân	14	10	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3578	Mạch Tuyết	Nhàn	8	11	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3579	Lê Hồng	Tâm	28	12	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3580	Nguyễn Thị Kim	Dung	3	5	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3581	Trần Tuấn	Cường	17	12	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3582	Phạm Thị Hồng	Đào	20	3	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3583	Vũ Quang	Đông	5	8	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3584	Nguyễn Thành	Lợi	9	1	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3585	Nguyễn Thảo Uyên	Chi	8	12	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh tổng hợp			x				
3586	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	24	10	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3587	Nguyễn Trung	Bằng	26	2	1987		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3588	Lê Trần Thiên	Bảo	23	11	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3589	Trần Thị Hồng	Hạnh	1	1	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật			x				
3590	Dương Công	Thành	11	4	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3591	Nguyễn Thị Bích	Vàng	3	5	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3592	Trương Thanh	Tuyền	20	8	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
3593	Huỳnh Khôi	Nguyên	15	1	1998	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản lý nhà nước				Tiếng Anh			
3594	Nguyễn Thị Đan	Thanh	6	12	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Quản trị kinh doanh				Tiếng Anh			
3595	Nguyễn Thái Kim	Ngân	25	8	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn phòng - Thống kê	01.003	Đại học	Luật Kinh tế				Tiếng Anh			
3596	Trần Thanh	Phát	20	2	1985		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3597	Lương Thị Thảo	Linh	16	1	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3598	Đỗ Thị Bé	Thơ	10	12	1987	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Công tác xã hội				Tiếng Anh			
3599	Tăng Thụy Thanh	Trúc	31	8	1992	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3600	Nguyễn Thị	Anh	13	3	1979	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3601	Vòng Lầy	Phấn	14	3	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3602	Nguyễn Ánh	Thu	2	5	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Văn hóa - Xã hội	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3603	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	27	2	1991	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3604	Lục Thị Nhật	Nguyệt	4	8	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3605	Nguyễn Văn	Hiệp	20	12	1979		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính doanh nghiệp				Tiếng Anh			
3606	Huỳnh Thị Phương	Duyên	19	7	1993	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - ngân hàng				Tiếng Anh			
3607	Lâm Ngọc	Bình	18	2	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Kế toán kiểm toán				Tiếng Anh			
3608	Nguyễn Thanh	Vi	20	5	1988	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh	UT2	5	Chưa đóng phí thi tuyển
3609	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	17	2	1984	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	chuyên ngành Ngân hàng (ngành Tài chính - ngân hàng)				Tiếng Anh			
3610	Trần Bảo	Duy	9	7	1993		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tài chính - Kế toán	01.003	Đại học	Tài chính - Ngân hàng				Tiếng Anh			
3611	Lê Thị	Dung	4	3	1982	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	
3612	Trần Diệu	Thơ	26	3	1990	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3613	Phan Thị	Thiệp	11	7	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3614	Bùi Thị Thu	Xuân	26	2	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3615	Khưu Đức	Phượng	16	7	1989	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT2	5	

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3616	Nguyễn Văn	Lâm	1	9	1984		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3617	Trần Quốc	Khánh	15	11	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3618	Lâm Thành	Danh	22	2	1992		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3619	Đặng Ngọc	Sang	16	9	1978		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh	UT2	5	
3620	Nguyễn Thị	Loan	4	7	1986	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật Kinh doanh				Tiếng Anh			
3621	Nguyễn Phi Đạt	Văn	23	11	1984		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3622	Phạm Tấn	Hải	13	1	1985		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Tư pháp - Hộ tịch	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			
3623	Đỗ Thành	Đạt	22	8	1997		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3624	Nguyễn Bảo	Sơn	11	5	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
3625	Lưu Thị Ngọc	Giàu	7	11	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			Chưa đóng phí thi tuyển
3626	Võ Trần Anh	Thư	15	2	1996	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh			
3627	Lê Minh	Triều	30	11	1983		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh			

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Mã ngạch	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Ngoại ngữ	Tin học	Miễn thi ngoại ngữ (*)	Ngoại ngữ đăng ký thi	Đối tượng, điểm ưu tiên		Ghi chú
			Ngày	Tháng	Năm											ĐT ưu tiên (**)	Điểm ưu tiên	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
3628	Vũ Thanh	Tuyền	28	5	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh			
3629	Nguyễn Minh	Mẫn	18	12	1994		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh	UT2	5	
3630	Liêu	Long	1	11	1995		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3631	Võ Kim	Trúc	13	12	1995	x	Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường				Tiếng Anh			
3632	Trần Quốc	Hoàng	23	11	1981		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Luật				Tiếng Anh	UT3	2.5	
3633	Nguyễn Thanh	Sang	11	2	1990		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3634	Cao Phước	Sơn	1	9	1981		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Quản lý đất đai				Tiếng Anh			
3635	Nguyễn Mạnh	Cường	13	1	1996		Ủy ban nhân dân quận Tân Phú	Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường	01.003	Đại học	Kỹ thuật Môi trường				Tiếng Anh	UT3	2.5	

Danh sách có 3.635 (Ba ngàn sáu trăm ba mươi lăm) người./.

HỘI ĐỒNG THI CÔNG CHỨC NĂM 2022

Ghi chú:

(*) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển; hoặc Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định.

(**) UT2: Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động

UT3: Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong